

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1562~~ BTC-KBNN

Hướng dẫn kế toán dự toán,
lệnh chi tiền NSDP

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng ~~1~~ năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

.....Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS); Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Quyết định số 1111/QĐ-BTC ngày 04/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế mẫu phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện nhập dự toán chi ngân sách và Lệnh chi tiền của ngân sách địa phương vào TABMIS, Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình nhập dự toán, lệnh chi tiền thuộc ngân sách địa phương áp dụng cho TABMIS như sau:

A. QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi áp dụng và trách nhiệm của các thành viên tham gia

1. Phạm vi áp dụng

Công văn này áp dụng cho Sở Tài chính, Phòng Tài chính; Kho bạc Nhà nước (KBNN) tỉnh, KBNN huyện và các đơn vị liên quan trong việc nhập dự toán chi ngân sách, dự toán tạm cấp và Lệnh chi tiền của ngân sách địa phương hàng năm vào hệ thống TABMIS.

2. Trách nhiệm của các đơn vị

Việc phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện nhập dự toán chi ngân sách và Lệnh chi tiền của ngân sách địa phương vào TABMIS thực hiện theo hướng dẫn của Quy chế mẫu (Ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-BTC ngày 4/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

3. Thời hạn nhập dự toán

Thời hạn nhập dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

II. Khái niệm và phân loại dự toán

1. Giải thích từ ngữ

- "Dự toán phân bổ cấp 0" là dự toán chi ngân sách địa phương theo ngành, lĩnh vực Hội đồng nhân dân quyết định hàng năm.

- Đơn vị dự toán cấp 1 là đơn vị dự toán ngân sách được Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách. "Đơn vị dự toán cấp 1 đồng thời là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách" là đơn vị được Ủy ban nhân dân giao dự toán và không phải thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc.

- Đơn vị sử dụng ngân sách là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.

2. Quy trình nhập dự toán NSDP được nhập vào TABMIS

2.1. Dự toán chi ngân sách tỉnh, huyện theo ngành, lĩnh vực được Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện quyết định hàng năm. Việc nhập dự toán vào TABMIS được thực hiện theo quy trình nhập dự toán ngân sách phân bổ cấp 0.

2.2. Dự toán chi ngân sách tỉnh, huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện (hoặc ủy quyền cho các cơ quan Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư) giao cho các Sở, phòng, ban, đơn vị (đơn vị dự toán cấp 1) và bổ sung cho ngân sách cấp dưới, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu, dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; dự toán tạm ứng; dự toán ứng trước ngân sách năm sau; nguồn dự toán năm trước chuyển sang. Quy trình nhập dự toán vào TABMIS như sau:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy trình nhập dự toán phân bổ ngân sách từ cấp 0 đến cấp 1, gồm:

(1) Dự toán giao cho các đơn vị dự toán cấp 1, đơn vị dự toán cấp 1 có trách nhiệm phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

(2) Dự toán giao cho đơn vị dự toán cấp 1 đồng thời là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách và thực hiện rút dự toán tại KBNN.

(3) Dự toán chi bằng Lệnh chi tiền. Các trường hợp cấp phát bằng hình thức Lệnh chi tiền do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Sở tài chính quy định cụ thể, phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

b) Các trường hợp thực hiện theo quy trình nhập dự toán phân bổ ngân sách từ cấp 0 đến cấp 4 (sử dụng mã tổ chức ngân sách) gồm: Dự toán chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu (bao gồm cả nguồn trái phiếu Chính Phủ giao cho địa phương thực hiện) và các nhiệm vụ khác từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Sở Tài chính thực hiện nhập dự toán bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện và Phòng Tài chính thực hiện nhập dự toán bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu của ngân sách huyện cho ngân sách xã.

c) Đối với vốn trái phiếu địa phương dùng để xây dựng các dự án, giao dự toán (kế hoạch vốn) chi tiết đến dự án, thực hiện theo quy trình nhập dự toán chi đầu tư phân bổ từ cấp 0 đến cấp 1, đồng thời nhập dự toán giao chi tiết cho các dự án theo quy trình nhập dự toán từ cấp 1 đến cấp 4.

d) Đối với dự toán tạm ứng, ứng trước cho các đơn vị sử dụng ngân sách, dự án, cơ quan tài chính thực hiện nhập dự toán cấp 1 chi tiết cho từng đơn vị, chủ đầu tư và phân bổ dự toán từ cấp 1 đến cấp 4. Riêng đối với trường hợp dự toán tạm ứng, ứng trước chi chuyển giao, thực hiện nhập dự toán vào tài khoản chi chuyển giao cấp 4 tương ứng

2.3. Dự toán chi ngân sách do đơn vị dự toán cấp 1 phân bổ, giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc, các dự án, công trình đầu tư hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung, điều chỉnh trong năm; dự toán ứng trước ngân sách năm sau; nguồn dự toán năm trước chuyển sang. Việc nhập dự toán vào TABMIS căn cứ vào Quyết định phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp 1. Quy trình nhập dự toán vào TABMIS cụ thể như sau:

Các trường hợp thực hiện theo quy trình nhập dự toán ngân sách phân bổ từ cấp 1 đến cấp 4, gồm:

- Dự toán đơn vị dự toán cấp 1 thực hiện phân bổ, giao dự toán chi tiết đến các đơn vị sử dụng ngân sách, dự án đầu tư.

- Dự toán phân bổ chi tiết của các đơn vị dự toán cấp 1 đồng thời là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách.

2.4. Dự toán và Lệnh chi tiền ngân sách xã

Dự toán và Lệnh chi tiền ngân sách xã theo quy trình nhập dự toán phân bổ ngân sách từ cấp 0 đến cấp 4.

Đối với ngân sách xã, KBNN huyện thực hiện nhập, phê duyệt phân bổ, điều chỉnh dự toán (trong trường hợp cơ quan tài chính chưa tổ chức nhập) và nhập Lệnh chi tiền thuộc ngân sách xã theo quy trình hệ thống.

2.5. Dự toán tạm cấp đầu năm theo quy định tại Điều 51 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 (Luật NSNN), thực hiện nhập vào TABMIS theo quy trình nhập dự toán tạm cấp vào TABMIS, theo đó: cơ quan tài chính nhập dự toán tạm cấp bằng lệnh chi tiền, KBNN nhập dự toán tạm cấp bằng dự toán.

3. Phân loại dự toán theo nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 38 Luật NSNN bao gồm:

3.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại tiết 3.2 khoản này.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao địa phương quản lý;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Các hoạt động kinh tế;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

3.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

3.5. *Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.*

3.6. *Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.*

3.7. *Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật NSNN.*

4. Phân loại dự toán theo yêu cầu quản lý

Theo yêu cầu quản lý, dự toán được phân loại và mã hóa theo các loại sau:

01- *Dự toán đầu năm:* Là dự toán chính thức được Hội đồng nhân dân quyết định và giao đầu năm.

02- *Dự toán bổ sung:* Là dự toán bổ sung trong năm ngân sách được Hội đồng nhân dân quyết định ngoài dự toán đầu năm (từ nguồn tăng thu NSDP, nguồn viện trợ...).

03- *Dự toán điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền:* Là dự toán điều chỉnh tăng hoặc giảm theo quyết định của cấp có thẩm quyền; điều chỉnh từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên.

04- *Dự toán chuyển sang năm tiếp theo:* Là dự toán của năm ngân sách chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau cấp phát tiếp và quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

06- *Dự toán năm trước chuyển sang:* Là dự toán của ngân sách năm trước còn lại chưa sử dụng hết được phép chuyển sang năm nay cấp phát tiếp và quyết toán vào ngân sách năm nay.

08- *Dự toán tạm cấp:* Là dự toán được tạm cấp trong trường hợp đầu năm ngân sách khi dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán NSNN chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

09- *Dự toán ứng trước:* Là dự toán được ứng trước cho năm sau theo Quyết định của cấp có thẩm quyền. (để hạch toán ứng trước dự toán ngân sách năm sau đối với các trường hợp quy định tại Điều 57 Luật NSNN).

10- *Dự toán hủy bỏ:* Là dự toán hủy bỏ theo chế độ quy định.

11- *Dự toán tạm ứng:* Là dự toán tạm ứng khi cấp có thẩm quyền tạm ứng ngân sách từ nguồn thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của cấp có thẩm quyền; khi cấp có thẩm quyền quyết định bố trí bổ sung dự toán ngân sách hoàn trả tạm ứng ngân sách, thì thực hiện bổ sung dự toán ngân sách đồng thời thu hồi tạm ứng ngân sách.

19- *Dự toán điều chỉnh*: Là dự toán dùng trong các bút toán điều chỉnh dự toán sau khi đã chạy khứ số dư âm và chương trình chuyển nguồn.

91- *Giảm trừ dự toán*: Là dự toán cấp có thẩm quyền thu hồi theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra, cơ quan tài chính.

5. Phân loại theo mã nguồn chi NSNN

5.1. *Kế toán phân bổ dự toán chi thường xuyên theo dõi chi tiết theo mã nguồn ngân sách nhà nước như sau:*

12- *Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán*: Là kinh phí của cơ quan nhà nước không thực hiện chế độ tự chủ; kinh phí không thực hiện tự chủ của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; không bao gồm các khoản kinh phí được chi tiết theo mã tính chất nguồn kinh phí từ 14 đến 29.

13- *Kinh phí được giao tự chủ*: Bao gồm kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước.

14- *Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương*: Bao gồm các nguồn kinh phí để thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội.

Theo đó, mã nguồn 14 dùng để phản ánh nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương để xử lý cho nhu cầu tăng lương từ mức lương cơ sở hiện hành lên mức lương mới ngoài quỹ tiền lương. Đối với quỹ lương cơ bản theo mức tiền lương cơ sở hiện hành (gọi là Quỹ lương cơ bản theo biên chế được duyệt của cấp có thẩm quyền) hạch toán theo quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền (không theo dõi vào tính chất nguồn kinh phí 14).

15- *Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9*: Bao gồm các khoản dự toán kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán của cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán (theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN) được hạch toán vào tài khoản kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán với tính chất nguồn 15.

16- *Kinh phí nghiên cứu khoa học*: Bao gồm các khoản kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí trong thời gian thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định.

27- *Dự toán tạm ứng*: Là dự toán khi cấp có thẩm quyền tạm ứng ngân

sách từ nguồn thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của cấp có thẩm quyền; khi cấp có thẩm quyền quyết định bố trí bổ sung dự toán ngân sách hoàn trả tạm ứng ngân sách, thì thực hiện bổ sung dự toán ngân sách sách đồng thời thu hồi tạm ứng ngân sách.

28- *Kinh phí giữ lại*: Là kinh phí giữ lại không được chi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

29- *Kinh phí thường xuyên khác*: Là các khoản kinh phí khác.

Lưu ý: Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nguồn:

+ Tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 ghi mã nguồn 29,98.

+ Tổ hợp tài khoản dự toán cấp 2 đến tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4 ghi mã nguồn chi tiết 12, 13, 14, 15, 16, 17, 29 (nếu có).

+ Riêng đối với mã nguồn 27 được kết hợp với các tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1, cấp trung gian (2,3), cấp 4 khi có phát sinh dự toán tạm ứng.

5.2. *Kế toán phân bổ dự toán chi đầu tư theo dõi chi tiết theo mã nguồn ngân sách nhà nước như sau*:

41- *Vốn trái phiếu Chính phủ*.

42- *Vốn đầu tư từ nguồn vốn NSNN (vốn trong nước)*: dùng để phản ánh vốn trong nước được giao theo dự toán, nguồn CK viện trợ, nguồn dự phòng, chuyển nguồn từ năm trước.

43- *Vốn đầu tư từ nguồn vốn NSNN (vốn trong nước) chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương*.

44- *Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất*.

45- *Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết*.

49- *Vốn đầu tư XD CB từ nguồn khác*: dùng để phản ánh các nguồn vốn đầu tư khác không được phản ánh ở các nguồn nêu trên.

Lưu ý: Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nguồn: Ghi theo mã nguồn chi tiết từ tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 1, cấp 4.

5.3. *Kế toán nhập và phân bổ dự toán, hạch toán kế toán ghi thu, ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, viện trợ từ nước ngoài theo dõi chi tiết theo mã nguồn ngân sách nhà nước như sau*:

- Mã nguồn 52- Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW để đầu tư các chương trình, dự án.

- Mã nguồn 53- Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Mã nguồn 54- Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại.

- Mã nguồn 98- Nguồn vốn ngoài nước khác

Lưu ý: Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nguồn: Ghi theo mã nguồn chi tiết từ tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 1, cấp 4.

(1) Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay nợ bằng tiền hỗ trợ cân đối ngân sách chung hoặc hỗ trợ theo ngành của các đơn vị dự toán cấp 1, thực hiện nhập dự toán vào TABMIS như quy định đối với các khoản chi từ nguồn vốn trong nước, theo dõi mã nguồn 98.

(2) Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay, viện trợ ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương để đầu tư các chương trình, dự án ghi mã nguồn 52.

(3) Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay, viện trợ ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương vay để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương ghi mã nguồn 53.

(4) Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước, viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại ghi mã nguồn 54.

5.4. Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi viện trợ

Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi viện trợ không theo dõi mã nguồn ngân sách, ghi mã nguồn 00.

5.5. Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi chuyển giao

Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi chuyển giao không theo dõi mã nguồn ngân sách, ghi mã nguồn 00. Riêng dự toán tạm ứng chi chuyển giao của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên theo dõi mã tính chất nguồn 27- Dự toán tạm ứng.

6. Số dư dự toán

Việc kiểm soát số dư dự toán còn lại căn cứ tài khoản tổng hợp. Quan hệ tương ứng giữa tài khoản tổng hợp, tài khoản dự toán với tài khoản chi tương ứng được thiết lập trên “Bảng tổng hợp tài khoản” được quy định chi tiết tại Phụ lục IV của Công văn này.

III. Một số lưu ý về quản lý và điều hành ngân sách

1. Về bổ sung ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

- Trong văn bản thông báo số bổ sung ngân sách (hoặc tạm ứng, ứng

trước, tạm cấp) cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của cấp có thẩm quyền (Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân ủy quyền cho cơ quan Tài chính) phải ghi rõ niên độ ngân sách (năm nay hoặc năm sau).

- Trường hợp văn bản thông báo số bổ sung ngân sách (hoặc tạm ứng, ứng trước, tạm cấp) cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của cấp có thẩm quyền (hoặc cơ quan tài chính) không ghi rõ niên độ ngân sách (năm nay hoặc năm sau), thực hiện hạch toán kế toán ngân sách như sau:

+ Tạm ứng ngân sách (không kể tạm ứng trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị để chi tiêu theo chế độ quy định): tạm ứng ngân sách thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên, chuyển giao thực hiện hạch toán ngân sách nhà nước niên độ năm nay; khi cấp có thẩm quyền quyết định bố trí bổ sung dự toán ngân sách hoàn trả tạm ứng ngân sách thì thực hiện bổ sung dự toán ngân sách sách đồng thời thu hồi tạm ứng ngân sách (thực hiện hoàn trả trong năm ngân sách).

+ Ứng trước ngân sách (là khoản ứng trước dự toán ngân sách năm sau, kể cả ứng trước dự toán ngân sách một số năm): thực hiện hạch toán ngân sách nhà nước niên độ năm sau, khi cấp có thẩm quyền quyết định bố trí dự toán ngân sách năm nào, thì thực hiện thu hồi tương ứng với số vốn, kinh phí bố trí dự toán ngân sách năm đó. Trường hợp chưa thu hồi hết, chuyển niên độ ngân sách năm tiếp theo để tiếp tục thu hồi.

Lưu ý: Chỉ áp dụng ứng trước dự toán ngân sách năm sau đối với các trường hợp quy định tại Điều 57 Luật NSNN.

+ Tạm cấp ngân sách (là khoản chi ngân sách): thực hiện hạch toán ngân sách nhà nước niên độ năm nay, khi được cấp có thẩm quyền quyết toán năm nào, thì thực hiện cấp bổ sung (nếu thiếu) hoặc thu hồi (nếu thừa) trong năm đó.

2. Về phân bổ sử dụng dự phòng ngân sách, tăng thu ngân sách so với dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định; bổ sung có mục tiêu từ cấp trên cho cấp dưới

- Trong văn bản thông báo bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách, tăng thu ngân sách của cấp có thẩm quyền (hoặc ủy quyền cho cơ quan tài chính) phải ghi rõ nhiệm vụ chi theo tính chất, nhiệm vụ chi (đầu tư, thường xuyên hoặc chi trả nợ).

- Trong văn bản thông báo bổ sung có mục tiêu của cấp có thẩm quyền từ cấp trên cho cấp dưới (hoặc ủy quyền cho cơ quan tài chính) phải ghi rõ nguồn bố trí (dự phòng ngân sách, lĩnh vực chi,...).

- Trường hợp chưa có cơ sở hạch toán kế toán đơn vị trình phân bổ phải xác định rõ nguồn bổ sung để hạch toán.

3. Về việc thu hồi dự toán ứng trước chi đầu tư

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức của cấp có thẩm quyền, trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán ứng trước, sau khi dự toán chính thức được phân bổ trên hệ thống, trách nhiệm thu hồi dự toán ứng trước của các đơn vị như sau:

- Đối với việc thu hồi dự toán ứng trước trên tài khoản dự toán ứng trước cấp 4 do các đơn vị KBNN (bộ phận kiểm soát chi) thực hiện.

- Đối với việc thu hồi dự toán ứng trước cấp 1: do cơ quan tài chính thực hiện thu hồi số dư dự toán ứng trước (nếu có) trên tài khoản dự toán ứng trước cấp 1.

4. Về việc thu hồi dự toán tạm ứng chi thường xuyên

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức của cấp có thẩm quyền, trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán tạm ứng, sau khi dự toán chính thức được phân bổ trên hệ thống, trách nhiệm thu hồi dự toán tạm ứng của các đơn vị như sau:

- Đối với việc thu hồi dự toán tạm ứng cấp 4 do các đơn vị KBNN (bộ phận kiểm soát chi) thực hiện.

- Đối với việc thu hồi dự toán tạm ứng cấp 1: Cơ quan tài chính thực hiện thu hồi số dư dự toán tạm ứng.

Lưu ý: Việc thu hồi dự toán tạm ứng được thực hiện trên tài khoản dự toán chi thường xuyên giao trong năm cấp 1, cấp 4 tương ứng, chi tiết loại dự toán 11, mã nguồn 27.

5. Về việc thu hồi dự toán chuyển giao bằng dự toán tạm ứng, ứng trước.

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức của cấp có thẩm quyền, trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán tạm ứng, sau khi dự toán chính thức được phân bổ trên hệ thống, trách nhiệm thu hồi dự toán tạm ứng của các đơn vị như sau:

Đối với việc thu hồi dự toán tạm ứng cấp 4 do các đơn vị KBNN (bộ phận kế toán) thực hiện.

Lưu ý: Việc thu hồi dự toán tạm ứng được thực hiện trên tài khoản dự toán chi thường xuyên giao trong năm cấp 1, cấp 4 tương ứng, chi tiết loại dự toán 11, mã nguồn 27.

6. Về giao dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán các khoản chi kinh phí uỷ quyền

- Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên uỷ quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng của mình thì phải phân bổ nguồn kinh phí cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó.

- Khi thực hiện phân bổ và giao kinh phí uỷ quyền, cơ quan uỷ quyền coi cơ quan cấp dưới được uỷ quyền là đơn vị dự toán đặc biệt và thực hiện phân bổ, giao dự toán như đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp với cơ quan được uỷ quyền biết để phối hợp chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí uỷ quyền đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

Trường hợp các Bộ đồng thời uỷ quyền cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện ở địa phương, nếu không có điều kiện phân bổ, giao dự toán trực tiếp đến các đơn vị cấp huyện thì có thể giao đến cơ quan cấp tỉnh và uỷ quyền cho các đơn vị này phân bổ, giao dự toán tiếp đến các đơn vị cấp huyện.

- Việc chi trả, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền được thực hiện theo hình thức rút dự toán nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên; cấp phát, thanh toán vốn đầu tư nếu là uỷ quyền về vốn đầu tư. Khi cấp phát, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền, thực hiện hạch toán vào chương và cấp ngân sách của đơn vị uỷ quyền.

Ví dụ:

(1) Dự toán chi thực hiện chính sách người có công với cách mạng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (LĐTB và XH) quản lý, uỷ quyền cho các Sở LĐTB và XH (cấp tỉnh) phân bổ tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách (đơn vị dự toán đặc biệt). Việc chi trả, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền được thực hiện theo hình thức rút dự toán nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên (sử dụng tài khoản chi thường xuyên) và cấp phát, thanh toán vốn đầu tư nếu là uỷ quyền về vốn đầu tư (sử dụng tài khoản chi đầu tư). Khi cấp phát, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền, thực hiện hạch toán vào chương Bộ LĐTB và XH (chương 024), cấp ngân sách TW (cấp 1).

(2) Dự toán chi thường xuyên duy tu bảo dưỡng đê điều do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN và PTNT) quản lý, uỷ quyền cho các Sở NN và PTNT thực hiện (đơn vị dự toán đặc biệt). Việc chi trả, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền được thực hiện theo hình thức rút dự toán nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên (sử dụng tài khoản chi thường xuyên). Khi cấp phát, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền, thực hiện hạch toán vào chương Bộ NN và PTNT (chương 012) và cấp ngân sách TW (cấp 1).

IV. Quy định về chứng từ dự toán

1. Mẫu chứng từ kế toán

Mẫu biểu chứng từ được Quy định tại Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc.

2. Phương pháp ghi chép

Phương pháp ghi chép trên chứng từ kế toán dự toán được nêu trong Phụ lục I của Công văn này.

V. Nguyên tắc, nội dung và kết cấu tài khoản

1. Nguyên tắc kết hợp tổ hợp tài khoản dự toán:

Nguyên tắc kết hợp tổ hợp tài khoản dự toán được nêu trong Phụ lục II của Công văn này.

2. Nội dung và kết cấu các tài khoản kế toán

Nội dung và kết cấu các tài khoản kế toán được quy định tại Phụ lục III của Công văn này.

B. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. Quy trình và phương pháp kế toán dự toán NSDP do cơ quan tài chính thực hiện (Sở Tài chính, Phòng Tài chính)

1. Quy trình nhập dự toán và phương pháp kế toán dự toán cấp 0

1.1. Quy trình nhập dự toán cấp 0

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách cấp tỉnh, dự toán chi ngân sách cấp huyện theo ngành, lĩnh vực và chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới được Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện quyết định hàng năm, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu; dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; nguồn dự toán năm trước chuyển sang; dự toán từ nguồn ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước nguồn NSTW chuyển giao; nguồn chính phủ vay về cho địa phương vay lại..., thực hiện như sau:

(1) Người nhập (chuyên viên cơ quan tài chính) lập chứng từ nhập dự toán cấp 0 (theo hướng dẫn tại điểm 2, mục IV, phần A), ghi nợ tài khoản đích là tài khoản dự toán chi phân bổ cấp 0, ghi có tài khoản nguồn dự toán giao trong năm; tại phân hệ BA- màn hình Nhập bút toán ngân sách, nhập dự toán cấp 0 theo chi tiết của các loại dự toán (dự toán chính thức, bổ sung, điều chỉnh - ký hiệu mã loại dự toán tương ứng).

(2) Người nhập thực hiện lưu bút toán, kiểm tra bút toán, xem kết quả bút toán và chạy Nhập bút toán.

(3) Người nhập in Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS, thực hiện kiểm tra dữ liệu đã nhập, nếu sai sửa bút toán trước khi gửi đi phê duyệt, nếu đúng thực hiện bước gửi đi phê duyệt.

(4) Người phê duyệt kiểm tra bút toán, nếu đúng thực hiện phê duyệt, thông báo cho người nhập thực hiện Dành dự toán để có số dư thực hiện phân bổ dự toán xem. Nếu sai từ chối phê duyệt, thông báo cho người nhập sửa bút toán và đề trình phê duyệt lại.

(5) Sau khi phê duyệt:

a) Thực hiện kết sổ tự động: Kết sổ được thực hiện theo đúng lịch trình đã thiết lập.

b) Thực hiện kết sổ thủ công: Trong trường hợp cần thiết, Người phê duyệt thực hiện kết sổ thủ công và kiểm tra việc kết sổ hoàn thành.

(6) Lưu chứng từ, kết xuất báo cáo:

Sau khi việc kết sổ hoàn thành, thực hiện việc lưu trữ chứng từ như sau:

- Người nhập: In Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS-BA, kèm theo các tài liệu gồm: Chứng từ nhập dự toán, Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền (bản chính), kiểm tra, chấm, đối chiếu khớp đúng, ký đầy đủ chữ ký trên Bảng liệt kê chứng từ theo mẫu quy định, gửi vào lưu trữ tập chứng từ ngày.

- Người phê duyệt kiểm tra Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS-BA tổng hợp tất cả các mã của Người nhập (các chuyên viên được phân công nhập dự toán cấp 0), kiểm tra đảm bảo các yếu tố đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp, ký trên Bảng liệt kê tổng hợp, chuyển cho chuyên viên tài chính (chuyên viên được phân công lưu trữ chứng từ) lưu trữ tập chứng từ ngày.

- Định kỳ tháng, năm: Người nhập (chuyên viên được phân công làm tổng hợp) in Báo cáo mẫu B1- 01b (Báo cáo tình hình phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh (huyện, xã) và chi trả nợ niên độ) thực hiện kiểm tra số liệu báo cáo khớp đúng, trình người phê duyệt ký, lưu trữ vào tập báo cáo tháng theo quy định.

1.2. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã ngành kinh tế tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0

Đối với tổ hợp tài khoản kế toán dùng để hạch toán dự toán cấp 0: Hạch toán theo từng nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định tại Điều 38 Luật NSNN và được mã hóa theo Phụ lục II - Danh mục mã Loại - Khoản (ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước) hạch toán chi tiết mã loại như sau:

(Riêng đối với tổ hợp tài khoản kế toán dùng để hạch toán dự toán cấp 0 năm 2017, hạch toán theo từng nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định tại theo Bảng số 01/BCĐ, ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016).

a) Chi đầu tư phát triển

(1) Chi đầu tư cho các dự án theo 13 lĩnh vực: Quốc phòng (được kết hợp mã loại 010), An ninh và trật tự an toàn xã hội (040), Giáo dục - đào tạo và dạy nghề (070), Khoa học và công nghệ (100), Y tế, dân số và gia đình (130), Văn hóa thông tin (160), Phát thanh, truyền hình, thông tấn (190), Thể dục thể thao (220), Bảo vệ môi trường (250), Các hoạt động kinh tế (280), Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (340), Bảo đảm xã hội (370), các khoản chi chưa phân loại vào các lĩnh vực nêu trên (428).

(2) Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp theo chế độ quy định (405).

(3) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo chế độ quy định (406) .

b) Chi thường xuyên

Chi thường xuyên theo 13 lĩnh vực: Quốc phòng (được kết hợp mã loại 010), An ninh và trật tự an toàn xã hội (040), Giáo dục - đào tạo và dạy nghề (070), Khoa học và công nghệ (100), Y tế, dân số và gia đình (130), Văn hóa thông tin (160), Phát thanh, truyền hình, thông tấn (190), Thể dục thể thao (220), Bảo vệ môi trường (250), Các hoạt động kinh tế (280), Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (340), Bảo đảm xã hội (370), các khoản chi chưa phân loại vào các lĩnh vực nêu trên (428).

c) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (401)

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương (408)

e) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương (434)

g) Chi bổ sung cân đối ngân sách (431), bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới (432).

h) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật NSNN:

(1) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương (411);

(2) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới (411);

(3) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng (435).

Lưu ý: Đối với tổ hợp tài khoản kế toán dùng để hạch toán dự toán cấp 0 năm 2017, hạch toán theo từng nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định tại theo Bảng số 01/BCĐ, ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016.

1.3. Phương pháp kế toán

1.3.1. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi thường xuyên

Nợ TK 9213 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

1.3.2. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

a) Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho các dự án

Nợ TK 9216 - Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

b) Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp theo chế độ quy định

Nợ TK 9219 - Dự toán chi ĐTPT khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

c) Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo chế độ quy định

Nợ TK 9219 - Dự toán chi ĐTPT khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

1.3.3. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi trả nợ lãi

Nợ TK 9226 - Dự toán chi trả nợ phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

1.3.4. Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi chuyển giao

+ Trường hợp giao trong năm, ghi:

Nợ TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

+ Trường hợp giao bổ sung trong năm từ nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm, ghi:

Nợ TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0 (loại dự toán 02)

Có TK 9161 - Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm

+ Trường hợp giao bổ sung trong năm từ các nguồn bội chi tăng thêm, nguồn tăng thu, nguồn kết dư để bổ sung mục tiêu tăng thêm, ghi

Nợ TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0 (loại dự toán 02)

Có TK 9141, 9151, 9171- Nguồn bội chi, tăng thu, kết dư

1.3.5. Kế toán nhập dự toán cấp 0 của các nhiệm vụ khác

a) Nhiệm vụ chi cải cách tiền lương (436)

Nợ TK 9213 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

b) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương (408).

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

c) Chi chuyển nguồn của ngân sách địa phương sang năm sau (434).

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

d) Dự phòng ngân sách (437), dự phòng hỗ trợ địa phương khác (435)

Nợ TK 9233 - Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

e) Dự toán giao từ nguồn kết dư

Trường hợp giao dự toán từ nguồn kết dư để chi cho năm ngân sách (429)

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9171- Nguồn kết dư

g) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn (411)

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

h) Các nhiệm vụ chi khác (429)

Nợ TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

2. Kế toán phân bổ dự toán chi thường xuyên

2.1. Kế toán phân bổ dự toán giao trong năm

2.1.1. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán cấp 0 tới cấp 1

2.1.1.1. Quy trình phân bổ

Căn cứ Quyết định phê duyệt phân bổ dự toán của Ủy ban Nhân dân cho các đơn vị dự toán cấp 1, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu; dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; nguồn dự toán năm trước chuyển sang; dự toán từ nguồn ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước nguồn NSTW chuyển giao; nguồn chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện các bước như sau:

(1) Người nhập (chuyên viên cơ quan tài chính) lập chứng từ phân bổ dự toán (theo hướng dẫn tại khoản 2, mục IV, phần A của Công văn này) ghi tài khoản nguồn là tài khoản dự toán cấp 0 (dữ liệu tổ hợp tài khoản cấp 0 phải khớp đúng với số liệu đã nhập dự toán cấp 0), tài khoản đích là tài khoản dự toán cấp 1; tại phân hệ BA- Màn hình Dossier chọn loại giao dịch “Phân bổ dự toán giao trong năm từ cấp 0 tới cấp 1” phân bổ dự toán theo chi tiết của các loại dự toán (dự toán chính thức, bổ sung, điều chỉnh - ký hiệu mã loại dự toán tương ứng).

Lưu ý:

+ Chưa thực hiện bước dành dự toán khi chưa kiểm tra số liệu đã nhập trên hệ thống.

+ Trước khi phân bổ dự toán, Người nhập phải lựa chọn loại Dossier theo đúng luồng công việc và luồng phê duyệt.

(2) Người nhập in liệt kê chứng từ S2-06d/KB/TABMIS-BA, thực hiện chấm, kiểm tra dữ liệu đã nhập, nếu sai sửa bút toán sai trước khi dành dự toán. Sau khi đã kiểm tra đảm bảo số liệu đúng thực hiện dành dự toán và gửi đi phê duyệt.

(3) Tạo bút toán: Việc tạo bút toán được thực hiện theo đúng lịch trình đã thiết lập (hệ thống đặt lịch tự động 2 lần/ngày).

(4) Người có chức năng phê duyệt kiểm tra nếu đúng thực hiện phê duyệt, nếu sai từ chối phê duyệt, thông báo cho người nhập sửa bút toán và phê duyệt lại.

(5) Sau khi phê duyệt:

a) Thực hiện kết sổ tự động: Kết sổ được thực hiện theo đúng lịch trình đã thiết lập.

b) Thực hiện kết sổ thủ công: Trong trường hợp cần thiết, Người phê duyệt thực hiện kết sổ thủ công và kiểm tra việc kết sổ hoàn thành.

(6) Lưu chứng từ, kết xuất báo cáo:

Sau khi việc kết sổ hoàn thành thực hiện việc lưu trữ chứng từ, cụ thể:

- Người nhập: In Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS-BA, kèm theo các tài liệu gồm: Chứng từ phân bổ dự toán, Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền (bản chính), kiểm tra, chấm, đối chiếu khớp đúng, ký đầy

đủ chữ ký trên Bảng liệt kê chứng từ theo mẫu quy định, gửi vào lưu trữ tập chứng từ ngày.

- Người phê duyệt kiểm tra Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS-BA tổng hợp tất cả các mã của Người nhập (các chuyên viên được phân công phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1), kiểm tra đảm bảo các yếu tố đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp, ký trên Bảng liệt kê tổng hợp, chuyển cho chuyên viên tài chính (chuyên viên được phân công lưu trữ chứng từ) lưu trữ tập chứng từ ngày.

- Định kỳ tháng, năm: Người nhập (chuyên viên được phân công làm tổng hợp) in Báo cáo mẫu B1-02/BC-NS/TABMIS (Báo cáo tổng hợp tình hình phân bổ giao dự toán chi của các đơn vị dự toán cấp 1-NSDP) kiểm tra số liệu báo cáo khớp đúng, trình người phê duyệt ký, lưu trữ vào tập báo cáo tháng theo quy định.

2.1.1.2. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã ngành kinh tế tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1

Thực hiện tương tự tiết 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

2.1.1.3. Phương pháp kế toán phân bổ từ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1

(1) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm, ghi:

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Có TK 9213 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã Loại chi tiết theo lĩnh vực chi của quyết định giao dự toán.

(2) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từ nhiệm vụ chi cải cách tiền lương, ghi:

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Có TK 9213- Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 cùng mã Khoản 436.

(3) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từ nguồn dự phòng ghi:

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Có TK 9233 - Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi mã Khoản 437, tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1 ghi mã Loại chi tiết theo lĩnh vực chi của quyết định giao dự toán chi thường xuyên.

(4) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từ nguồn tăng thu, ghi:

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Có TK 9241 - Dự toán tăng thu

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi mã Khoản 429, tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1 ghi mã Loại chi tiết theo lĩnh vực chi của quyết định giao dự toán chi thường xuyên.

(5) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từ kết dư, nguồn khác, ghi:

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi mã Khoản 429; tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1 ghi mã Loại chi tiết theo lĩnh vực chi của quyết định giao dự toán chi thường xuyên.

(6) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thường xuyên từ cấp 0 tới cấp 1.

Nợ TK 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cấp 1

Có TK 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (429).

2.1.2. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán giao trong năm từ cấp 1 cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

2.1.2.1. Quy trình phân bổ

Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán giao trong năm của đơn vị dự toán cấp 1 giao cho đơn vị sử dụng ngân sách, quy trình phân bổ thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại điểm 2.1.1.1, tiết 2.1.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn này.

2.1.2.2. Phương pháp kế toán

- Kế toán phân bổ dự toán giao trong năm chi thường xuyên

Nợ TK 9523, 9524, 9527, 9528 - Dự toán chi phân bổ cấp 4

Có TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

- Phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thường xuyên

Nợ TK 9595 - Dự toán GTGC thường xuyên bằng dự toán phân bổ cấp 4

Có TK 9264 - Dự toán GTGC thường xuyên phân bổ cấp 1

2.2. Kế toán phân bổ dự toán tạm ứng

2.2.1. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán tạm ứng cấp 1

2.2.1.1. Quy trình nhập dự toán tạm ứng

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán tạm ứng thường xuyên của Ủy ban Nhân dân cho các đơn vị dự toán cấp 1, cơ quan tài chính thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ tại tiết 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

2.2.1.2. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã ngành kinh tế tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1

Thực hiện tương tự tiết 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này

2.2.1.3. Phương pháp kế toán dự toán tạm ứng kinh phí thường xuyên đơn vị dự toán cấp 1

Nợ TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Có TK 9111 – Nguồn dự toán giao trong năm

Lưu ý: Nhập loại dự toán 11- dự toán tạm ứng, mã nguồn 27- dự toán tạm ứng.

2.2.2. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán tạm ứng từ cấp 1 cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

2.2.2.1. Quy trình phân bổ

Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán tạm ứng của đơn vị dự toán cấp 1 giao cho đơn vị sử dụng ngân sách, quy trình phân bổ thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại điểm 2.1.1.1, tiết 2.1.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn này.

2.2.2.2. Phương pháp kế toán

- Kế toán phân bổ dự toán tạm ứng chi thường xuyên

Nợ TK 9523, 9527 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 4

Có TK 9253 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 1

Lưu ý: Nhập loại dự toán 11- dự toán tạm ứng, mã nguồn 27- dự toán tạm ứng.

2.2.3. Kế toán thu hồi dự toán tạm ứng

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức của cấp có thẩm quyền trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán tạm ứng, căn cứ văn bản đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách về việc thu hồi dự toán tạm ứng, cán bộ kiểm soát chi KBNN lập Phiếu điều chỉnh (Mẫu số C6-09/KB), ghi:

a) Thu hồi trong năm

- Thu hồi số chi từ dự toán tạm ứng, ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1513, 1523, 8123 (mã nguồn tương ứng của dự toán chính thức)

Có TK 1513, 1523, 8123 (mã nguồn 27 - Dự toán tạm ứng)

- Thu hồi dự toán tạm ứng (BA, kỳ hiện tại):

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (số tạm ứng- chi tiết loại dự toán 11- Dự toán tạm ứng).

Có TK 9523, 9527 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (chi tiết loại dự toán 11- Dự toán tạm ứng).

b) Trường hợp thu hồi dự toán tạm ứng trong thời gian chỉnh lý quyết toán

- Thu hồi số chi từ dự toán tạm ứng, ghi (GL, kỳ 13 năm trước, ngày hiệu lực 31/12):

Nợ TK 1513, 1523, 8123 (mã nguồn tương ứng của dự toán chính thức)

Có TK 1513, 1523, 8123 (mã nguồn 27 - Dự toán tạm ứng)

- Thu hồi dự toán tạm ứng (BA, kỳ 13 năm trước)

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (số tạm ứng- chi tiết loại dự toán 11- Dự toán tạm ứng)

Có TK 9523, 9527 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm phân bổ cấp 4 (chi tiết loại dự toán 11- Dự toán tạm ứng).

2.3. Kế toán dự toán tạm cấp bằng lệnh chi tiền

2.3.1. Quy trình nhập dự toán tạm cấp:

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán tạm cấp đã được Thủ trưởng cơ quan tài chính địa phương phê duyệt, cơ quan tài chính thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ tại tiết 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

2.3.2. Kế toán nhập dự toán tạm cấp

Căn cứ vào Giấy đề nghị tạm cấp dự toán của đơn vị đã được Thủ trưởng cơ quan tài chính địa phương phê duyệt, người nhập thực hiện: lập Phiếu nhập dự toán theo nguyên tắc ghi chép tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4 và tài khoản nguồn; nhập dữ liệu dự toán vào TABMIS trên phân hệ BA - màn hình phân bổ ngân sách), ghi (chi tiết loại dự toán 08):

Nợ TK 9514, 9518 - Dự toán tạm cấp chi TX bằng lệnh chi tiền phân bổ cấp 4 tự chủ, không tự chủ

Có TK 9121 - Nguồn dự toán tạm cấp

2.3.3. Kế toán đảo dự toán tạm cấp

Khi nhận được Quyết định giao dự toán chính thức lệnh chi tiền cho ĐVSDNS, người nhập kiểm tra số dư dự toán chính thức và lập Phiếu điều

chính dự toán (Mẫu C6-04/NS), đảo dự toán tạm cấp trên phân hệ sổ cái (TABMIS - các chương trình chạy chương trình “đảo dự toán tạm cấp”), nhập đầy đủ các yếu tố quy định, hệ thống tự động sinh bút toán:

Nợ TK 9121 - Nguồn dự toán tạm cấp

Có TK 9514, 9518 - Dự toán tạm cấp chi TX bằng lệnh chi tiền phân bổ cấp 4 tự chủ, không tự chủ

3. Kế toán phân bổ dự toán chi đầu tư

3.1. Kế toán phân bổ dự toán chi đầu tư giao trong năm

3.1.1. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán chi đầu tư từ cấp 0 tới cấp 1

3.1.1.1. Quy trình phân bổ

Căn cứ Quyết định phê duyệt phân bổ dự toán của Ủy ban Nhân dân cho các đơn vị dự toán cấp 1 (các chủ đầu tư), bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu; dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; nguồn dự toán năm trước chuyển sang; dự toán từ nguồn ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước nguồn NSTW chuyển giao; nguồn chính phủ vay về cho địa phương vay lại; Người nhập thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại điểm 2.1.1.1, tiết 2.1.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn này.

3.1.1.2. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã ngành kinh tế tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1

Thực hiện tương tự tiết 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này

3.1.1.3. Phương pháp kế toán

(1) Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 chi đầu tư phát triển

a) Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho các dự án

Nợ TK 9256 - Dự toán chi đầu tư XD CB phân bổ cấp 1

Có TK 9216 - Dự toán chi đầu tư XD CB phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã Loại chi tiết theo lĩnh vực chi của quyết định giao dự toán.

b) Kế toán dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 nhiệm vụ chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp theo chế độ quy định

Nợ TK 9259 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1

Có TK 9219 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã Khoản 405.

c) Kế toán dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo chế độ quy định.

Nợ TK 9259 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1

Có TK 9219 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 cùng 1 mã Khoản 406.

(2) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán giao trong năm từ nguồn dự phòng, tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm chi đầu tư phát triển

a) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán từ nguồn dự phòng hoặc tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm cho các dự án, ghi:

Nợ TK 9256 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 1

Có TK 9233 hoặc 9241 - Dự toán dự phòng, hoặc tăng thu phân bổ cấp 0

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 mã Khoản 437 (dự phòng) hoặc tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm mã Khoản 429, tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1 mã Loại chi tiết theo lĩnh vực chi của quyết định giao dự toán chi đầu tư.

b) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán từ nguồn dự phòng hoặc tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm cho chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 9259 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1

Có TK 9233 hoặc 9241 - Dự toán dự phòng, hoặc tăng thu phân bổ cấp 0.

Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 mã Khoản 437 (dự phòng) hoặc tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm mã Khoản 429, tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1 ghi mã Khoản 405 - chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

c) Phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 dự toán từ nguồn dự phòng hoặc tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm cho đầu tư phát triển khác theo chế độ quy định, ghi:

Nợ TK 9259 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1

Có TK 9233 hoặc 9241 - Dự toán dự phòng, hoặc tăng thu phân bổ cấp 0
Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 mã Khoản 437 (dự phòng) hoặc tăng thu, kết dư, bội chi tăng thêm ghi mã Khoản 429, tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1 mã Khoản 406 - chi đầu tư phát triển khác theo chế độ quy định.

(3) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ĐT XDCB từ cấp 0 tới cấp 1

Nợ TK 9265 - Dự toán GTGC đầu tư XDCB phân bổ cấp 1

Có TK 9216 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (429).

3.1.2. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán chi đầu tư giao trong năm từ cấp 1 cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

3.1.2.1. Quy trình phân bổ

Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán giao trong năm của đơn vị dự toán cấp 1 giao cho đơn vị sử dụng ngân sách; Người nhập thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại điểm 2.1.1.1, tiết 2.1.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn này.

3.1.2.2. Phương pháp kế toán

- Kế toán phân bổ dự toán giao trong năm chi đầu tư phát triển cho các dự án

Nợ TK 9552 - Dự toán chi đầu tư XDCB giao trong năm bằng dự toán

Có TK 9256 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 1

- Kế toán phân bổ dự toán giao trong năm chi ĐT và hỗ trợ doanh nghiệp và chi đầu tư phát triển khác.

Nợ TK 9562 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng dự toán

Có TK 9259 - Dự toán chi ĐTPT khác phân bổ cấp 1

- Kế toán phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB

Nợ TK 9597 - Dự toán GTGC đầu tư XDCB bằng dự toán

Có TK 9265 - Dự toán GTGC đầu tư XDCB phân bổ cấp 1

3.2. Dự toán ứng trước đầu tư

3.2.1. Quy trình và phương pháp kế toán dự toán ứng trước đầu tư cho đơn vị dự toán cấp 1

3.2.1.1. Quy trình nhập dự toán ứng trước

Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán ứng trước thực hiện nhiệm vụ chi của Ủy ban Nhân dân giao cho các đơn vị dự toán cấp 1; Người nhập thực hiện các bước tương tự Quy trình nhập dự toán cấp 0 quy định tại tiết 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

3.2.1.2. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã ngành kinh tế tại tổ hợp tài khoản dự toán chi đầu tư ứng trước cấp 1

Thực hiện tương tự tiết 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này

3.2.1.3. Phương pháp kế toán

- Đối với dự toán chi đầu tư XDCCB

Nợ TK 9276 - Dự toán chi đầu tư XDCCB phân bổ cấp 1 ứng trước

Có TK 9131 – Nguồn dự toán ứng trước

- Đối với dự toán chi đầu tư phát triển khác

Nợ TK 9279 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1 ứng trước

Có TK 9131 – Nguồn dự toán ứng trước

3.2.2. Quy trình và phương pháp kế toán phân bổ dự toán ứng trước chi đầu tư từ cấp 1 cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

3.2.2.1. Quy trình phân bổ

Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán ứng trước của đơn vị dự toán cấp 1 giao cho đơn vị sử dụng ngân sách; Người nhập thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại điểm 2.1.1.1, tiết 2.1.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn này.

3.2.2.2. Phương pháp kế toán

- Kế toán phân bổ dự toán giao trong năm chi đầu tư phát triển cho các dự án

Nợ TK 9557 - Dự toán chi đầu tư XDCCB ứng trước bằng dự toán

Có TK 9276 - Dự toán chi đầu tư XDCCB phân bổ cấp 1 ứng trước

- Kế toán phân bổ dự toán giao trong năm chi ĐT và hỗ trợ doanh nghiệp và chi đầu tư phát triển khác.

Nợ TK 9567 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán

Có TK 9279 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1 ứng trước

3.2.3. Kế toán thu hồi dự toán ứng trước (bộ phận KSC thực hiện)

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức của cấp có thẩm quyền trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán ứng trước, Giấy đề nghị thu hồi ứng trước vốn đầu tư kèm hồ sơ có liên quan của chủ đầu tư đã được bộ phận kiểm soát chi kiểm soát, chuyên viên KSC ghi

a) Thu hồi trong năm

- Thu hồi số chi từ dự toán ứng trước, ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1713, 8211

Có TK 1724, 1727

- Thu hồi dự toán ứng trước (BA, kỳ hiện tại):

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (chi tiết loại dự toán 09- Dự toán ứng trước).

Có TK 9557, 9567 - Dự toán chi đầu tư XDCCB, đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán (chi tiết loại dự toán 09- Dự toán ứng trước).

b) Trường hợp thu hồi dự toán ứng trước trong thời gian chỉnh lý quyết toán

- Ghi chi NSNN năm trước, kế toán ghi (GL, kỳ 13 năm trước, ngày hiệu lực 31/12):

Nợ TK 1713, 8211

Có TK 1724, 1727

- Thu hồi dự toán ứng trước (BA, kỳ 13 năm trước)

Nợ TK 9631- Dự toán bị hủy (chi tiết loại dự toán 09 - Dự toán ứng trước).

Có TK 9557, 9567 - Dự toán chi đầu tư XD CB, đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán (chi tiết loại dự toán 09 - Dự toán ứng trước).

4. Quy trình phân bổ dự toán chi chuyển giao NS cấp trên cho ngân sách cấp dưới (NS tỉnh cho NS huyện, NS huyện cho NS xã)

(1) Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định giao dự toán chính thức, tạm cấp dự toán chi chuyển giao, hạch toán vào tài khoản dự toán chi chuyển giao NSNN giao trong năm.

Việc ghi chép tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 4 ghi theo nguyên tắc chung, lưu ý thêm các đoạn mã tổ hợp tài khoản cấp 4 có các đặc điểm kết hợp sau:

+ Mã cấp ngân sách: Cấp 2 (NS tỉnh cho NS huyện), cấp 3 (NS huyện cho NS xã)

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách huyện hoặc mã UBND xã

+ Mã chương: 560 hoặc 760

+ Mã ngành kinh tế: 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối)

+ Mã CTMT, DA: Ghi mã CTMT (khoản kinh phí từ CTMT); hoặc ghi mã 00000 (khoản kinh phí không phải chương trình mục tiêu)

+ Mã loại dự toán: 01, 02, 03 tương ứng

(2) Trường hợp tạm ứng dự toán chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên hạch toán vào tài khoản dự toán chi chuyển giao NS bằng dự toán giao trong năm.

Việc ghi chép tương tự điểm (1) mục này, lưu ý theo dõi chi tiết mã loại dự toán 11- Dự toán tạm ứng.

4.1. Quy trình phân bổ dự toán chi chuyển giao trong năm

Căn cứ vào các văn bản của cấp có thẩm quyền về việc giao dự toán chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới giao trong dự toán đầu năm; dự toán bổ sung có mục tiêu; tạm cấp dự toán

chi chuyển giao từ cấp 0 tới cấp 4, Người nhập thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại điểm 2.1.1.1, tiết 2.1.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn này.

4.2. Quy trình nhập dự toán tạm ứng, ứng trước chi chuyển giao

Căn cứ vào các văn bản của cấp có thẩm quyền về việc giao dự toán tạm ứng, ứng trước chi chuyển giao có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, việc nhập dự toán tạm ứng, ứng trước dự toán chi chuyển giao, người nhập thực hiện các bước tương tự nội dung Quy trình phân bổ nêu tại tiết 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

4.3. Phương pháp kế toán

4.3.1. Kế toán phân bổ dự toán chi chuyển giao trong năm từ cấp 0 tới cấp 4

(1) Trường hợp dự toán chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới giao thành một chỉ tiêu riêng, người nhập ghi (chi tiết loại dự toán 01):

Nợ TK 9622 - DT chi chuyển giao ngân sách giao trong năm bằng dự toán
Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

Lưu ý:

- Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi 432 (Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới) hoặc mã nhiệm vụ chi - 431 (Bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới); cấp 4 ghi 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối)

- Phân đoạn tính chất nguồn kinh phí của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi 99 (không xác định), cấp 4 ghi 00.

(2) Trường hợp giao dự toán chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới giao theo từng lĩnh vực

a) Trường hợp giao dự toán chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới từ nguồn thường xuyên

- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 9622 - Dự toán chi chuyển giao NS giao trong năm bằng dự toán
Có TK 9213 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Lưu ý:

+ Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi mã Loại chi tiết 13 lĩnh vực chi thường xuyên (nếu có), cấp 4 ghi 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối)

+ Phân đoạn tính chất nguồn kinh phí của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi 29 (nguồn TX), cấp 4 ghi 00.

b) Trường hợp giao dự toán chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới giao từ nguồn đầu tư

- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 9622 - Dự toán chi chuyển giao NS giao trong năm bằng dự toán

Có TK 9216 - DT chi ĐTXDCB phân bổ cấp 0

Lưu ý:

+ Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi mã Loại chi tiết 13 lĩnh vực cho các dự án, cấp 4 ghi 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối).

+ Phân đoạn tính chất nguồn kinh phí của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi 49 (nguồn đầu tư), cấp 4 ghi 00.

c) Trường hợp giao dự toán chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới giao từ nguồn dự phòng, kết dư, tăng thu, nguồn khác ...).

- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 9622 - Dự toán chi chuyển giao NS giao trong năm bằng dự toán

Có TK 9233, 9239, 9241

Lưu ý:

+ Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 ghi mã nhiệm vụ chi tương ứng theo chi từ dự phòng ghi mã 437, kết dư, tăng thu, nguồn khác ghi mã 429 , ..., cấp 4 ghi 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối).

+ Phân đoạn tính chất nguồn kinh phí của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 (nguồn ghi 29 (nguồn TX), hoặc 49 (nguồn đầu tư), cấp 4 ghi 00.

(3) Trường hợp văn bản thông báo của Ủy ban nhân dân cấp trên giao dự toán chi chuyển giao cho các Ủy ban nhân dân cấp dưới trong thời gian chính lý quyết toán thực hiện các bước tương tự như nội dung a, b, tiết (2) nêu trên; lưu ý thực hiện tại kỳ tháng 13 năm trước.

4.3.2. Kế toán phân bổ chi chuyển giao bằng dự toán tạm ứng

Căn cứ vào nội dung văn bản của cấp có thẩm quyền về việc giao dự toán tạm ứng chi chuyển giao có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 9622 - DT chi chuyển giao ngân sách giao trong năm bằng DT

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

Lưu ý:

- Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4 ghi 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối), lưu ý theo dõi chi tiết mã loại dự toán 11- Dự toán tạm ứng.

- Phân đoạn tính chất nguồn kinh phí của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 4 ghi mã nguồn 27.

4.3.3. Kế toán phân bổ chi chuyển giao bằng dự toán ứng trước

Căn cứ vào nội dung văn bản của cấp có thẩm quyền về việc giao dự toán ứng trước chi chuyển giao có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư

- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 9627 - DT chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán ứng trước

Có TK 9131 - Nguồn dự toán ứng trước

Lưu ý:

- Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4 ghi 432 (bổ sung có mục tiêu), hoặc 431 (bổ sung cân đối), lưu ý theo dõi chi tiết mã loại dự toán 09- Dự toán ứng trước.

- Phân đoạn tính chất nguồn kinh phí của tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 4 ghi 00

4.3.4. Kế toán thu hồi dự toán ứng trước chi chuyển giao

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức chi chuyển giao, trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán (tạm ứng, ứng trước dự toán chi chuyển giao) và Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách (mẫu C2-08) của cơ quan tài chính (CQTC) đồng cấp, kế toán viên (KTV) KBNN lập Phiếu điều chỉnh dự toán, ghi:

a) Thu hồi trong năm

- Thu hồi số chi từ dự toán ứng trước, ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8311- Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán

Có TK 1971 - Ứng trước chi chuyển giao bằng dự toán

- Thu hồi dự toán ứng trước (BA, kỳ hiện tại):

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (số ứng trước)

Có TK 9627 - Dự toán chi chuyển giao NS bằng dự toán ứng trước (loại dự toán 09)

b) Trường hợp thu hồi dự toán ứng trước trong thời gian chỉnh lý quyết toán

- Thu hồi số chi từ dự toán ứng trước, ghi (GL, kỳ 13 năm trước, ngày hiệu lực 31/12):

Nợ TK 8311- Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán

Có TK 1971 - Ứng trước chi chuyển giao bằng dự toán

- Thu hồi dự toán ứng trước (BA, kỳ 13 năm trước)

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (số ứng trước)

Có TK 9627 - Dự toán chi chuyển giao NS bằng dự toán ứng trước
(loại dự toán 09)

4.3.5. Kế toán thu hồi dự toán tạm ứng chi chuyển giao

Căn cứ Quyết định giao dự toán chính thức chi chuyển giao, trong đó ghi nội dung thu hồi dự toán tạm ứng chi chuyển giao) và Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách (mẫu C2-08) của cơ quan tài chính (CQTC) đồng cấp, kế toán viên (KTV) KBNN lập Phiếu điều chỉnh dự toán,:

a) Thu hồi trong năm

- Thu hồi số chi từ dự toán tạm ứng, ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8311- Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán

Có TK 8311- Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán (mã nguồn 27)

- Thu hồi dự toán tạm ứng (BA, kỳ hiện tại):

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (số ứng trước)

Có TK 9622 - Dự toán chi chuyển giao NS bằng dự toán tạm ứng
(loại dự toán 11)

b) Trường hợp thu hồi dự toán tạm ứng trong thời gian chỉnh lý quyết toán

- Thu hồi số chi từ dự toán tạm ứng, ghi (GL, kỳ 13 năm trước, ngày hiệu lực 31/12):

Nợ TK 8311- Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán

Có TK 8311- Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán tạm ứng (mã nguồn 27)

- Thu hồi dự toán tạm ứng (BA, kỳ 13 năm trước)

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (số ứng trước)

Có TK 9622 - Dự toán chi chuyển giao NS bằng dự toán tạm ứng
(loại dự toán 11)

4.3.6. Kế toán phân bổ dự toán ngân sách tỉnh chuyển giao cho NS huyện, NS huyện chuyển giao cho NS xã từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi (từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương)

(1) Dự toán chi chuyển giao thường xuyên từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

(Lưu ý: Lựa chọn cấp NS tương ứng, mã nguồn 53)

(2) Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

(Lưu ý: Lựa chọn cấp NS tương ứng, mã nguồn 53)

4.3.7. Phương pháp kế toán dự toán ngân sách tỉnh chuyển giao cho NS huyện, NS huyện chuyển giao cho NS xã từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại

(1) Kế toán phân bổ dự toán chi chuyển giao thường xuyên từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

(Lưu ý: Lựa chọn cấp NS tương ứng, mã nguồn 54)

(2) Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

(Lưu ý: Lựa chọn cấp NS tương ứng, mã nguồn 54)

5. Nhập dự toán ngân sách xã

Trường hợp CQTC được địa phương giao nhiệm vụ nhập dự toán ngân sách xã, Phòng Tài chính huyện thực hiện tương tự mục 2, Điểm II, phần B của Công văn này.

II. Quy trình và phương pháp kế toán dự toán NSDP do KBNN thực hiện (phòng/bộ phận kiểm soát chi thực hiện)

1. Nhập dự toán tạm cấp bằng dự toán đầu năm của các đơn vị sử dụng ngân sách (NS tỉnh, NS huyện)

1.1. Quy trình

Trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, KBNN tạm cấp kinh phí cho các ĐVSDNS theo quy định tại Điều 51 Luật NSNN và Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Sau khi tiếp nhận Giấy đề nghị tạm cấp dự toán ngân sách (mẫu số C6-13/NS) do đơn vị sử dụng ngân sách lập, chuyên viên KSC lập Phiếu nhập dự toán ngân sách (mẫu số C6-01/NS); trình PT KSC, Giám đốc đơn vị KBNN duyệt.

- Sau khi được Giám đốc phê duyệt trên chứng từ giấy, chuyên viên KSC thực hiện nhập dự toán tạm cấp đầu năm cho các ĐVSDNS vào hệ thống TABMIS, đệ trình PT KSC phê duyệt trên TABMIS.

Việc nhập dự toán tạm cấp tại phân hệ BA- màn hình ngân sách tương tự như nhập dự toán cấp 0 quy định tại tiết 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này

1.2. Phương pháp hạch toán kế toán

1.2.1. Kế toán nhập dự toán tạm cấp

Căn cứ vào Giấy đề nghị tạm cấp dự toán của đơn vị đã được Giám đốc KBNN duyệt, người nhập thực hiện: lập Phiếu nhập dự toán theo nguyên tắc ghi chép tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4 và tài khoản nguồn; nhập dữ liệu dự toán vào TABMIS trên phân hệ BA - màn hình phân bổ ngân sách), ghi (chi tiết loại dự toán 08):

Nợ TK 9513, 9517

Có TK 9121 - Nguồn dự toán tạm cấp

1.2.2. Kế toán đảo dự toán tạm cấp

Khi nhận được Quyết định giao dự toán chính thức cho ĐVSDNS, người nhập kiểm tra số dư dự toán chính thức và lập Phiếu điều chỉnh dự toán (Mẫu C6-04/NS), đảo dự toán tạm cấp trên phân hệ sổ cái (TABMIS - các chương trình chạy chương trình “đảo dự toán tạm cấp”), nhập đầy đủ các yếu tố quy định, hệ thống tự động sinh bút toán:

Nợ TK 9121 - Nguồn dự toán tạm cấp

Có TK 9513, 9517

1.3. Lưu chứng từ, kết xuất báo cáo:

Thực hiện việc lưu trữ chứng từ như sau:

- Chuyên viên KSC: In Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS kèm chứng từ nhập dự toán, kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với Giấy đề nghị tạm cấp dự toán ngân sách, ký trên Bảng liệt kê chứng từ, lưu trữ vào tập chứng từ ngày. Giấy đề nghị tạm cấp dự toán ngân sách (bản chính) lưu vào tập hồ sơ kiểm soát chi ban đầu.

- Phụ trách KSC: Kiểm tra Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS theo từng mã nhân viên (các chuyên viên được phân công nhập dự toán tạm cấp), kiểm tra đảm bảo các yếu tố đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp, ký trên Bảng liệt kê, chuyển cho chuyên viên được phân công lưu trữ chứng từ để lưu trữ vào tập chứng từ ngày.

Lưu ý: Tại KBNN quận, huyện không tổ chức phòng, Phòng giao dịch, các nội dung thực hiện tương tự nội dung trên nhưng không qua phụ trách KSC.

2. Nhập dự toán ngân sách xã

2.1. Quy trình, phương pháp kế toán nhập dự toán cấp 0

2.1.1. Quy trình

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách do Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) quyết định hàng năm, bao gồm dự toán chi trong cân đối và dự toán chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách của các loại dự toán: dự toán giao đầu năm, dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu, dự phòng và dự toán chi các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm, dự toán điều chỉnh trong năm, thực hiện như sau:

(1) Chuyên viên KSC lập chứng từ nhập dự toán ngân sách vào TABMIS.

(2) Quy trình nhập dự toán cấp 0 tương tự quy trình quy định tại tiết 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

(3) Chuyên viên KSC in Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS, thực hiện kiểm tra dữ liệu đã nhập, nếu sai sửa bút toán trước khi gửi đi phê duyệt, nếu đúng thực hiện gửi đi phê duyệt kèm hồ sơ.

(4) PT KSC kiểm tra hồ sơ, bút toán; nếu đúng thực hiện ký chứng từ giấy, trình hồ sơ và chứng từ giấy lên Giám đốc đơn vị KBNN để ký duyệt, sau khi Giám đốc KBNN ký duyệt, PT KSC phê duyệt bút toán trên hệ thống; nếu sai từ chối phê duyệt, thông báo cho người nhập sửa bút toán và đệ trình phê duyệt lại.

(5) Lưu chứng từ, kết xuất báo cáo:

Sau khi việc kết sổ hoàn thành, thực hiện việc lưu trữ chứng từ như sau:

- Chuyên viên KSC: In Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS kèm chứng từ nhập dự toán, kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền, ký trên Bảng liệt kê chứng từ, lưu trữ vào tập

chứng từ ngày. Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền (bản chính) lưu vào tập hồ sơ kiểm soát chi ban đầu.

- PT KSC (phê duyệt theo luồng của chuyên viên KSC) kiểm tra Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS theo từng mã nhân viên (các chuyên viên KSC được phân công nhập dự toán cấp 0), kiểm tra đảm bảo các yếu tố đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp, ký trên Bảng liệt kê chứng từ, chuyển cho chuyên viên làm nhiệm vụ tổng hợp chứng từ (chuyên viên được phân công lưu trữ chứng từ) lưu trữ tập chứng từ ngày.

- Định kỳ năm: Người nhập (chuyên viên được phân công làm tổng hợp) in Báo cáo mẫu B1- 01 (Báo cáo tình hình phân bổ dự toán cấp 0 – NS xã) thực hiện kiểm tra số liệu báo cáo khớp đúng, trình người phê duyệt ký, lưu trữ vào tập báo cáo năm theo quy định.

Lưu ý: Tại KBNN quận, huyện không tổ chức phòng, Phòng giao dịch, các nội dung thực hiện tương tự nội dung trên nhưng không qua phụ trách KSC.

2.1.2. Phương pháp kế toán:

2.1.2.1. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nhiệm vụ chi tại tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0

Đối với tổ hợp tài khoản kế toán dùng để hạch toán dự toán cấp 0 (tài khoản nguồn là tài khoản nguồn dự toán giao trong năm, tài khoản đích là tài khoản dự toán cấp 0) chi tiết theo mã loại dự toán và theo mã nhiệm vụ chi NSNN tương ứng với các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã nêu tại điểm 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn này.

2.1.2.2. Phương pháp hạch toán kế toán

a) Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi thường xuyên

Nợ TK 9213 - Dự toán chi TX phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

b) Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

- Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho các dự án

Nợ TK 9216 – Dự toán chi ĐTXDCB, ĐTPT khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151 - Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

- Kế toán nhập dự toán cấp 0 nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo chế độ quy định (406)

Nợ TK 9219 – Dự toán chi ĐTPT khác phân bổ cấp 0

Có TK 9111, 9151- Nguồn dự toán giao trong năm, dự toán tăng thu

2.2. Quy trình phân bổ và phương pháp kế toán phân bổ dự toán ngân sách xã từ cấp 0 tới cấp 4

2.2.1. Quy trình

Căn cứ quyết định phân bổ dự toán của Ủy ban Nhân dân xã, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn (tăng thu, dự phòng, kết dư; và dự toán chi các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm).

(1) Chuyên viên KSC lập Phiếu nhập dự toán ngân sách (mẫu số C6-01/NS), ghi tài khoản nguồn là tài khoản dự toán cấp 0 (dữ liệu tổ hợp tài khoản cấp 0 phải khớp đúng với số liệu đã nhập dự toán cấp 0), tài khoản đích là tài khoản dự toán cấp 4; tại phân hệ BA- Màn hình Dossier chọn loại giao dịch “Phân bổ dự toán giao trong năm từ cấp 0 tới cấp 4 xã ” phân bổ dự toán chi tiết mã loại dự toán.

(2) Chuyên viên KSC in liệt kê chứng từ S2-06d/KB/TABMIS, thực hiện chấm, kiểm tra dữ liệu đã nhập, nếu sai sửa bút toán trước khi gửi đi phê duyệt. Sau khi đã kiểm tra đảm bảo số liệu đúng thực hiện dành dự toán và gửi đi phê duyệt.

(3) PT KSC kiểm tra hồ sơ, bút toán, thực hiện ký chứng từ giấy, trình hồ sơ và chứng từ giấy lên Giám đốc đơn vị KBNN để ký duyệt, sau khi Giám đốc KBNN ký duyệt, PT KSC phê duyệt bút toán trên hệ thống.

(4) Lưu chứng từ, kết xuất báo cáo:

Sau khi việc kết sổ hoàn thành thực hiện việc lưu trữ chứng từ, cụ thể:

- Chuyên viên KSC: In Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS kèm chứng từ phân bổ dự toán, kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền, ký trên Bảng liệt kê chứng từ, lưu trữ vào tập chứng từ ngày. Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền (bản chính) lưu vào tập hồ sơ kiểm soát chi ban đầu.

- PT KSC : Kiểm tra Bảng liệt kê chứng từ mẫu S2-06d/KB/TABMIS theo từng mã nhân viên (các chuyên viên được phân công phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1), kiểm tra đảm bảo các yếu tố đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp, ký trên Bảng liệt kê chứng từ, chuyển cho chuyên viên được phân công lưu trữ chứng từ lưu trữ tập chứng từ ngày.

Lưu ý: Tại KBNN quận, huyện không tổ chức phòng, Phòng giao dịch, các nội dung thực hiện tương tự nội dung trên nhưng không qua phụ trách KSC.

2.2.2. Phương pháp kế toán

- Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 đến cấp 4 kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, bằng lệnh chi tiền, ghi:

Nợ TK 9523, 9524

Có TK 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0

- Kế toán phân bổ dự toán từ cấp 0 đến cấp 4 kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán, bằng lệnh chi tiền, ghi:

Nợ TK 9527, 9528

Có TK 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0

- Đối với dự toán chi ĐTXDCB bằng dự toán, bằng lệnh chi tiền, ghi:

Nợ TK 9552, 9553

Có TK 9216 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 0

- Đối với dự toán chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán, bằng lệnh chi tiền:

Nợ TK 9562, 9563

Có TK 9219 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 0

III. Kế toán dự toán khác

1. Kế toán phân bổ dự toán khác

Căn cứ Quyết định phê duyệt phân bổ dự toán khác (chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi khác ngân sách, chi hỗ trợ địa phương khác....) của cấp có thẩm quyền, kế toán tạo bút toán phân bổ trên màn hình phân bổ ngân sách, loại giao dịch “Phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1- khác”, loại dự toán (dự toán chính thức, dự toán bổ sung, dự toán điều chỉnh - ký hiệu mã loại dự toán tương ứng), ghi:

Nợ TK 9669- Dự toán khác phân bổ cấp 1 giao trong năm

Có TK 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0

Nhận được dự toán từ cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị dự toán cấp 1 phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc thực hiện nhiệm vụ chi.

Nợ TK 9698; 9699- Dự toán khác phân bổ cấp 4 bằng dự toán hoặc bằng LCT

Có TK 9669 - Dự toán khác phân bổ cấp 1

2. Kế toán giữ lại dự toán kinh phí chi thường xuyên

2.1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm nhập dự toán của KBNN:

- Trường hợp văn bản giao dự toán của cấp có thẩm quyền cho các đơn vị sử dụng ngân sách đã xác định rõ số tiết kiệm, căn cứ văn bản giao dự toán, chuyên viên kiểm soát chi KBNN (thực hiện tại màn hình ngân sách) ghi:

Nợ TK 9632 - Dự toán đối chiếu (loại dự toán 03, chi tiết mã nguồn NSNN 28)

Có TK 9111- TK nguồn dự toán giao trong năm

- Trường hợp số dự toán đã được nhập vào hệ thống bao gồm số tiết kiệm: căn cứ văn bản thông báo, chuyên viên kiểm soát chi KBNN (thực hiện tại màn hình ngân sách) ghi:

Đỗ nợ TK 95xx - Dự toán chi đơn vị cấp 4 (loại dự toán 03, chi tiết mã nguồn NSNN theo QĐ giao đầu năm)

Đen Nợ TK 9632 - Dự toán đối chiếu (loại dự toán 03, chi tiết mã nguồn NSNN 28).

2.2. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm nhập dự toán của cơ quan Tài chính

Cơ quan Tài chính (CQTC) các cấp phối hợp với KBNN đồng cấp và các đơn vị sử dụng ngân sách mở tài khoản giao dịch tại KBNN rà soát lại các văn bản giao dự toán (ngân sách tỉnh, huyện) của cấp có thẩm quyền cho các đơn vị sử dụng ngân sách; xác định số kinh phí tiết kiệm giữ lại dự toán chi thường xuyên:

- Trường hợp dự toán đã phân bổ đến đơn vị dự toán cấp 4, căn cứ vào thông báo về số kinh phí tiết kiệm giữ lại của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị giao cho các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đối chiếu số liệu với ĐVSDNS, KBNN nơi đơn vị mở tài khoản (bộ phận KSC) thực hiện điều chỉnh giảm số kinh phí giữ lại.

- Trường hợp CQTC chưa phân bổ dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách đến cấp 4 trên hệ thống, căn cứ văn bản giao dự toán của cấp có thẩm quyền cho các đơn vị sử dụng ngân sách, xác định số kinh phí tiết kiệm giữ lại dự toán chi thường xuyên, CQTC thực hiện giữ lại tại tài khoản dự toán chi thường xuyên đơn vị cấp 1, cấp trung gian; kế toán CQTC lập phiếu điều chỉnh dự toán ghi: (kỳ hiện tại, màn hình ngân sách).

Đỗ nợ TK 92xx- Dự toán chi đơn vị cấp 1 loại dự toán 03, chi tiết mã nguồn NSNN theo QĐ giao đầu năm).

Đen Nợ TK 9632 - Dự toán đối chiếu (loại dự toán 03, chi tiết mã nguồn NSNN 28).

3. Kế toán giảm trừ dự toán

Căn cứ Quyết định thu hồi dự toán theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan Kiểm toán, Thanh tra Chính Phủ, Thanh tra Bộ Tài chính...) toán, chuyên viên KSC KBNN thực hiện thu hồi dự toán cấp 4 trên TABMIS theo quy định.

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy (loại dự toán 91, số thu hồi)

Có TK 95xx - Dự toán chi phân bổ cấp 4 (loại dự toán 91)

4. Kế toán chuyển nguồn dự toán

(1) KBNN xử lý số dư dự toán cấp 4 (trên cơ sở số dư dự toán cấp 4 thực tế trên TABMIS).

- Truy vấn quỹ, kỳ 13 - niên độ năm trước, kiểm tra số dư.

- Chuyển dự toán sang năm sau:

+ Kỳ 13 - năm trước (chương trình chuyển nguồn dự toán, loại dự toán 04):

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy

Có TK 95xx - Dự toán chi phân bổ cấp 4

+ Kỳ hiện tại: nhập dự toán được chuyển năm nay (chương trình chuyển nguồn dự toán, loại dự toán 06):

Nợ TK TK 95xx - Dự toán chi phân bổ cấp 4

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

(2) Cơ quan tài chính thực hiện đối chiếu và xử lý số dư dự toán ở cấp 0, 1 trên hệ thống (nếu có)

Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc chuyển nguồn dự toán cấp 0, cấp 1 theo quy định, chuyên viên tài chính lập Phiếu nhập dự toán mẫu C6-01/NS, thực hiện:

- Truy vấn quỹ, kỳ 13 - niên độ năm trước, kiểm tra số dư.

- Chuyển dự toán sang năm sau:

+ Kỳ 13 - năm trước (chương trình chuyển nguồn dự toán, loại dự toán 04):

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy

Có TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0, cấp 1

+ Kỳ hiện tại: nhập dự toán được chuyển năm nay (chương trình chuyển nguồn dự toán, loại dự toán 06):

Nợ TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0, 1

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

IV. Điều chỉnh dự toán

Phương pháp điều chỉnh dự toán thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục V của Công văn này.

V. Kế toán các khoản chi NSNN bằng Lệnh chi tiền

1. Nguyên tắc

- Lệnh chi tiền cấp kinh phí cho đối tượng thụ hưởng do cơ quan Tài chính các cấp hạch toán vào hệ thống TABMIS (NS tỉnh do Sở Tài chính nhập, NS huyện do Phòng Tài chính nhập).

+ Kế toán viên KBNN có trách nhiệm nhận chứng từ trên hệ thống, kiểm soát, in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống, đệ trình phê duyệt và thực hiện thanh toán cho đơn vị thụ hưởng.

+ Lệnh chi tiền giấy được lưu tại cơ quan tài chính, KBNN lưu LCT phục hồi in từ hệ thống TABMIS.

- Lệnh chi tiền cấp bổ sung ngân sách đồng thời thu hồi khoản đã tạm ứng cho NS cấp dưới, LCT chi chuyển nguồn, các trường hợp điều chỉnh khoản chi đã cấp bằng LCT và đã được KBNN phê duyệt thanh toán ... : cơ quan tài chính lập chứng từ giấy và KBNN hạch toán chi trên hệ thống TABMIS.

- Đối với Lệnh chi tiền, chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ ngày nhập vào TABMIS, cơ quan tài chính phải được phê duyệt để chuyển sang KBNN (trừ ngân sách xã) để thực hiện thanh toán, chi trả. Việc nhập Lệnh chi tiền phải đúng tài khoản kế toán theo quy định để kiểm soát dự toán.

- Lệnh chi tiền của ngân sách xã do UBND xã lập, gửi bản giấy đến KBNN nơi giao dịch. Cán bộ kiểm soát chi nhập Lệnh chi tiền trên TABMIS.

- Trường hợp sai lầm phát hiện tại cơ quan Tài chính khi hạch toán hoặc chứng từ do KBNN phát hiện sai trả lại, chuyên viên cơ quan Tài chính thực hiện chỉnh sửa thông tin hoặc huỷ chứng từ sai lầm đã hạch toán, nhập lại thông tin đúng. Chứng từ làm căn cứ hạch toán bút toán điều chỉnh tại cơ quan Tài chính, được lưu trữ tại CQTC không chuyển sang KBNN.

- Trường hợp chứng từ đã chuyển sang KBNN thì cơ quan Tài chính không được chỉnh sửa các thông tin đã nhập, phối hợp với KBNN đồng cấp để xem xét điều chỉnh phù hợp.

2. Phương pháp hạch toán

2.1. Kế toán chi thường xuyên cấp bằng Lệnh chi tiền

2.1.1. Kế toán cấp kinh phí bằng Lệnh chi tiền

2.1.1.1. Đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại ngân hàng, lĩnh tiền mặt

a) Đối với các khoản chi từ dự toán chính thức trong năm

(1) Trong năm ngân sách

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Kế toán KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in Lệnh chi tiền phục hồi, áp thanh toán, ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932,....

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, kỳ 12 năm trước, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8116, 8126

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Kế toán KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in Lệnh chi tiền phục hồi, áp thanh toán, ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932,....

b) Đối với các khoản chi từ dự toán tạm cấp

Thực hiện tương tự điểm a nêu trên.

c) Đối với các khoản chi từ dự toán tạm ứng

Thực hiện tương tự điểm a nêu trên, được theo dõi chi tiết mã nguồn 27 - Dự toán tạm ứng.

d) Trường hợp không kiểm soát dự toán

(1) Trong năm ngân sách

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện); chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) hạch toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 1531, 8951

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Kế toán KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in Lệnh chi tiền phục hồi, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng, hạch toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932....,

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện); chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) hạch toán (AP, kỳ 12 năm trước, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8951 - Chi NS theo cấp có thẩm quyền

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Kế toán KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in Lệnh chi tiền phục hồi, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng, hạch toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932

2.1.1.2. Đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại Kho bạc

a) Đối với các khoản chi từ dự toán chính thức

(1) Trong năm ngân sách

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện); chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Có TK 3853, 3863, 3711, 3712, 3741...

Kế toán KBNN nhận LCT, kiểm tra các thông tin của LCT, phê duyệt LCT trên hệ thống, in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống, ký và trình ký đầy đủ các chức danh trên chứng từ.

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8116, 8126

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 3853, 3711, 3712, 3741, ...

Kế toán KBNN nhận LCT, kiểm tra các thông tin của LCT, phê duyệt LCT trên hệ thống, in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống, ký và trình ký đầy đủ các chức danh trên chứng từ.

b) Đối với các khoản chi từ dự toán tạm cấp

Thực hiện tương tự điểm a nêu trên.

c) Đối với các khoản chi từ dự toán tạm ứng

Thực hiện tương tự điểm a nêu trên theo dõi chi tiết mã nguồn 27- Dự toán tạm ứng.

d) Trường hợp không kiểm soát dự toán

(1) Trong năm ngân sách

- Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1531, 8951

Có TK 3853, 3863, 3711, 3712, 3741...

- Kế toán KBNN nhận LCT, kiểm tra các thông tin của LCT, phê duyệt LCT trên hệ thống, in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống, ký và trình ký đầy đủ các chức danh trên chứng từ.

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

- Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8951 - Chi ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 3853, 3863, 3711, 3712, 3741, ...

Kế toán KBNN nhận LCT, kiểm tra các thông tin của LCT, phê duyệt LCT trên hệ thống, in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống, ký và trình ký đầy đủ các chức danh trên chứng từ.

2.1.2. Thu hồi các khoản chi bằng lệnh chi tiền

2.1.2.1. Chuyển số tạm ứng thành thực chi bằng LCT

(1) Trong năm ngân sách

Căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách do CQTC chuyển sang KBNN, KTV ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8116, 8126

Có TK 1516, 1526

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Thực hiện tương tự như nội dung (1) nêu trên. Lưu ý hạch toán trên phân hệ Sổ cái (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước).

2.1.2.2. Thu hồi số tạm ứng từ dự toán tạm cấp khi có dự toán chính thức

Căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách do CQTC chuyển sang KBNN, KTV ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8116, 8126

Có TK 1516, 1526

CQTC thực hiện thu hồi dự toán tạm cấp bằng LCT.

2.1.2.3. Thu hồi tạm ứng từ dự toán tạm ứng bằng LCT khi có dự toán chính thức

a) Thu hồi trong năm

Căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách do CQTC chuyển sang, KTV ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126 (mã nguồn tương ứng của dự toán chính thức)

Có TK 1516, 1526, 8116, 8126 (mã nguồn 27 - Dự toán tạm ứng)

CQTC thực hiện thu hồi dự toán tạm ứng bằng LCT.

b) Thu hồi trong thời gian CLQT

Căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách do CQTC chuyển sang, KTV thu hồi ứng trước ghi (GL, kỳ 13 năm trước, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8116, 8126 (mã nguồn tương ứng của dự toán chính thức)

Có TK 8116, 8126 (mã nguồn 27 - Dự toán tạm ứng)

CQTC thực hiện thu hồi dự toán tạm ứng bằng LCT.

2.1.2.4. Thu hồi số tạm ứng đối với các trường hợp không kiểm soát dự toán

a) Trong năm ngân sách

Căn cứ Giấy Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC chuyển sang KBNN, KTV ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8116, 8126

Có TK 1531 - Tạm ứng kinh phí chi TX không kiểm soát dự toán

b) Trong thời gian CLQT

Căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC chuyển sang KBNN, KTV ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8116, 8126

Có TK 1531 - Tạm ứng kinh phí chi TX không kiểm soát dự toán

2.1.3. Nộp trả kinh phí cấp bằng LCT

Căn cứ Giấy nộp trả kinh phí, Giấy báo có NH, Lệnh chuyển có kèm chứng từ phục hồi, kế toán KBNN ghi (GL):

(1) Trong năm ngân sách

Tại ngày hiện tại:

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932, 3856

Có TK 1516, 1526, 1531, 8116, 8126, 8951 (chi tiết mã nguồn 27-Dự toán tạm ứng, nếu có)

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Tại ngày hiện tại:

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932..., 3856, ...

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 1516, 1526, 1531, 8116, 8126, 8951 (chi tiết mã nguồn 27-Dự toán tạm ứng, nếu có)

(3) Sau thời gian chỉnh lý quyết toán

* Thời điểm từ sau 31/01 đến ngày 15/11 (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3853, 3856, 3931, 3932

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước), kế toán:

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 1516, 1526, 1531, 8116, 8126, 8951

Lưu ý: Đối với trường hợp thu hồi khoản chi có kiểm soát dự toán, việc thu hồi dự toán tương ứng với khoản chi NS bằng LCT do CQTC thực hiện (phối hợp với KBNN), cụ thể như sau:

+ Trường hợp chưa chạy chương trình chuyển nguồn sang năm sau, chuyên viên CQTC lập Phiếu điều chỉnh dự toán, hủy bỏ dự toán, hạch toán kỳ 13 năm trước, BA, mã loại dự toán 10:

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy

Có TK 9524, 9528

+ Trường hợp đã chạy chương trình chuyển nguồn cuối năm, kế toán phải phục hồi bút toán khử số dư âm trước khi hủy dự toán, kế toán ghi (BA, kỳ 13 năm trước):

Nợ TK 9524, 9528 (Mã loại dự toán 19)

Có TK 8116, 8126

Đồng thời:

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy

Có TK 9524, 9528 (mã loại dự toán 10)

* Sau ngày 15/11:

Căn cứ Giấy nộp trả kinh phí, Giấy báo có NH, Lệnh chuyển có kiêm chứng từ phục hồi, kế toán KBNN ghi (GL):

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3853, 3856, 3931, 3932

Có TK 7111 - Thu NSNN (mã ĐVQHNS của đơn vị đã sử dụng kinh phí nộp trả)

2.1.4. Xử lý các khoản chi NSNN chưa thu hồi được

2.1.4.1. Xử lý các khoản tạm ứng chưa thu hồi được sau thời gian chỉnh lý quyết toán

Các khoản chi tạm ứng NSNN phải thu hồi nhưng chưa thu hồi được, Kho bạc Nhà nước theo dõi trên tài khoản tạm ứng của năm ngân sách đó. Đối với trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau, kế toán thực hiện tái phân loại tạm ứng và chuyển sang năm sau tiếp tục theo dõi tạm ứng đối với khoản dự toán được phép chuyển sang năm sau.

2.1.4.2. Xử lý các khoản thực chi NSNN không được quyết toán

Căn cứ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền, kế toán lập Phiếu điều chỉnh, ghi (GL):

Nợ TK 1516, 1526

Có TK 8116, 8126

2.1.5. Điều chỉnh sai lầm

2.1.5.1. Trường hợp cấp kinh phí cho đối tượng thụ hưởng mở tại ngân hàng, lĩnh tiền mặt

(1) Sai lầm phát hiện khi chưa chuyển chứng từ sang KBNN

- Nếu YCTT chưa được xác nhận: chuyên viên CQTC tìm và hủy YCTT.

- Trường hợp đã thực hiện bước xác nhận nhưng chưa phê duyệt, chuyên viên CQTC tìm lại bút toán đó để hủy (AP, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đỏ Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Sau đó nhập lại YCTT với thông tin đúng.

(Phiếu điều chỉnh lưu tại CQTC, không phải gửi sang KBNN).

(2) Sai lầm phát hiện khi đã chuyển chứng từ sang KBNN

- Trường hợp KTT KBNN chưa phê duyệt, KTT, KTV KBNN, người duyệt CQTC lần lượt thực hiện loại bỏ chứng từ, chuyển trả lại chứng từ cho CQTC, thực hiện đảo bút toán (AP, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đỏ Có TK 3392 - Phải trả trung gian – AP

- Trường hợp KTT đơn vị KBNN đã phê duyệt nhưng chưa đi thanh toán: CQTC gửi văn bản sang KBNN, kế toán KBNN lập Phiếu điều chỉnh hạch toán bút toán hủy trên hệ thống (AP, ngày hiện tại):

+ Trường hợp chưa áp thanh toán

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đỏ Có TK 3392 - Phải trả trung gian – AP

+ Trường hợp đã áp thanh toán nhưng chưa thanh toán cho đối tượng thụ hưởng, căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh của CQTC, kế toán lập Phiếu điều chỉnh, xử lý:

+ KTT KBNN hủy thanh toán (AP, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Đỏ Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932

+ KTV hủy YCTT (AP, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đỏ Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

- Trường hợp đã thanh toán cho đối tượng thụ hưởng:

+ Trường hợp nhập sai thông tin các đoạn mã của tài khoản chi NSNN trên hệ thống:

Căn cứ Phiếu điều chỉnh của CQTC, kế toán KBNN ghi (GL, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126 (Chi tiết đoạn mã đã hạch toán sai)

Đen Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126 (Chi tiết các đoạn mã đúng)

+ Trường hợp sai thông tin đơn vị thụ hưởng: sai tên, số hiệu tài khoản, ngân hàng:

+ Trường hợp sai thông tin đơn vị thụ hưởng: sai tên, số hiệu tài khoản, ngân hàng:

(1) Nếu thu hồi được tiền, ngân hàng chuyển trả lại: Căn cứ giấy báo Có ngân hàng trả về, kế toán ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1132, 1191, 1192, 3931, 3932,...

Có TK 1516, 1526, 8116, 8126

KBNN trả lại CQTC 01 liên chứng từ để có căn cứ lập lại YCTT cho đơn vị thụ hưởng.

(2) Trường hợp không thu hồi được tiền: Cơ quan Tài chính và KBNN phối hợp thực hiện xác định trách nhiệm của các thành viên liên quan.

+ Trường hợp sai số tiền:

Nếu số tiền đã nhập trên hệ thống nhỏ hơn số tiền trên chứng từ giấy: Chuyên viên CQTC sẽ lập Phiếu chuyển khoản với số tiền chênh lệch thiếu còn lại làm căn cứ nhập bổ sung bút toán mới trên hệ thống, hạch toán AP, ngày hiện tại:

Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Có TK 3392 - Phải trả trung gian AP

Nếu số tiền đã nhập trên hệ thống lớn hơn số tiền trên LCT giấy: Xác định trách nhiệm của người đã chuyển thừa tiền và CQTC có công văn đề nghị đơn vị thụ hưởng chuyển trả phần kinh phí đã chuyển thừa, gửi KBNN đồng cấp để cùng phối hợp thực hiện. Trong trường hợp không thu hồi được số tiền thừa, CQTC và đơn vị KBNN xác định trách nhiệm của các thành viên liên quan.

2.1.5.2. Trường hợp sai lầm khi cấp kinh phí cho đơn vị thụ hưởng mở tại Kho bạc

(1) Sai lầm phát hiện khi chứng từ chưa chuyển sang KBNN

- Trường hợp chưa đệ trình phê duyệt chuyên viên CQTC sửa lại các thông tin đã nhập sai trên hệ thống, đệ trình phê duyệt.

- Trường hợp đã đệ trình phê duyệt, người duyệt CQTC từ chối phê duyệt, chuyên viên CQTC sửa lại các thông tin đã nhập sai trên hệ thống, đệ trình phê duyệt lại.

(2) Sai lầm phát hiện khi chứng từ đã được chuyển sang KBNN (đã được CQTC phê duyệt)

a) Trường hợp KTT KBNN chưa phê duyệt, KTT, KTV KBNN, người duyệt CQTC lần lượt thực hiện loại bỏ chứng từ, chuyên viên CQTC sửa lại các thông tin đã nhập sai trên hệ thống, đệ trình phê duyệt lại.

CQTC gửi văn bản đề nghị điều chỉnh đến KBNN, kế toán KBNN lập Phiếu điều chỉnh ghi (GL, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đỏ Có TK 3853, 3711, ...

c) Trường hợp đã thanh toán cho khách hàng:

* Sai thông tin các đoạn mã trong tổ hợp tài khoản: căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh của cơ quan tài chính, kế toán lập Phiếu điều chỉnh ghi (GL, ngày hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126 (Chi tiết các đoạn mã sai)

Đen Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126 (Chi tiết các đoạn mã đúng)

* Sai đơn vị thụ hưởng

CQTC: Gửi văn bản đề nghị KBNN thu hồi tiền.

- Trường hợp tài khoản tiền gửi của đơn vị còn số dư:

+ Trường hợp NSNN năm nay, căn cứ văn bản của CQTC, kế toán lập Phiếu điều chỉnh, ghi (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đỏ Có TK 3711, 3712, 3741, ...

+ Trường hợp NSNN năm trước, ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Đỏ Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Đen Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, ngày hiện tại):

Đỏ Có TK 3711, 3712, 3741, ...

Đen Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

- Trường hợp không thu hồi đủ số tiền, CQTC phối hợp với đơn vị KBNN xác định trách nhiệm của các thành viên liên quan.

* Trường hợp chuyên viên CQTC nhập sai số tiền trên hệ thống so với số tiền ghi trên chứng từ giấy:

- Trường hợp số tiền đã nhập trên hệ thống nhỏ hơn số tiền trên chứng từ giấy: chuyên viên CQTC nhập bổ sung bút toán mới trên hệ thống, ghi (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 1516, 1526, 8116, 8126

Có TK 3853, 3711, 3712, 3741...

- Trường hợp số tiền đã nhập trên hệ thống lớn hơn số tiền trên LCT giấy:

Có TK 3853, 3711, 3712, 3741...

- Trường hợp số tiền đã nhập trên hệ thống lớn hơn số tiền trên LCT giấy:
Xác định trách nhiệm của người đã chuyển thừa tiền và CQTC có công văn đề nghị đơn vị thụ hưởng chuyển trả phần kinh phí đã chuyển thừa.

2.2. Kế toán chi XDCB cấp bằng Lệnh chi tiền

2.2.1. Kế toán cấp kinh phí bằng Lệnh chi tiền

2.2.1.1. Đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại ngân hàng, lĩnh tiền mặt

a) Đối với các khoản chi từ dự toán chính thức trong năm

(1) Trong năm ngân sách

- Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện); chuyên viên kiểm soát chi (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 1716, 8221

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

- Kế toán viên KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in LCT phục hồi, áp thanh toán, ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

- Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện); chuyên viên kiểm soát chi (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, kỳ 12 năm trước, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8221 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

Có TK 3392 - Phải trả trung gian – AP

- Kế toán viên KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in LCT phục hồi, áp thanh toán, ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932

b) Đối với các khoản chi từ dự toán ứng trước

- Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện); chuyên viên kiểm soát chi (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 1733 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

- Kế toán viên KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in LCT phục hồi, áp thanh toán, hạch toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932....

d) Trường hợp không kiểm soát dự toán

(1) Trong năm ngân sách

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 1717, 1737, 8951

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

- Kế toán KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in Lệnh chi tiền phục hồi, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng, hạch toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 8951 - Chi ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

- Kế toán KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in Lệnh chi tiền phục hồi, thanh toán cho đơn vị thụ hưởng, hạch toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 1191, 1192,..., 3931, 3932

2.2.1.2. Đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại Kho bạc

a) Đối với các khoản chi từ dự toán chính thức

(1) Trong năm ngân sách

- Căn cứ LCT giấy đã được phê duyệt, chuyên viên cơ quan Tài chính (đối với LCT ngân sách tỉnh, huyện), chuyên viên KSC KBNN (đối với LCT ngân sách xã) ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1716, 8221

Có TK 3853, 3711, 3712, 3741...

CQTC thực hiện thu hồi dự toán ứng trước bằng LCT.

2.2.2.3. *Thu hồi số ứng trước đối với các trường hợp không kiểm soát dự toán*

a) *Trong năm ngân sách*

Căn cứ Giấy Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC chuyển sang KBNN, KTV ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8221 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

Có TK 1737 - Ứng trước KP chi ĐT XD CB không kiểm soát DT

b) *Trong thời gian chỉnh lý quyết toán*

Căn cứ Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách do CQTC chuyển sang, KTV thu hồi ứng trước ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8221 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

Có TK 1737 - Ứng trước KP chi ĐT XD CB không kiểm soát DT

2.2.2.4. *Thu hồi tạm ứng khi có dự toán chính thức đối với các trường hợp không kiểm soát dự toán*

a) *Trong năm ngân sách*

Căn cứ Giấy Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC chuyển sang KBNN, kế toán KBNN ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 8221 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

Có TK 1717 - Tạm ứng kinh phí ĐT XD CB không kiểm soát DT

b) *Trong thời gian chỉnh lý quyết toán*

Căn cứ Giấy Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC chuyển sang KBNN, kế toán KBNN ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 8221 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

Có TK 1717 - Tạm ứng kinh phí ĐT XD CB không kiểm soát DT

2.2.3. *Nộp trả kinh phí cấp bằng LCT*

Căn cứ Giấy nộp trả kinh phí, Giấy báo có NH, Lệnh chuyển có kèm chứng từ phục hồi, kế toán KBNN ghi (GL):

(1) Trong năm ngân sách:

Tại ngày hiện tại:

Nợ TK 1112, 1191, 1192, ..., 3856, 3866, 3931, 3932

Có TK 1716, 1717, 1733, 1737, 8221, 8951

(2) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán:

Tại ngày hiện tại:

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3856, 3866, 3931, 3932

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 1716, 1717, 8221, 8951

(3) Sau thời gian chỉnh lý quyết toán:

* Thời điểm từ sau ngày 31/01 đến ngày 15/11:

Kế toán KBNN ghi (GL, ngày hiện tại):

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3856, 3866, 3931, 3932

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 1716, 1717, 8221, 8951

Lưu ý: Đối với trường hợp thu hồi khoản chi có kiểm soát dự toán, việc thu hồi dự toán tương ứng với khoản chi NS bằng LCT do CQTC thực hiện (phối hợp với KBNN) và được thực hiện như sau:

+ Trường hợp chưa chạy chương trình chuyển nguồn sang năm sau, chuyên viên CQTC lập Phiếu điều chỉnh dự toán, hủy bỏ dự toán, hạch toán kỳ 13 năm trước, BA, mã loại dự toán 10:

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy

Có TK 9553 - Dự toán chi đầu tư XD CB giao trong năm bằng LCT

+ Trường hợp đã chạy chương trình chuyển nguồn cuối năm, kế toán thực hiện phục hồi bút toán khử số dư âm trước khi hủy dự toán, ghi (BA, kỳ 13 năm trước, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 9553 - DT chi ĐT XD CB giao trong năm bằng LCT (Mã loại DT 19)

Có TK 8221 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

Đồng thời:

Nợ TK 9631 - Dự toán bị hủy

Có TK 9553 - DT chi ĐT XD CB giao trong năm bằng LCT (Mã loại DT 10)

* Sau ngày 15/11:

Căn cứ Giấy nộp trả kinh phí, Giấy báo có NH, Lệnh chuyển có kiêm chứng từ phục hồi, kế toán KBNN ghi (GL):

Nợ TK 1112, 1191, 1192,..., 3853, 3856, 3931, 3932

Có TK 7111 - Thu NSNN

2.2.4. Xử lý các khoản chi chưa thu hồi được

2.2.4.1. Xử lý các khoản tạm ứng chưa thu hồi được sau thời gian chỉnh lý quyết toán

Các khoản chi tạm ứng NSNN phải thu hồi nhưng chưa thu hồi được, Kho bạc Nhà nước theo dõi trên tài khoản tạm ứng của năm ngân sách đó. Đối với trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau, kế toán thực hiện tái phân loại tạm ứng và chuyển sang năm sau tiếp tục theo dõi tạm ứng đối với khoản dự toán được phép chuyển sang năm sau.

2.2.4.2. Xử lý các khoản thực chi NSNN không được quyết toán

Căn cứ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền, kế toán lập Phiếu điều chỉnh, ghi (GL):

Nợ TK 1716, 1717

Có TK 8221- Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền

2.2.5. Điều chỉnh sai lầm

Hạch toán tương tự như điều chỉnh chi thường xuyên bằng LCT, lưu ý chọn mã tài khoản phù hợp.

2.3. Kế toán chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền

Hạch toán tương tự như chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền, lưu ý chọn mã tài khoản cho phù hợp.

2.4. Kế toán chi NSNN chuyển vào quỹ dự trữ tài chính đối với ngân sách tỉnh

2.4.1. Tại cơ quan Tài chính

a) Trường hợp có giao dự toán đến cấp 4

- Trong năm ngân sách: hạch toán (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 1983, 8992 - Tạm ứng/chi KP khác bằng LCT

Có TK 5611, 5612 - Quỹ dự trữ tài chính

- Trong thời gian chỉnh lý quyết toán:

+ Hạch toán chi NSNN (GL, kỳ 13, ngày hạch toán 31/12 năm trước):

Nợ TK 8992 - Chi KP khác bằng LCT

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

+ Đồng thời ghi (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 5611, 5612 - Quỹ dự trữ tài chính

b) Trường hợp không giao dự toán đến cấp 4

- Trong năm ngân sách: hạch toán (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 1984, 8951

Có TK 5611, 5612 - Quỹ dự trữ tài chính

- Trong thời gian chỉnh lý quyết toán:

+ Hạch toán chi NSNN (GL, kỳ 13, ngày hạch toán 31/12 năm trước):

Nợ TK 8951 - Chi NS theo QĐ của cấp có thẩm quyền

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

- Đồng thời ghi (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 5611, 5612 - Quỹ dự trữ tài chính

2.4.2. Tại KBNN đồng cấp

Kế toán viên KBNN nhận LCT, kiểm tra các thông tin của LCT: Sự phù hợp giữa các yếu tố trên LCT như giữa TK và mục chi, giữa chương - khoản và TM,... nếu sai thì trả lại để CQTC điều chỉnh lại thông tin. Nếu chứng từ đã đảm bảo các yếu tố, kế toán viên KBNN nhận yêu cầu thanh toán, in lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống, định khoản, ký và trình ký đầy đủ các chức danh trên chứng từ theo quy định.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc phân công trách nhiệm các đơn vị nhập dự toán chi ngân sách và Lệnh chi tiền của ngân sách địa phương vào vào Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo đúng quy định tại Quyết định số 1111/QĐ-BTC ngày 4/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công văn này thay thế cho Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/07/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, Lệnh chi tiền NSDP áp dụng cho TABMIS.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NSNN, Vụ Đầu tư;
- Lưu: VT, KBNN (135 bản)✓

**TL. BỘ TRƯỞNG
TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC**



Nguyễn Hồng Hà

Phụ lục I
NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GHI CHÉP

VÀ QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(Kèm theo Công văn số ~~1560~~ 15602/BTC-KBNN ngày 17 / 11 / 2017 của Bộ Tài chính)

1. Lệnh chi tiền (Mẫu số C2-01a/NS)

Mục đích

Lệnh chi tiền này là chứng từ kế toán do cơ quan Tài chính lập để làm căn cứ thực hiện trích quỹ NSNN để cấp kinh phí ngân sách cho các đối tượng thụ hưởng hoặc chuyển nguồn kinh phí ngân sách; là căn cứ để CQTC, KBNN hạch toán chi NSNN.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

Cơ quan tài chính:

- Lệnh chi tiền phải được đánh số liên tục trong kỳ kế toán, số, ngày, tháng, năm của Thông tri duyệt y dự toán; ghi ngày, tháng, năm lập lệnh, năm ngân sách.

- Đánh dấu “x” vào ô tương ứng: Chọn tạm ứng hoặc thực chi; chuyển khoản hoặc tiền mặt. Không chọn đồng thời 2 phương thức chi hoặc 2 hình thức thanh toán trên cùng một chứng từ.

- Ghi rõ các thông tin: Tên KBNN, chi ngân sách, tài khoản chi ngân sách theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS”, mã TCNS, tên và mã CTMT, dự án (nếu có).

- Phân liệt kê các khoản chi ghi chi tiết theo nội dung chi, mã nguồn NSNN, mã chương, mã ngành kinh tế (khoản), mã nội dung kinh tế (TM), số tiền (ghi chi tiết số tiền theo tiểu mục - mỗi tiểu mục chi ghi trên một dòng).

- Tổng số tiền ghi bằng số và bằng chữ.

- Phân đơn vị nhận tiền:

- + Trường hợp lĩnh bằng chuyển khoản, chuyển tiền điện tử: Ghi rõ tên đơn vị nhận tiền, mã ĐVQHNS (nếu có), số hiệu tài khoản của đơn vị nhận tiền (Trường hợp tài khoản mở tại KBNN ghi theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS”, riêng đối với TK 3741, 3761 ghi theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS.Mã CTMT, DA và HTCT”. Tài khoản không có cấp NS thì mã cấp NS được ghi ký tự là 0. Ghi tên KBNN (NH), mã KBNN (NH) nơi đơn vị nhận tiền mở tài khoản; các yếu tố họ tên người lĩnh tiền, số CMND/CCCD/HC, cấp ngày, nơi cấp để trống.

- + Trường hợp lĩnh tiền mặt: Ghi rõ họ tên người lĩnh tiền, số CMND/CCCD/HC, ngày cấp, nơi cấp; các yếu tố số hiệu tài khoản của đơn vị

nhận tiền, tại KBNN (NH), mã KBNN (NH) nơi đơn vị nhận tiền mở tài khoản để trống.

+ Ký, ghi họ, tên và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Sau khi lập chứng từ, chuyên viên CQTC thực hiện:

- Ghi mã địa bàn hành chính.
- Ghi ngày, tháng, năm hạch toán.
- Định khoản nghiệp vụ chi NSNN.

Kho bạc Nhà nước

- KTV KBNN nhận LCT, kiểm tra các thông tin có liên quan nếu phù hợp, hoàn thiện các yếu tố thanh toán theo quy định, in LCT phục hồi.

- Ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Luân chuyển chứng từ:

Cơ quan tài chính lập 01 liên LCT làm căn cứ hạch toán và lưu.

2. Lệnh chi tiền phục hồi (Mẫu số C2-01b/NS)

Mục đích

Lệnh chi tiền phục hồi là chứng từ kế toán phục hồi do kế toán viên KBNN in từ chương trình TABMIS căn cứ theo thông tin về YCTT do cơ quan tài chính (cấp TW, cấp tỉnh, cấp huyện) nhập và chuyển sang KBNN đồng cấp, để làm căn cứ thực hiện thanh toán hoặc báo có cho đối tượng thụ hưởng hoặc chuyển nguồn kinh phí ngân sách.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

Các yếu tố của chứng từ dựa trên thông tin của Lệnh chi tiền do CQTC nhập vào hệ thống.

Lưu ý: Đối với phân đoạn “tài khoản” chi ngân sách nhà nước và của người nhận tiền (trường hợp chuyển tiền cho đơn vị vào tài khoản tại KBNN) được ghi theo định dạng: “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS”, riêng đối với TK 3741, 3761 ghi theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS.Mã CTMT, DA và HTCT”.

Kế toán KBNN thực hiện:

- Ghi ngày, tháng, năm hạch toán.
- Ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Luân chuyển chứng từ:

- Trường hợp cấp kinh phí cho đối tượng thụ hưởng mở TK tại KBNN nhận LCT, hoặc chi trả tiền mặt cho đối tượng thụ hưởng tại KBNN nhận LCT: LCT phục hồi được in 02 liên:

- + 01 liên làm căn cứ hạch toán và lưu;
- + 01 liên báo có cho đơn vị hoặc trả cho người lĩnh tiền;
- Trường hợp cấp kinh phí cho đối tượng thụ hưởng có TK tại ngân hàng, mà KBNN thực hiện giao nhận chứng từ thủ công, LCT phục hồi được in 03 liên:

- + 01 liên làm căn cứ hạch toán và lưu;
- + 02 liên gửi cho ngân hàng.

- Trường hợp cấp kinh phí cho đối tượng thụ hưởng có TK tại KBNN khác hoặc có TK tại ngân hàng thực hiện thanh toán điện tử, LCT phục hồi được in 01 liên làm căn cứ hạch toán và lưu.

3. Lệnh chi tiền (Mẫu số C2-01c/NS)

Mục đích

Lệnh chi tiền này là chứng từ kế toán do UBND xã lập để làm căn cứ thực hiện trích quỹ NSNN để cấp kinh phí ngân sách cho các đối tượng thụ hưởng; là căn cứ để KBNN hạch toán chi NSNN.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

UBND xã:

- Lệnh chi tiền phải được đánh số liên tục trong kỳ kế toán, số, ngày, tháng, năm của Thông tri duyệt y dự toán; ghi ngày, tháng, năm lập lệnh, năm ngân sách.

- Đánh dấu “x” vào ô tương ứng: Chọn tạm ứng hoặc thực chi; chuyển khoản hoặc tiền mặt. Không chọn đồng thời 2 phương thức chi hoặc 2 hình thức thanh toán trên cùng một chứng từ.

- Ghi rõ các thông tin: Tên KBNN, chi ngân sách, tài khoản chi ngân sách theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS”, mã TCNS, tên và mã CTMT, dự án (nếu có).

- Phân liệt kê các khoản chi ghi chi tiết theo nội dung chi, mã nguồn NSNN, mã chương, mã ngành kinh tế (khoản), mã nội dung kinh tế (TM), số tiền (ghi chi tiết số tiền theo tiểu mục - mỗi tiểu mục chi ghi trên một dòng).

- Tổng số tiền ghi bằng số và bằng chữ.

- Phần đơn vị nhận tiền:

+ Trường hợp lĩnh bằng chuyển khoản, chuyển tiền điện tử: Ghi rõ tên đơn vị nhận tiền, mã ĐVQHNS (nếu có), số hiệu tài khoản của đơn vị nhận tiền (Trường hợp tài khoản mở tại KBNN ghi theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS”, riêng đối với TK 3741, 3761 ghi theo định dạng “Mã TKKT.Mã cấp NS.Mã ĐVQHNS.Mã CTMT, DA và HTCT”. Tài khoản không có cấp NS thì mã cấp NS được ghi ký tự là 0. Ghi tên KBNN (NH), mã KBNN

(NH) nơi đơn vị nhận tiền mở tài khoản; các yếu tố họ tên người lĩnh tiền, số CMND/CCCD/HC, cấp ngày, nơi cấp để trống.

+ Trường hợp lĩnh tiền mặt: Ghi rõ họ tên người lĩnh tiền, số CMND/CCCD/HC, ngày cấp, nơi cấp; các yếu tố số hiệu tài khoản của đơn vị nhận tiền, tại KBNN (NH), mã KBNN (NH) nơi đơn vị nhận tiền mở tài khoản để trống.

+ Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Sau khi lập chứng từ, cán bộ tài chính xã chuyển LCT giấy đến KBNN nơi giao dịch (bộ phận kiểm soát chi của KBNN) để hạch toán chi cho xã.

Kho bạc Nhà nước

- Bộ phận Kiểm soát chi: Kiểm soát chứng từ, ký, ghi ngày, tháng, năm vào nơi quy định.

- Giám đốc KBNN: ký đầy đủ vào nơi quy định.

- Bộ phận Kế toán: Ghi mã địa bàn hành chính, định khoản nghiệp vụ chi NSNN, ghi ngày, tháng, năm hạch toán, ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Luân chuyển chứng từ

Dùng trong trường hợp xã là 1 cấp ngân sách.

UBND xã lập Lệnh chi tiền (gồm 04 liên) gửi KBNN nơi mở tài khoản. Tại KBNN, các liên chứng từ được xử lý như sau:

Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt:

+ 01 liên làm căn cứ hạch toán, gửi bộ phận kiểm soát chi để lưu;

+ 01 liên để báo nợ cho UBND xã;

+ 02 liên thừa hủy bỏ.

Trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản:

- Trường hợp đơn vị nhận tiền có tài khoản tại KBNN nơi nhận Lệnh chi tiền:

+ 01 liên làm căn cứ hạch toán, gửi bộ phận kiểm soát chi để lưu;

+ 01 liên báo nợ cho xã;

+ 01 liên báo có cho đơn vị;

+ 01 liên UNC thừa hủy bỏ.

- Trường hợp đơn vị hưởng có tài khoản tại ngân hàng:

+ 01 liên làm căn cứ hạch toán, gửi bộ phận kiểm soát chi để lưu;

+ 01 liên báo nợ cho xã;

+ 02 liên chứng từ còn lại được sử dụng làm chứng từ thanh toán nếu giao nhận chứng từ thủ công với ngân hàng hoặc hủy bỏ nếu thanh toán điện tử với ngân hàng.

- Trường hợp đơn vị hưởng có tài khoản tại KBNN khác:

+ 01 liên làm căn cứ hạch toán, gửi bộ phận kiểm soát chi để;

+ 01 liên báo nợ cho xã;

+ 02 liên chứng từ còn lại được hủy bỏ.

4. Phiếu nhập dự toán ngân sách (Mẫu số C6-01/KB)

Mục đích

- Phiếu nhập dự toán ngân sách là chứng từ kế toán do các đơn vị thực hiện nhập dự toán: CQTC, các đơn vị dự toán tham gia TABMIS, KBNN lập để hạch toán nhập dự toán của các cấp dự toán ngân sách (cấp 0,1,2,3), của đơn vị sử dụng ngân sách và cấp 0 của ngân sách xã.

- Phiếu nhập dự toán ngân sách được sử dụng để nhập dự toán giao trong năm, dự toán bổ sung, dự toán điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.

- Phiếu nhập dự toán ngân sách được sử dụng để nhập dự toán của các cấp dự toán ngân sách đối với các quyết định giao dự toán có phát sinh ít tổ hợp tài khoản dự toán và sử dụng nhập trực tiếp tổ hợp tài khoản cấp 4.

- Phiếu nhập dự toán ngân sách được sử dụng để ghi chép nghiệp vụ chuyển nguồn dự toán theo tài khoản tổng hợp (số liệu chi tiết chuyển nguồn dự toán được kết xuất từ hệ thống theo quy định được kèm theo mẫu này)

- Phiếu nhập dự toán ngân sách được sử dụng trong trường hợp thu hồi dự toán để chuyển năm sau.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

- Chuyên viên CQTC, ĐVSDNS, Kế toán viên KBNN ghi đầy đủ yếu tố số thứ tự phiếu nhập dự toán NS, năm ngân sách, Số, ngày quyết định giao dự toán và tên đơn vị ra Quyết định, tên đơn vị sử dụng ngân sách, thời hạn cấp phát (nếu có),

- Ghi số thứ tự, mã loại dự toán, mã tài khoản kế toán (mỗi dòng ghi chi tiết theo mã tài khoản kế toán), mã cấp NS, mã ĐVQHNS, mã chương, mã ngành kinh tế (khoản), mã CTMT, DA và HTCT (nếu có), mã nguồn NSNN (Mã TCNKP), số tiền.

- Ghi ngày tháng năm, ký và đóng dấu theo quy định. Riêng đối với trường hợp KBNN chịu trách nhiệm phân bổ dự toán, bộ phận Kiểm soát chi

vào chức danh người nhập, phụ trách (trường hợp KBNN quận, huyện, thị xã không tổ chức phòng, để trống chức danh Phụ trách).

Luân chuyển chứng từ:

Phiếu nhập dự toán ngân sách được lập 02 liên và xử lý:

- + 01 liên lưu cùng với hồ sơ dự toán kinh phí;
- + 01 liên làm căn cứ nhập dự toán và lưu.

5. Phiếu nhập dự toán cấp 0 (Mẫu số C6-02/NS)

Mục đích

- Bảng tổng hợp chứng từ giao dự toán cấp 0 là: chứng từ kế toán dùng cho CQTC các cấp ngân sách (trừ ngân sách xã) căn cứ vào nội dung của văn bản giao dự toán cấp 0 của cấp có thẩm quyền, chuyển tải các nội dung thành các tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 trước khi nhập vào TABMIS.

- Đảm bảo hoàn chỉnh dữ liệu tổng thể để tra cứu, giảm thiểu các giao dịch điều chỉnh trong quá trình nhập dữ liệu, chuẩn hoá các thông tin đầu vào trong hoạt động quản lý điều hành ngân sách.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

- Ghi số, năm ngân sách.
- Số thứ tự.
- Cột nội dung: Ghi chép các nội dung theo thứ tự nhiệm vụ chi đối với năm ngân sách 2017 và mã loại, khoản đối với năm ngân sách 2018 trong Quyết định giao dự toán.
- Phần chi tiết các cột còn lại, mỗi dòng ghi chi tiết theo: Số và ngày quyết định giao dự toán, mã loại dự toán, mã TKKT, mã cấp NS, mã ĐVQHNS, mã chương, mã ngành kinh tế, mã CTMT, DA và HTCT, mã nguồn NSNN, số tiền, số lô bút toán, số ID, số giao dịch Dossier.
- Ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Luân chuyển chứng từ

Bảng tổng hợp chứng từ giao dự toán cấp 0 được lập 02 liên và xử lý:

- 01 liên lưu cùng với hồ sơ dự toán kinh phí;
- 01 liên làm căn cứ nhập dự toán và lưu.

6. Phiếu nhập và phân bổ dự toán ngân sách (Mẫu số C6-03/NS)

Mục đích

- Phiếu nhập và phân bổ dự toán ngân sách là chứng từ kế toán do các đơn vị thực hiện nhập dự toán: CQTC, các đơn vị dự toán tham gia TABMIS,

KBNN lập để hạch toán nhập dự toán của các cấp dự toán ngân sách (cấp 0,1,2,3), của đơn vị sử dụng ngân sách.

- Đảm bảo hoàn chỉnh dữ liệu tổng thể quy trình phân bổ ngân sách, để tra cứu, giảm thiểu các giao dịch điều chỉnh trong quá trình nhập dữ liệu, chuẩn hoá các thông tin đầu vào trong hoạt động quản lý điều hành ngân sách.

- Phiếu nhập dự toán được sử dụng để phân bổ dự toán giao trong năm, dự toán bổ sung, điều chỉnh phân bổ dự toán của cấp có thẩm quyền.

Lưu ý: Chứng từ này dùng để nhập dự toán của các cấp dự toán ngân sách đối với các quyết định giao dự toán có phát sinh nhiều cấp dự toán, nhiều tổ hợp tài khoản dự toán.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

- Ghi số, năm ngân sách.

- Chuyên viên CQTC, ĐVSDNS, Kế toán viên KBNN ghi đầy đủ yếu tố số thứ tự phiếu nhập dự toán NS, số, ngày của quyết định giao dự toán, mã loại dự toán, mã TKKT, mã cấp NS, mã ĐVQHNS, mã chương, mã ngành kinh tế, mã CTMT, DA và HTCT (nếu có), mã KBNN, mã nguồn NSNN (Mã TCNKP), mã dự phòng, số tiền, số lô bút toán, số ID, số giao dịch Dossier.

- Ghi ngày tháng năm, ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định. Riêng đối với trường hợp KBNN chịu trách nhiệm phân bổ dự toán, bộ phận Kiểm soát chi vào chức danh người nhập, phụ trách. Trường hợp KBNN quận, huyện, thị xã không tổ chức phòng, để trống chức danh phụ trách.

Lưu ý: Việc ghi chép các khoản dự toán phân bổ cần theo đúng thứ tự trong Quyết định giao dự toán.

Luân chuyển chứng từ

Kế toán, chuyên viên cơ quan tài chính lập 02 liên Bảng tổng hợp chứng từ phân bổ dự toán:

+ 01 liên lưu cùng với hồ sơ dự toán kinh phí;

+ 01 liên làm căn cứ hạch toán kế toán và lưu.

7. Phiếu điều chỉnh dự toán (Mẫu số C6-04/KB)

Mục đích

Phiếu điều chỉnh dự toán là chứng từ kế toán dùng trong nội bộ một đơn vị thực hiện nhập dự toán: CQTC, các đơn vị dự toán tham gia TABMIS, KBNN; được sử dụng để điều chỉnh về dự toán kinh phí ngân sách trong quá trình hạch toán kế toán có phát sinh sai lầm, sử dụng cho nghiệp vụ đảo dự toán tạm cấp, phục hồi bút toán khứ số dư âm khi điều chỉnh các khoản chi có kiểm soát dự toán năm trước sau khi đã chạy chương trình chuyển nguồn, hủy dự toán

trong trường hợp không được chuyển sang năm sau hoặc bút toán hủy dự toán khi thực hiện chuyển nguồn ở kỳ 13.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

- Ghi số, năm NS.

- Ghi ngày, tháng, năm lập phiếu điều chỉnh, ngày ghi sổ bút toán sai lầm, tên đơn vị sử dụng ngân sách, ghi tóm tắt diễn giải nội dung điều chỉnh, mỗi dòng ghi chi tiết theo mã tài khoản kế toán, mã cấp NS, mã ĐVQHNS, mã chương, mã ngành kinh tế, mã CTMT, DA và HTCT (nếu có), mã KBNN, mã nguồn NSNN (Mã TCNKP), mã dự phòng, mã loại dự toán, số tiền.

- Ký, ghi họ, tên và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

Luân chuyển chứng từ

Lập 03 liên Phiếu điều chỉnh dự toán:

- 01 liên làm căn cứ hạch toán và lưu;
- 01 liên lưu cùng với các tài liệu yêu cầu điều chỉnh hồ sơ;
- 01 liên gửi trả đơn vị yêu cầu điều chỉnh (nếu có).

Phụ lục II

NGUYÊN TẮC KẾT HỢP TỔ HỢP TÀI KHOẢN DỰ TOÁN

(Kèm theo Công văn số 15602/BTC-KBNN ngày 17/11/2017 của Bộ Tài chính)

1. Phiên dự toán cấp 0

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách cấp tỉnh, dự toán chi ngân sách cấp huyện theo ngành, lĩnh vực và chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới được Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện quyết định hàng năm, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu; dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; nguồn dự toán năm trước chuyển sang; dự toán từ nguồn ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước nguồn NSTW chuyển giao; nguồn chính phủ vay về cho địa phương vay lại..., quyết định hàng năm để phiên dự toán cấp 0, cụ thể:

- Mã quỹ: 01
- Mã tài khoản kế toán: Theo chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS. Chọn tài khoản tự nhiên tương ứng dự toán cấp 0 (9213, 9216, 9219, 9233, 9229, 9239, 9241...).
- Mã nội dung kinh tế: 9999
- Mã cấp ngân sách: cấp tỉnh, huyện, xã tương ứng
- Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: mã tổ chức ngân sách
- Mã địa bàn hành chính: 99999
- Mã chương: 999
- Mã ngành kinh tế: Mã Nhiệm vụ chi theo của ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 38 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.
- Mã chương trình mục tiêu, dự án: Ghi mã chi tiết nếu có, nếu không ghi 99999.
- Mã Kho bạc nhà nước: Ghi mã tương ứng
- Mã nguồn ngân sách nhà nước: Ghi mã chi tiết nếu có, nếu không xác định được chính xác tính chất nguồn kinh phí để 99.
- Mã dự phòng: 000.

2. Phiên dự toán cấp 1

Căn cứ Quyết định phê duyệt phân bổ dự toán của Ủy ban Nhân dân cho các đơn vị dự toán cấp 1, bao gồm: dự toán giao đầu năm; dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu; dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; nguồn dự toán năm trước chuyển sang; dự toán từ nguồn ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước nguồn NSTW chuyển giao; nguồn chính phủ vay về cho địa phương vay lại. Thực hiện phiên theo nguyên tắc sau:

- Mã quỹ: 01
- Mã tài khoản kế toán: Theo chế độ kế toán áp dụng cho TABMIS. Chọn tài khoản tự nhiên tương ứng dự toán cấp 1 (như 9253, 9257, 9256...)
- Mã nội dung kinh tế: 9999
- Mã cấp ngân sách: cấp tỉnh, huyện, xã tương ứng
- Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã đơn vị quan hệ ngân sách được phân bổ dự toán cấp 1.
- Mã địa bàn hành chính: 99999
- Mã chương: chương tương ứng
- Mã ngành kinh tế: Mã Nhiệm vụ chi theo của ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 38 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.
- Mã chương trình mục tiêu, dự án: Ghi mã chi tiết nếu có, nếu không có để 99999.
- Mã Kho bạc nhà nước: Ghi mã tương ứng
- Mã nguồn NSNN: mã chi tiết nếu có, nếu không xác định được chính xác tính chất nguồn kinh phí để 99.
- Mã dự phòng: 000.

3. Phiên dự toán cấp 4

Căn cứ Quyết định phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp 1 cho các đơn vị sử dụng ngân sách, dự án đầu tư (đơn vị dự toán cấp 4) đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, thẩm tra, người nhập (chuyên viên Bộ/ngành) thực hiện

- Mã quỹ: 01
- Mã tài khoản kế toán: Theo chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS. Chọn tài khoản tự nhiên tương ứng dự toán cấp 4 (9523, 9527, 9552...).
- Mã nội dung kinh tế: 0000
- Mã cấp ngân sách: cấp tỉnh, huyện, xã tương ứng
- Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: mã của đơn vị dự toán cấp 4.
- Mã địa bàn hành chính: 00000
- Mã chương: mã chương tương ứng
- Mã ngành kinh tế: mã ngành kinh tế tương ứng (chi tiết khoản)
- Mã chương trình mục tiêu, dự án: mã chi tiết nếu có, nếu không có để giá trị 00000
- Mã Kho bạc Nhà nước: Ghi mã KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách (đơn vị dự toán cấp 4) mở tài khoản.

- Mã nguồn ngân sách nhà nước: Mã tính chất nguồn kinh phí, lưu ý chi tiết theo tự chủ, không tự chủ, cải cách tiền lương,...), đầu tư, trái phiếu...

- Mã dự phòng: 000.

4. Một số tài khoản dự toán khác

- Đối với TK nguồn 9100 - Nguồn dự toán: Có các tài khoản cấp 2: TK 9111, 9121, 9131, 9141, 9151, 9161, 9171, các tài khoản này kết hợp với mã quỹ 01, mã TKTN và mã KBNN

- Đối với TK 9630 - Dự toán đối chiếu và hủy: có 2 tài khoản cấp 2: TK 9631 - dự toán bị hủy; TK 9632 - Dự toán đối chiếu, các đoạn mã của tài khoản dự toán đối chiếu và hủy được kết hợp với mã quỹ 01, mã TKTN và mã KBNN (riêng phần NSTW mã KBNN là mã 9999).

- Đối với TK 9611- các đoạn mã của tài khoản điều chỉnh được kết hợp giống như các tổ hợp tài khoản cần điều chỉnh, cụ thể:

+ Khi phát sinh điều chỉnh liên quan tài khoản dự toán cấp 1: TK 9611 nguyên tắc kết hợp tương tự như tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1.

+ Khi phát sinh điều chỉnh liên quan tài khoản dự toán cấp 4: TK 9611 nguyên tắc kết hợp tương tự như tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4.

+

5. Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nguồn:

(1) Dự toán thường xuyên:

+ Tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0 và cấp 1 ghi mã nguồn: Ghi mã chi tiết nếu có, nếu không xác định được chính xác tính chất nguồn kinh phí để 99

+ Tổ hợp tài khoản dự toán cấp 2 đến tổ hợp tài khoản dự toán cấp 4 ghi mã nguồn chi tiết 12, 13, 14, 15, 16, 17, 29 (nếu có).

+ Riêng đối với mã nguồn 27 được kết hợp với các tổ hợp tài khoản dự toán cấp 1, cấp trung gian (2,3), cấp 4 khi có phát sinh dự toán tạm ứng.

(2) Dự toán Đầu tư

Hướng dẫn ghi chép phân đoạn mã nguồn: Ghi theo mã nguồn chi tiết từ tổ hợp tài khoản dự toán cấp 0, cấp 1, cấp 4.

(3) Đối với dự toán các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước, viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

- Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay nợ bằng tiền hỗ trợ cân đối ngân sách chung hoặc hỗ trợ theo ngành của các đơn vị dự toán cấp 1, thực hiện nhập dự toán vào TABMIS như quy định đối với các khoản chi từ nguồn vốn trong nước, theo dõi mã nguồn 98.

- Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay, viện trợ ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương để đầu tư các chương trình, dự án ghi mã nguồn 52

- Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay, viện trợ ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương vay để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương ghi mã nguồn 53.

- Đối với các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước, viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại ghi mã nguồn 54.

(4) Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi viện trợ

Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi viện trợ không theo dõi mã nguồn ngân sách, ghi mã nguồn 00.

(5) Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi chuyển giao

Kế toán nhập và phân bổ dự toán chi chuyển giao không theo dõi mã nguồn ngân sách, ghi mã nguồn 00. Trường hợp phân bổ dự toán tạm ứng chi chuyển giao theo dõi mã nguồn 27.

Phụ lục III

NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

(Kèm theo Công văn số 156/BTC-KBNN ngày 11 / 11 / 2017 của Bộ Tài chính)

A. LOẠI 1 - TÀI SẢN NGẮN HẠN

I. NHÓM 15 - TẠM ỨNG VÀ ỨNG TRƯỚC KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN

1. Tài khoản 1510 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh số tạm ứng của NSNN khi chưa đủ hồ sơ, chứng từ để thanh toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

Tài khoản này phản ánh số tạm ứng chi thường xuyên của NSNN theo từng năm ngân sách, sau thời gian chính lý quyết toán NSNN phải được xử lý theo quy định.

Đối với khoản tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ giao khoán (được chuyển năm sau theo quy định): Trường hợp chưa hết thời gian chính lý quyết toán NSNN năm trước nhưng ĐVSDNS có nhu cầu chuyển nguồn sang năm sau thì KBNN có thể thực hiện chuyển tạm ứng đồng thời chuyển nguồn dự toán còn lại sang năm sau cho đơn vị chi tiếp.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

(1) Đối với tài khoản tạm ứng chi thường xuyên TK 1511 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán, TK 1521 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán:

- Phải hạch toán chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí và thực hiện kiểm soát dự toán đã được giao.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN

+ Mã chương trình mục tiêu dự án (nếu có đối với các khoản chi thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã nguồn NSNN (mã tính chất nguồn kinh phí).

(2) Đối với tài khoản 1531 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán:

- Tài khoản này không phải hạch toán tính chất nguồn kinh phí, không thực hiện kiểm soát dự toán trên TABMIS.

- Hạch toán kết hợp với các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế: Mục tạm ứng chi thường xuyên ngoài ngân sách

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương: 160, 560, 760, 800

+ Mã KBNN

+ Mã chương trình mục tiêu dự án (nếu có).

- Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước, căn cứ vào đề nghị của cơ quan Tài chính cùng cấp, kế toán KBNN sẽ điều chỉnh số dư còn lại tại niên độ năm trước sang niên độ năm hiện tại.

1.3. Kết cấu, nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản tạm ứng kinh phí chi thường xuyên, bao gồm kinh phí giao tự chủ, giao khoán, kinh phí không giao tự chủ giao khoán bằng dự toán, bằng lệnh chi tiền và khoản tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán.

- Phản ánh số tạm ứng năm trước được chuyển sang.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm tạm ứng kinh phí thường xuyên do thu hồi tạm ứng.

- Phản ánh số chuyển từ tạm ứng thành thực chi ngân sách thường xuyên khi có đủ điều kiện chi.

- Phản ánh số tạm ứng chi thường xuyên được chuyển sang năm sau.

Số dư Nợ:

- Phản ánh số dư tạm ứng chi thường xuyên chưa thanh toán.

Tài khoản tạm ứng kinh phí chi thường xuyên có số dư = 0 tại kỳ 13 năm trước nếu toàn bộ số dư tạm ứng năm trước được xử lý hết.

Tài khoản 1510 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 1511 - Tạm ứng chi kinh phí thường xuyên giao tự chủ, giao khoán

Tài khoản này phản ánh các khoản tạm ứng thanh toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán.

Tài khoản 1511 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1513 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số tạm ứng kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí giao tự chủ, giao khoán được giao bằng dự toán chi thường xuyên và dự toán chi thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu, dự án.

+ Tài khoản 1516 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để hạch toán số tạm ứng kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên giao tự chủ, giao khoán được giao bằng dự toán lệnh chi tiền.

(2) Tài khoản 1521 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán

Tài khoản này phản ánh các khoản tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, giao khoán.

Tài khoản 1521 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1523 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số tạm ứng kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán được giao bằng dự toán thường xuyên và dự toán thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu, dự án.

+ Tài khoản 1526 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để hạch toán số tạm ứng kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán được giao bằng dự toán lệnh chi tiền.

(3) Tài khoản 1531 - Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản tạm ứng chi thường xuyên đã được giao dự toán nhưng dự toán không được nhập và theo dõi trên TABMIS do không giao cho đơn vị cụ thể mà chỉ giao ở cấp ngân sách, được cấp phát bằng Lệnh chi tiền; tài khoản này cũng dùng để hạch toán trong trường hợp tạm ứng cho các xã, phường khi chưa xác định được nội dung các khoản chi cụ thể.

2. Tài khoản 1550 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh số ứng trước của NSNN để thanh toán kinh phí chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách khi đơn vị thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách được xác định thuộc dự toán năm sau nhưng phải thực hiện ngay trong năm, hoặc chưa được bố trí trong dự toán và nguồn dự phòng không đáp ứng được.

Tài khoản này chỉ được sử dụng để theo dõi số ứng trước kinh phí chi thường xuyên của năm ngân sách 2016 (nếu còn). Từ năm 2018, tài khoản này không còn được sử dụng.

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này theo dõi số ứng trước kinh phí NSNN, sau ngày 31/12 phải chuyển số dư sang năm sau theo dõi tiếp thông qua chương trình tái phân loại bút toán ứng trước đối với tài khoản có kiểm soát dự toán, hạch toán thủ công đối với tài khoản không kiểm soát dự toán.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã KBNN

+ Mã chương trình mục tiêu dự án (đối với các khoản chi thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã nguồn NSNN (Hạch toán chi tiết theo mã tính chất nguồn kinh phí).

- Đến cuối ngày 31/12: KBNN sẽ thực hiện chuyển các khoản ứng trước còn lại năm nay chuyển sang năm sau.

2.3. Kết cấu, nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản ứng trước kinh phí chi thường xuyên phát sinh trong năm.

- Phản ánh số ứng trước kinh phí chi thường xuyên năm trước chuyển sang.

- Phản ánh số ứng trước đủ điều kiện thanh toán phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán khi có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm ứng trước kinh phí chi thường xuyên do thu hồi ứng trước.
- Phản ánh số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán chuyển sang ứng trước đủ điều kiện thanh toán khi đã có khối lượng, hồ sơ thực hiện.
- Phản ánh số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang tạm ứng chi năm nay, hoặc số ứng trước đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang thực chi năm nay khi có dự toán chính thức.
- Phản ánh số ứng trước kinh phí chi thường xuyên được chuyển sang năm sau.

Số dư Nợ:

Phản ánh số kinh phí ứng trước chi thường xuyên chưa được thanh toán.

Tài khoản 1550 - Tạm ứng và ứng trước kinh phí chi thường xuyên có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 1551 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán

Phản ánh các khoản ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán.

Tài khoản 1551 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1553 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán được ứng trước dự toán.

Tài khoản 1553 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

• Tài khoản 1554 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên giao tự chủ, giao khoán được ứng trước dự toán nhưng chưa có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

• Tài khoản 1557 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán đã đủ điều kiện thanh toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên giao tự chủ, giao khoán được ứng trước bằng dự toán đã đủ khối lượng, hồ sơ để thực hiện thanh toán theo quy định.

+ Tài khoản 1563 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh

phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên được giao dự toán ứng trước bằng dự toán lệnh chi tiền.

(2) Tài khoản 1571 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán

Tài khoản 1571- Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1573 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán được ứng trước bằng dự toán.

Tài khoản 1573 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

• Tài khoản 1574 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán (tương tự TK 1554).

• Tài khoản 1577 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán có đủ điều kiện thanh toán (tương tự TK 1557)

+ Tài khoản 1583 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán được ứng trước dự toán theo hình thức chi bằng lệnh chi tiền.

(3) Tài khoản 1598 - Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán:

Tài khoản này dùng để phản ánh số kinh phí chi thường xuyên đã ứng trước theo quy định trong các văn bản của cơ quan tài chính được ghi rõ ứng trước kinh phí nhưng chưa giao dự toán ứng trước. Tài khoản này không kiểm soát dự toán. Khi ứng trước từ tài khoản này hạch toán Chương 160, 560, 760, 800, Khoản 000, mục tạm chi ngoài ngân sách.

II. NHÓM 17 - TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC KINH PHÍ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Tài khoản 1710 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước về kinh phí chi đầu tư XD CB và chi chương trình mục tiêu (có tính chất đầu tư XD CB) của NSNN các cấp.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán trên các tài khoản này phải tuyệt đối chấp hành chế độ kiểm soát, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN và các quy định về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư. Kế toán chỉ hạch toán vào tài khoản này căn cứ chứng từ đã qua bộ phận Kiểm soát chi của KBNN kiểm soát và xác nhận.

1.3. Nội dung, kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB.
- Phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB năm trước chuyển sang.
- Số tạm ứng phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán sang khi có dự toán chính thức.
- Số ứng trước đủ điều kiện thanh toán phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán khi có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB do thu hồi tạm ứng, ứng trước hoặc chuyển từ tạm ứng thành thực chi ngân sách về đầu tư XD CB.
- Phản ánh số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán chuyển sang ứng trước đủ điều kiện thanh toán khi đã có khối lượng, hồ sơ thực hiện.
- Số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang tạm ứng chi năm nay, hoặc số ứng trước đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang thực chi năm nay khi có dự toán chính thức.
- Phản ánh số tạm ứng/ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB được chuyển sang năm sau.

Số dư Nợ:

Phản ánh số kinh phí chi đầu tư XD CB còn tạm ứng, ứng trước chưa thanh toán.

Tài khoản 1710 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển, có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 1711 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XD CB

Tài khoản này phản ánh số tạm ứng chi đầu tư XD CB do chưa có đủ điều kiện thanh toán.

Tài khoản 1711 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XD CB có 3 tài khoản cấp 3 như sau:

- Tài khoản 1713 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XD CB bằng dự toán.
- Tài khoản 1716 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XD CB bằng lệnh chi tiền.

- Tài khoản 1717 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCCB không kiểm soát dự toán, tài khoản này dùng để phản ánh số kinh phí chi đầu tư XDCCB đã rút theo quy định trong các văn bản của cơ quan tài chính được ghi rõ tạm ứng kinh phí nhưng không kiểm soát số dự toán đã giao, được thực hiện chi bằng hình thức Lệnh chi tiền của cơ quan Tài chính; tài khoản này cũng dùng để hạch toán trong trường hợp tạm ứng chi đầu tư phát triển cho các xã, phường khi chưa xác định được các khoản chi cụ thể.

* Đối với tài khoản tạm ứng kinh phí có kiểm soát dự toán (TK 1713, 1716):

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN.

- Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN, KBNN sẽ thực hiện chuyển số dư tạm ứng sang năm sau theo quy định.

* Đối với tài khoản 1717 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCCB không kiểm soát dự toán:

- Tài khoản này không phải kiểm soát dự toán khi hạch toán, không phải hạch toán mã nguồn NSNN

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế: Mục tạm ứng chi XDCCB ngoài ngân sách
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương: 160, 560, 760, 800
- + Mã KBNN
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có).

- Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN, số dư trên tài khoản này phải được xử lý căn cứ vào đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

(2) Tài khoản 1721 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB

Tài khoản này phản ánh số ứng trước chi đầu tư XD CB thuộc kinh phí năm sau của NSNN các cấp trung ương, tỉnh, huyện.

Tài khoản ứng trước có kiểm soát dự toán được kết hợp các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách: cấp 1, 2, 3
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN
- + Mã chương trình mục tiêu dự án (nếu có)
- + Mã nguồn NSNN.

Lưu ý: Trường hợp chưa xác định được MLNS thì hạch toán mục tạm chi ngoài cân đối ngân sách.

- Kế toán ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB không kiểm soát dự toán hạch toán Chương 160, 560, 760, 800; khoản 000, mục tạm chi ngoài cân đối ngân sách.

- Đối với số dư ứng trước, đến hết ngày 31/12, KBNN sẽ thực hiện chuyển số dư ứng trước sang năm sau theo quy định.

Tài khoản 1721 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB có 3 tài khoản cấp 3 như sau:

- Tài khoản 1723 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB bằng dự toán

Tài khoản 1723 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB bằng dự toán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

+ Tài khoản 1724 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB của các dự án được ứng trước dự toán nhưng chưa có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

+ Tài khoản 1727 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB của các dự án được ứng trước dự toán và đã có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

- Tài khoản 1733 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XD CB bằng lệnh chi tiền.

- Tài khoản 1737 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB không kiểm soát dự toán.

2. Tài khoản 1750 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác

2.1. Mục đích

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước về kinh phí chi đầu tư phát triển khác của NSNN các cấp.

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán trên các tài khoản này phải tuyệt đối chấp hành chế độ kiểm soát, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN.

(1) Đối với tài khoản tạm ứng kinh phí chi ĐTPT khác có kiểm soát dự toán (1753, 1756):

- Tài khoản này phản ánh số tạm ứng chi đầu tư phát triển của NSNN.

- Tài khoản này kết hợp với các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã tài khoản kế toán
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN.

- Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN, số dư trên tài khoản này phải được xử lý căn cứ vào đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

(2) Đối với tài khoản 1757 - Tạm ứng chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán: Tài khoản này hạch toán các khoản tạm ứng không phải kiểm soát dự toán theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Tài khoản này kết hợp với các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế: Mục tạm chi ngoài cân đối ngân sách
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương: 160, 560, 760, 800
- + Mã KBNN
- + Mã chương trình mục tiêu dự án (nếu có).
- Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN, số dư trên tài khoản này phải được xử lý căn cứ vào đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

(3) Đối với các tài khoản ứng trước kinh phí chi ĐTPT khác:

- Tài khoản ứng trước có kiểm soát dự toán kết hợp các đoạn mã sau:
 - + Mã quỹ
 - + Mã nội dung kinh tế
 - + Mã cấp ngân sách
 - + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
 - + Mã địa bàn hành chính
 - + Mã chương
 - + Mã ngành kinh tế
 - + Mã KBNN
 - + Mã chương trình mục tiêu dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)
 - + Mã nguồn NSNN
- Đối với số dư ứng trước, đến hết ngày 31/12, KBNN sẽ thực hiện chuyển số dư ứng trước sang năm sau theo quy định.

2.3. Kết cấu, nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác phát sinh trong năm.
- Phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác năm trước chuyển sang.
- Số tạm ứng phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán sang khi có dự toán chính thức.
- Số ứng trước đủ điều kiện thanh toán phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán khi có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác do thu hồi tạm ứng, hoặc chuyển từ tạm ứng thành thực chi ngân sách về chi đầu tư phát triển khác.

- Phản ánh số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán chuyển sang ứng trước đủ điều kiện thanh toán khi đã có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

- Số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang tạm ứng chỉ năm nay, hoặc số ứng trước đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang thực chỉ năm nay khi có dự toán chính thức.

- Phản ánh số tạm ứng/ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác được chuyển sang năm sau.

Số dư Nợ:

Phản ánh số kinh phí kinh phí chi đầu tư phát triển khác còn tạm ứng, ứng trước chưa thanh toán.

Tài khoản 1750 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác, có 4 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 1751 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác: Tài khoản này phản ánh số tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác.

Tài khoản 1751 - Tạm ứng đầu tư phát triển khác có 3 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1753 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán.

+ Tài khoản 1756 - Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền.

+ Tài khoản 1757 - Tạm ứng chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán: Tài khoản này được hạch toán căn cứ Lệnh chi tiền của cơ quan Tài chính hoặc hạch toán tạm ứng chi ĐTPPT đối với NS xã.

(2) Tài khoản 1761 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác: Tài khoản này phản ánh số ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển thuộc kinh phí năm sau.

Tài khoản 1761 - Ứng trước đầu tư phát triển khác có 3 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1763 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển bằng dự toán.

Tài khoản 1763 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

• Tài khoản 1764 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác được ứng trước dự toán và chưa có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

• Tài khoản 1767 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán: Tài khoản này dùng để hạch toán số ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác được ứng trước dự toán và đã có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

+ Tài khoản 1773 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển bằng lệnh chi tiền

+ Tài khoản 1798 - Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán: Tài khoản này dùng để phản ánh số kinh phí ứng trước về chi đầu tư phát triển khác nhưng không được kiểm soát bởi dự toán ứng trước.

Lưu ý: Đối với tài khoản 1761 – Ứng trước chi đầu tư phát triển khác, chỉ sử dụng khi có hướng dẫn.

III. NHÓM 19 - TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC KINH PHÍ KHÁC

1. Tài khoản 1950 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ

1.1. Mục đích

Tài khoản này để phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ của NSNN cho nước ngoài khi chưa có đủ điều kiện thanh toán.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán trên các tài khoản này phải tuyệt đối chấp hành chế độ kiểm soát, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN.

Tài khoản này phản ánh số tạm ứng, ứng trước chi viện trợ phát sinh. Số dư tài khoản ứng trước nếu được chuyển sang năm sau được thực hiện vào cuối ngày 31/12; Số dư tài khoản tạm ứng, nếu được chuyển sang năm sau được thực hiện vào sau thời gian chính lý quyết toán ngân sách.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có)

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ phát sinh trong năm.

- Số tạm ứng kinh phí chi viện trợ phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán khi đã có dự toán chính thức.

- Số ứng trước kinh phí chi viện trợ đủ điều kiện thanh toán phát sinh do chuyển từ số ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán khi có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

- Phản ánh số tạm ứng/ứng trước kinh phí chi viện trợ năm trước chuyển sang.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ do thu hồi tạm ứng/ứng trước hoặc chuyển từ tạm ứng thành thực chi ngân sách về chi viện trợ.

- Phản ánh số ứng trước kinh phí chi viện trợ chưa đủ điều kiện thanh toán chuyển sang ứng trước chi viện trợ có đủ điều kiện thanh toán khi có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

- Số ứng trước kinh phí chi viện trợ chưa đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang tạm ứng chi năm nay, hoặc số ứng trước kinh phí chi viện trợ đủ điều kiện thanh toán được chuyển sang thực chi năm nay khi có dự toán chính thức.

- Phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ được phép chuyển sang năm sau.

Số dư Nợ:

Phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ chưa thanh toán.

Tài khoản 1950 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi viện trợ có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 1951 - Tạm ứng kinh phí chi viện trợ.

Tài khoản 1951 - Tạm ứng kinh phí chi viện trợ có 2 tài khoản cấp 3 theo dõi chi tiết theo hình thức chi như sau:

+ Tài khoản 1952 - Tạm ứng kinh phí chi viện trợ bằng dự toán.

+ Tài khoản 1953 - Tạm ứng kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền.

- Tài khoản 1955 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ.

Tài khoản 1955 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ có 2 tài khoản cấp 3 theo dõi chi tiết theo hình thức chi như sau:

+ Tài khoản 1956 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán.

Tài khoản 1956 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

• Tài khoản 1957 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán.

• Tài khoản 1958 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán.

+ Tài khoản 1959 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng Lệnh chi tiền.

Biểu ý: Tài khoản 1955 - Ứng trước kinh phí chi viện trợ chi sử dụng khi có hướng dẫn

3. Tài khoản 1970 - Ứng trước chi chuyển giao

3.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản ứng trước về chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách.

3.2. Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này phản ánh số ứng trước chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách theo từng năm ngân sách. Số dư tài khoản ứng trước được chuyển sang năm sau được thực hiện vào cuối ngày 31/12, thông qua việc thực hiện quy trình xử lý cuối năm.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách (Mã TCNS TW, tỉnh, huyện; Mã ĐVQHNS xã)

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã KBNN.

3.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí chi chuyển giao phát sinh trong năm.

- Phản ánh số ứng trước chi chuyển giao năm trước chuyển sang khi thực hiện quy trình xử lý cuối năm.

Bên Có:

- Phản ánh số ứng trước kinh phí chi chuyển giao chuyển thành thực chi chuyển giao khi có dự toán chính thức.

- Phản ánh số ứng trước kinh phí chi chuyển giao được chuyển sang năm sau khi thực hiện quy trình xử lý cuối năm.

Số dư Nợ:

- Phản ánh số ứng trước kinh phí chi chuyển giao còn lại chưa thanh toán trong năm.

Tài khoản 1970 - Ứng trước chi chuyển giao có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 1971 - Ứng trước chi chuyển giao bằng dự toán.

(2) Tài khoản 1972 - Ứng trước chi chuyển giao bằng lệnh chi tiền.

Lưu ý: Tài khoản 1970 - Ứng trước chi chuyển giao chỉ sử dụng khi có hướng dẫn.

5. Tài khoản 1980 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí khác

5.1. Mục đích

Tài khoản này để phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí khác của NSNN.

5.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán khoản chi tạm ứng, ứng trước phải căn cứ vào dự toán ngân sách được giao trong năm và dự toán ứng trước đối với các trường hợp phải theo dõi dự toán theo quy định.

- Tài khoản này phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí khác phát sinh. Số dư tài khoản ứng trước nếu được chuyển sang năm sau được thực hiện vào cuối ngày 31/12; Số dư tài khoản tạm ứng được chuyển sang năm sau được thực hiện vào sau thời gian chỉnh lý quyết toán NS năm trước thông qua việc thực hiện quy trình xử lý cuối năm hoặc hạch toán thủ công.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có)

5.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí khác phát sinh.
- Phản ánh các khoản các khoản tạm ứng, ứng trước kinh phí khác năm trước chuyển sang.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm tạm ứng, ứng trước kinh phí khác do thu hồi tạm ứng/ứng trước hoặc chuyển từ tạm ứng/ứng trước khác thành thực chi ngân sách.

- Phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí khác được chuyển sang năm sau.

Số dư Nợ:

Phản ánh số tạm ứng, ứng trước kinh phí khác còn lại chưa thanh toán.

Tài khoản 1980 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí khác, có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 1981 - Tạm ứng kinh phí khác

Tài khoản 1981 - Tạm ứng kinh phí khác có 3 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 1982 - Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền: Tài khoản này để phản ánh các khoản tạm ứng của NSTW để trả nợ cho nhà đầu tư nước ngoài khi quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài chưa có tiền chi trả.

+ Tài khoản 1983 - Tạm ứng kinh phí khác bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này phải thực hiện kiểm soát dự toán được giao trước khi chi. Chỉ thực hiện tạm ứng chi từ tài khoản này đối với khoản chi khác chưa bố trí tài khoản ở trên.

+ Tài khoản 1984 - Tạm ứng khác không kiểm soát dự toán: Tài khoản này được thực hiện bằng hình thức Lệnh chi tiền, không thực hiện kiểm soát dự toán. Chỉ thực hiện tạm ứng chi từ tài khoản này đối với khoản chi khác chưa bố trí tài khoản ở trên.

B. LOẠI 8 - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. NHÓM 81 - CHI NGÂN SÁCH THƯỜNG XUYỀN

1. Tài khoản 8110 - Chi thường xuyên

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi về kinh phí thường xuyên và chi chương trình mục tiêu (có tính chất thường xuyên) của NSNN cho các đơn vị sử dụng ngân sách được giao từ nguồn dự toán chi thường xuyên khi có đủ các điều kiện thanh toán theo quy định.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Kiểm soát và hạch toán vào tài khoản này trên cơ sở dự toán chi thường xuyên được giao của năm ngân sách tương ứng. Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NS năm trước được hạch toán vào kỳ 12 năm trước trên phân hệ Quản lý chi (AP) và kỳ 13 năm trước trên phân hệ Quản lý Sổ cái (GL).

- Hạch toán chi từ tài khoản này phải thực hiện kiểm soát chi theo quy định, chấp hành nguyên tắc, điều kiện chi NS. Các khoản chi rút dự toán từ KBNN do KBNN thực hiện Kiểm soát chi; Các khoản chi bằng Lệnh chi tiền do CQTC chịu trách nhiệm kiểm soát chi, KBNN thực hiện kiểm soát sự phù hợp giữa tài khoản và MLNS của khoản chi, các yếu tố pháp lý của chứng từ.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính vào chênh lệch cân đối thu chi (sau ngày 31/12) trừ trường hợp kết hợp với mã nguồn 27 – Nguồn dự toán tạm ứng.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có).

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản thực chi thường xuyên khi đã có đủ các điều kiện thanh toán phát sinh trong năm.

- Các khoản thực chi thường xuyên phát sinh được chuyển từ tạm ứng chi thường xuyên khi có khối lượng, hồ sơ thực hiện.

- Các khoản thực chi thường xuyên phát sinh được chuyển từ ứng trước đủ điều kiện thanh toán khi đã có dự toán chính thức.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm chi, thu hồi các khoản thực chi ngân sách.

Số dư Nợ:

- Phản ánh số chi thường xuyên của năm ngân sách tương ứng.

Đầu mỗi năm ngân sách tài khoản này không có số dư.

Tài khoản 8110 - Chi thường xuyên có các tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 8111 - Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán

Tài khoản 8111 - Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 8113 - Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán.

+ Tài khoản 8116 - Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền.

(2) Tài khoản 8121 - Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán

Tài khoản 8121 - Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 8123 - Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán.

+ Tài khoản 8126 - Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền.

II. NHÓM 82 - CHI NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Tài khoản 8210 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí đầu tư XDCB và chi chương trình mục tiêu (có tính chất đầu tư XDCB) của NSNN các cấp được giao dự toán từ nguồn đầu tư XDCB trong năm khi có đủ điều kiện thanh toán theo quy định.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Kiểm soát và hạch toán vào tài khoản này trên cơ sở dự toán chi đầu tư XDCB được giao của năm ngân sách tương ứng. Chi NSNN phát sinh trong thời gian chính lý quyết toán NSNN năm trước được hạch toán kỳ 12 năm trước trên phân hệ Quản lý chi (AP) và kỳ 13 năm trước trên phân hệ Quản lý Sổ cái (GL).

- Hạch toán trên các tài khoản này phải tuyệt đối chấp hành chế độ kiểm soát, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN và các quy định về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư XDCB; Các khoản chi rút dự toán từ KBNN do bộ phận Kiểm soát chi của KBNN thực hiện Kiểm soát chi, Kế toán KBNN chỉ hạch toán vào tài khoản này dựa trên chứng từ đã được bộ phận kiểm soát chi thực hiện kiểm soát chi; Các khoản chi bằng Lệnh chi tiền do CQTC chịu trách nhiệm kiểm soát trước khi chi, KBNN chỉ thực hiện kiểm soát sự phù hợp giữa tài khoản và MLNS của khoản chi, các yếu tố pháp lý của chứng từ.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chính lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu, chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN.

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi ngân sách về đầu tư XDCB đã có đủ điều kiện thanh toán phát sinh trong năm.
- Phản ánh các khoản thực chi đầu tư XDCB phát sinh được chuyển từ tạm ứng sang khi đã có đủ điều kiện chi.
- Phản ánh các khoản thực chi đầu tư XDCB phát sinh được chuyển từ ứng trước đủ điều kiện thanh toán sang khi đã có dự toán chính thức.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm chi ngân sách do thu hồi vốn đầu tư XDCB.

Số dư Nợ:

- Phản ánh số chi đầu tư XDCB của năm ngân sách tương ứng.

Đầu mỗi năm NS tài khoản này không có số dư

Tài khoản 8210 - Chi đầu tư xây dựng cơ bản có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

- (1) Tài khoản 8211- Chi đầu tư XDCB bằng dự toán.
- (2) Tài khoản 8221- Chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền.

2. Tài khoản 8250 - Chi đầu tư phát triển khác

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí đầu tư phát triển khác của NSNN các cấp đã có đủ điều kiện thanh toán và đã được bố trí dự toán chi đầu tư phát triển trong năm.

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách thuộc kỳ của năm ngân sách tương ứng.
- Hạch toán trên các tài khoản này phải tuyệt đối chấp hành chế độ kiểm soát, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN và các quy định về quản lý cấp

phát, thanh toán vốn đầu tư phát triển; Các khoản chi rút dự toán từ KBNN do KBNN thực hiện kiểm soát chi; Các khoản chi bằng Lệnh chi tiền do CQTC chịu trách nhiệm kiểm soát chi, KBNN thực hiện kiểm soát sự phù hợp giữa tài khoản và MLNS của khoản chi, các yếu tố pháp lý của chứng từ.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chính lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu, chi để chuyển chênh lệch thu, chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (nếu có).

2.3. Kết cấu, nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản chi ngân sách về đầu tư phát triển khác.

Bên Có:

Phản ánh số giảm chi ngân sách do thu hồi vốn đầu tư phát triển khác.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách thuộc các kỳ của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8250 - Chi đầu tư phát triển khác có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 8251- Chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán: Phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí đầu tư phát triển khác bằng dự toán của NSNN các cấp đã có đủ điều kiện thanh toán và đã được bố trí dự toán chi đầu tư phát triển trong năm.

(2) Tài khoản 8261- Chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền: Phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền

của NSNN các cấp đã có đủ điều kiện thanh toán và đã được bố trí dự toán chi đầu tư phát triển trong năm.

III. NHÓM 83 - CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH

1. Tài khoản 8310 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách trong năm.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán khoản kinh phí chi chuyển giao phải căn cứ vào dự toán được duyệt đối với khoản chi có giao dự toán. Đối với bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, song tổng mức rút dự toán cả quý I không được vượt quá 30% dự toán năm.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu, chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách nơi nhận kinh phí hoặc mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của xã trong trường hợp chi chuyển giao cho xã.

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)

+ Mã KBNN.

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao trong năm.

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao phải thu hồi nộp trả NS cấp trên khi quyết toán thu, chi NSNN năm trước đã được phê duyệt.

Bên Có:

- Phản ánh số giảm chi do thu hồi kinh phí chi chuyển giao.

Số dư Nợ:

- Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8310 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 8311 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán: Phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách đã được giao dự toán trong năm. Tài khoản này phải thực hiện kiểm soát dự toán đã được giao.

(2) Tài khoản 8312 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng lệnh chi tiền: Phản ánh các khoản chi ngân sách về kinh phí chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách bằng lệnh chi tiền trong năm. Tài khoản này phải thực hiện kiểm soát dự toán đã được giao. Chỉ sử dụng tài khoản này khi có hướng dẫn.

(3) Tài khoản 8313 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách không kiểm soát dự toán: Tài khoản này được dùng trong trường hợp thu hồi các khoản chi chuyển giao các cấp ngân sách cấp bằng dự toán, hoặc bằng Lệnh chi tiền khi quyết toán thu, chi ngân sách năm trước đã được phê duyệt. Tài khoản này không kiểm soát số dư dự toán. Chỉ sử dụng tài khoản này khi có hướng dẫn.

IV. NHÓM 84 - CHI CHUYỂN NGUỒN

1. Tài khoản 8410 - Chi chuyển nguồn giữa các năm ngân sách

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thuộc nhiệm vụ chi năm nay nhưng chưa chi được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển sang năm sau để chi tiếp.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Các khoản chi chuyển nguồn thực chất là các khoản chi chưa được thực hiện, được hạch toán chi NSNN năm trước đồng thời với số thu chuyển nguồn sang năm sau.

- Tài khoản này không thực hiện kiểm soát dự toán.

- Chi chuyển nguồn NSNN phát sinh trong thời gian chính lý quyết toán NSNN năm trước.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách, mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của xã
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN.

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản chi chuyển nguồn được chuyển sang năm sau.

Bên Có:

Phản ánh giảm trong trường hợp điều chỉnh các khoản chi chuyển nguồn.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8410 - Chi chuyển nguồn giữa các năm ngân sách có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 8411 - Chi chuyển nguồn giữa các năm ngân sách: Phản ánh các khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để chi tiếp.

V. NHÓM 89 - CHI NGÂN SÁCH KHÁC

1. Tài khoản 8920 - Chi dự trữ quốc gia

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách cho như mua hàng dự trữ quốc gia (không bao gồm các khoản chi quản lý nhà nước, chi đầu tư xây dựng nhà kho cho dự trữ quốc gia).

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán tài khoản này phải chấp hành chế độ kiểm soát các khoản chi NSNN qua KBNN;

- Mọi khoản chi dự trữ quốc gia phải nằm trong dự toán được duyệt; Tài khoản này phải thực hiện kiểm soát dự toán đã được giao.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã KBNN

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)

+ Mã nguồn NSNN (nếu có)

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi ngân sách về dự trữ đã có đủ điều kiện thanh toán phát sinh trong năm.

- Phản ánh các khoản thực chi dự trữ quốc gia phát sinh được chuyển từ tạm ứng sang khi đã có đủ điều kiện chi.

- Phản ánh các khoản thực chi dự trữ quốc gia phát sinh được chuyển từ ứng trước đủ điều kiện thanh toán sang khi đã có dự toán chính thức.

Bên Có: Phản ánh số giảm chi dự trữ quốc gia do thu hồi dự toán.

Số dư Nợ:

Phản ánh số chi dự trữ quốc gia của năm ngân sách tương ứng.

Đầu mỗi năm NS tài khoản này không có số dư

Tài khoản 8920 - Chi dự trữ quốc gia gồm 2 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 8921 - Chi dự trữ quốc gia bằng dự toán

- Tài khoản 8922 - Chi dự trữ quốc gia bằng lệnh chi tiền.

2. Tài khoản 8930 - Chi viện trợ

2.1. Mục đích

Tài khoản này để phản ánh các khoản chi của NS trung ương cho nước ngoài dưới hình thức viện trợ theo các mục tiêu được ký kết tại Hiệp ước giữa Chính phủ các nước.

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong các kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán trên tài khoản chi viện trợ bằng dự toán phải chấp hành chế độ kiểm soát các khoản chi NSNN qua KBNN; Hạch toán trên tài khoản chi viện trợ bằng Lệnh chi tiền do cơ quan Tài chính kiểm soát chi.

- Mọi khoản chi ngân sách về viện trợ phải nằm trong dự toán được duyệt.

Tài khoản này phải thực hiện kiểm soát dự toán đã được giao.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách: Cấp 1
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có).

2.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản chi của NSNN viện trợ cho nước ngoài đã đủ điều kiện thanh toán.

Bên Có:

Phản ánh các khoản giảm chi do thu hồi;

Số dư Nợ:

Phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8930 - Chi viện trợ, có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 8933 - Chi viện trợ bằng dự toán: Tài khoản này để phản ánh các khoản chi của NSNN bằng dự toán cho nước ngoài dưới hình thức viện trợ theo các mục tiêu được ký kết tại Hiệp ước.

(2) Tài khoản 8936 - Chi viện trợ bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này để phản ánh các khoản chi của NSNN bằng lệnh chi tiền cho nước ngoài dưới hình thức viện trợ theo các mục tiêu được ký kết tại Hiệp ước.

3. Tài khoản 8940 - Chi trả lãi, phí đi vay

3.1. Mục đích

Tài khoản này để phản ánh các khoản chi của NSNN cấp Trung ương và cấp tỉnh đối với các khoản phí phát sinh khi đi vay và các khoản lãi vay mà ngân sách phải thanh toán cho các đối tượng cho vay.

3.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong các kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này không phải thực hiện kiểm soát dự toán.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã KBNN.

3.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản chi của NSNN về lãi, phí từ hoạt động vay nợ của NS cấp Trung ương và NS cấp tỉnh.

Bên Có:

Phản ánh các khoản giảm chi do thu hồi.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8940 Chi trả lãi, phí đi vay có 1 tài khoản cấp 2 như sau :

Tài khoản 8941- Chi trả lãi, phí đi vay: Tài khoản này để phản ánh các khoản chi của NSNN đối với các khoản phí phát sinh khi đi vay và các khoản lãi vay mà ngân sách phải thanh toán cho các đối tượng cho vay.

4. Tài khoản 8950 - Chi ngân sách khác

4.1. Mục đích

Tài khoản này để phản ánh các khoản chi khác của NSNN (chi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, chi thường xuyên, đầu tư XD CB từ vốn vay nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi, chi trả nợ, chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính,...) khi có đủ các điều kiện thanh toán theo quy định.

4.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách các kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có).

4.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản chi khác của NSNN.

Bên Có:

Phản ánh các khoản giảm chi do thu hồi.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8950 - Chi ngân sách không kiểm soát dự toán có 4 tài khoản cấp 2 như sau :

(1) Tài khoản 8951 - Chi ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền

Tài khoản này phản ánh các khoản chi của NSNN theo quyết định của cấp có thẩm quyền cho các nhiệm vụ chi theo quy định không giao dự toán đến cấp 4: Bao gồm chi cho vay của NSTW, chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính và nhiệm vụ chi đột xuất chưa được bố trí dự toán và chi trả nợ vay cho các khoản vay trước kia đã ghi thu ngân sách, chi hoàn trả các khoản thu ngân sách sau thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách.

- Tài khoản này được thực hiện chi theo hình thức Lệnh chi tiền cho các trường hợp: Chi cho vay của NSTW, chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính và nhiệm vụ chi đột xuất chưa được bố trí dự toán.

- KBNN thực hiện hạch toán trên tài khoản này cho các nghiệp vụ sau:

+ Trả nợ vay cho các khoản vay trước kia đã ghi thu ngân sách (Cơ quan Tài chính lập Lệnh chi trả nợ gửi sang KBNN).

+ Hoàn trả các khoản thu ngân sách sau thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách.

(2) Tài khoản 8952 - Chi ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi

Tài khoản này phản ánh các khoản chi ngân sách theo hình thức ghi thu ghi chi.

Tài khoản 8952 - Chi ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi có 6 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 8953 - Chi thường xuyên từ các khoản phí, lệ phí để lại ghi thu, ghi chi cho đơn vị. Tài khoản này phản ánh các khoản chi thường xuyên của ngân sách từ nguồn phí, lệ phí để lại cho đơn vị theo hình thức ghi thu, ghi chi và không kiểm soát dự toán.

+ Tài khoản 8954 - Chi thường xuyên từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi. Tài khoản này phản ánh các khoản chi thường xuyên từ nguồn vốn vay nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi.

+ Tài khoản 8955 - Chi thường xuyên từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi. Tài khoản này phản ánh các khoản chi thường xuyên từ nguồn vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi.

+ Tài khoản 8956 - Chi đầu tư XDCCB từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi. Tài khoản này phản ánh các khoản chi đầu tư XDCCB từ nguồn vốn vay nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi.

+ Tài khoản 8957 - Chi đầu tư XDCCB từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi. Tài khoản này phản ánh các khoản chi đầu tư XDCCB từ nguồn vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi.

+ Tài khoản 8958 - Chi đầu tư XD CB từ tài khoản tiền gửi theo hình thức ghi thu, ghi chi. Tài khoản này phản ánh các khoản chi đầu tư XD CB từ tài khoản tiền gửi theo hình thức ghi thu, ghi chi và không kiểm soát dự toán.

+ Tài khoản 8959 - Chi ngân sách khác theo hình thức ghi thu, ghi chi. Tài khoản này phản ánh các khoản chi ngân sách khác theo hình thức ghi thu, ghi chi và không kiểm soát dự toán.

(3) Tài khoản 8992 - Chi ngân sách khác bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách khác bằng lệnh chi tiền của cấp ngân sách trong trường hợp được giao dự toán đến cấp 4 (Chi trả nợ, chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính...).

(4) Tài khoản 8993 - Chi hoàn thuế GTGT không kiểm soát dự toán: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi hoàn thuế GTGT theo Luật Thuế giá trị gia tăng, các khoản thu hồi hoàn thuế GTGT. Tài khoản này không thực hiện kiểm soát dự toán trên TABMIS chi tiết theo từng Cục Thuế; không hạch toán vào tài khoản này các trường hợp hoàn trả thuế GTGT do nộp nhầm, nộp thừa. Tại Sở Giao dịch- KBNN, KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố, phòng giao dịch trực thuộc KBNN tỉnh, thành phố không được sử dụng tài khoản 8993.

5. Tài khoản 8990 - Chi ngân sách khác

5.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách khác của các đơn vị sử dụng ngân sách khi có đủ các điều kiện thanh toán theo quy định.

5.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách các kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được giao, quyết định chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách và tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định.

- Tài khoản này phải thực hiện kiểm soát dự toán.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính

- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có).

5.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản chi ngân sách khác theo dự toán được giao: Chi trả nợ, chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính,...trong trường hợp được giao dự toán đến cấp 4.

Bên Có:

Số giảm chi, thu hồi các khoản chi ngân sách khác.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách trong kỳ của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

Tài khoản 8990 - Chi ngân sách khác có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 8992 - Chi ngân sách khác bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi ngân sách khác bằng lệnh chi tiền của cấp ngân sách trong trường hợp được giao dự toán đến cấp 4 (Chi trả nợ, chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính...).

C. LOẠI 9 - DỰ TOÁN - TÀI KHOẢN KHÔNG ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI

I. NHÓM 91 - NGUỒN DỰ TOÁN

1. Tài khoản 9110 - Nguồn dự toán giao trong năm

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán ở mức tổng hợp (gọi là dự toán NS cấp 0) chi tiết theo nhiệm vụ chi bao gồm: Dự toán chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, dự toán chi viện trợ, dự toán chi trả nợ các khoản tiền do Chính phủ vay, chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới..., được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân các cấp quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được giao của cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quốc hội với dự toán NSTW và Hội đồng nhân dân các cấp với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau::

+ Mã quỹ

+ Mã KBNN.

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Thu hồi, điều chỉnh nguồn dự toán.

Bên Có:

- Nguồn dự toán NS cấp 0 được phê duyệt.

- Điều chỉnh nguồn dự toán.

Số dư Có:

- Nguồn dự toán NS cấp 0 được phê duyệt.

Tài khoản 9110 – Tài khoản nguồn dự toán giao trong năm có 1 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

2. Tài khoản 9120 - Nguồn dự toán tạm cấp

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán tạm cấp trong trường hợp đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định luật NSNN.

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán do cơ quan Kho bạc Nhà nước tạm cấp bằng dự toán, cơ quan Tài chính tạm cấp bằng lệnh chi tiền cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật NSNN.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau::

+ Mã quỹ

+ Mã KBNN.

2.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Thu hồi nguồn dự toán tạm cấp khi có dự toán chính thức được phê duyệt.

- Điều chỉnh nguồn dự toán tạm cấp.

Bên Có:

- Nguồn dự toán tạm cấp phát sinh.
- Điều chỉnh nguồn dự toán tạm cấp.

Số dư Có:

Nguồn dự toán tạm cấp còn lại khi chưa có dự toán chính thức được phê duyệt.

Tài khoản 9120 - Nguồn dự toán tạm cấp có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9121 - Nguồn dự toán tạm cấp

3. Tài khoản 9130 - Nguồn dự toán ứng trước

3.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán ứng trước ngân sách năm sau (ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) để thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các dự án cấp bách của trung ương và địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện) theo quy định luật NSNN.

3.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán ứng trước được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã KBNN.

3.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Hủy nguồn dự toán ứng trước tương ứng với số dự toán chính thức được phê duyệt.

- Điều chỉnh nguồn ứng trước.

Bên có:

- Nguồn dự toán ứng trước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Điều chỉnh nguồn ứng trước.

Số dư Có:

Nguồn dự toán ứng trước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tài khoản 9130 - Tài khoản nguồn dự toán ứng trước có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9131- Nguồn dự toán ứng trước

4. Tài khoản 9140 - Nguồn bồi chi tăng thêm

4.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán từ nguồn bồi chi tăng thêm (ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh) do Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Luật NSNN.

4.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: dự toán từ nguồn bồi chi tăng thêm nguồn bồi chi tăng thêm, do QH hoặc HDND tỉnh quyết định.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã KBNN

4.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Điều chỉnh nguồn dự toán bồi chi tăng thêm.

Bên có:

- Nguồn dự toán được giao từ nguồn bồi chi tăng thêm.

- Điều chỉnh nguồn dự toán bồi chi tăng thêm

Số dư Có:

- Nguồn dự toán bồi chi tăng thêm còn lại

Tài khoản 9140 – Nguồn bồi chi tăng thêm có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9141- Nguồn bồi chi tăng thêm.

4. Tài khoản 9150 - Nguồn dự toán tăng thu

5.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán từ nguồn tăng thu theo phương án sử dụng số tăng thu được cấp có thẩm quyền quyết định (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) theo quy định của Luật NSNN.

5.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này chỉ hạch toán đối ứng với tài khoản 9240 – Dự toán tăng thu.

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: dự toán từ nguồn tăng thu do QH hoặc HDND quyết định.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã KBNN.

5.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Điều chỉnh nguồn dự toán tăng thu.

Bên Có:

- Nguồn dự toán được giao từ nguồn tăng thu.

- Điều chỉnh nguồn dự toán tăng thu.

Số dư Có:

Nguồn dự toán tăng thu còn lại chuyển năm sau.

Tài khoản 9150 - Nguồn dự toán tăng thu có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9151- Nguồn dự toán tăng thu.

6. Tài khoản 9160 - Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm

6.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán bổ sung mục tiêu tăng thêm ngoài cấp 0 đầu năm do QH hoặc HDND quyết định.

6.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này chỉ hạch toán đối ứng với tài khoản 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này số dự toán bổ sung mục tiêu tăng thêm khi cơ quan tài chính các cấp phê duyệt.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã KBNN.

6.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Điều chỉnh nguồn dự toán bổ sung mục tiêu tăng thêm.

Bên có:

- Nguồn dự toán bổ sung mục tiêu tăng thêm được giao.
- Điều chỉnh nguồn dự toán bổ sung mục tiêu tăng thêm.

Số dư Có:

Nguồn dự toán bổ sung mục tiêu tăng thêm còn lại.

Tài khoản 9160 - Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9161 - Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm.

7. Tài khoản 9170 - Nguồn kết dư

7.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán kết dư theo quy định của Luật NSNN. .

7.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này hạch toán đối ứng với tài khoản 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0.
- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã như sau:
 - + Mã quỹ
 - + Mã KBNN.

7.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Điều chỉnh nguồn dự toán kết dư.

Bên có:

- Nguồn dự toán được giao từ kết dư ngân sách.
- Điều chỉnh nguồn dự toán kết dư.

Số dư Có:

Nguồn dự toán kết dư còn lại chuyển năm sau.

Tài khoản 9170 – Nguồn kết dư có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9171- Nguồn kết dư.

II. NHÓM 92 - DỰ TOÁN CHI ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

1. Tài khoản 9210 - Dự toán NSNN được duyệt

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi nguồn dự toán ở mức tổng hợp (gọi là dự toán NS cấp 0) bao gồm: Dự toán chi đầu tư phát triển theo lĩnh vực, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên theo lĩnh vực, dự toán chi viện trợ, dự toán chi trả nợ các khoản tiền do Chính phủ vay, chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới... được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân các cấp quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được phê duyệt tại mức tổng hợp (cấp 0), Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân các cấp (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

- Khi xuất dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí cấp 0 được giao.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán NS cấp 0.

Bên Có:

- Dự toán kinh phí cấp 0 đã phân bổ.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán NS cấp 0.

Số dư Nợ:

- Dự toán NS cấp 0 còn lại.

Tài khoản 9210 - Dự toán NSNN được duyệt có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0 theo lĩnh vực được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(2) Tài khoản 9214 - Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi để mua hàng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia được Quốc hội quyết định.

(3) Tài khoản 9216 - Dự toán chi đầu tư XD CB phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXD CB phân bổ cấp 0 theo lĩnh vực được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(4) Tài khoản 9219 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 0 được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(5) Tài khoản 9223 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 0 được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW).

(6) Tài khoản 9226 - Dự toán chi trả nợ phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi trả nợ phân bổ cấp 0 được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh).

(7) Tài khoản 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0 được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện), bao gồm: số bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách cấp mình để thực hiện nhiệm vụ được giao và để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể)

(8) Tài khoản 9233 - Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán dự phòng phân bổ cấp 0 được Chính phủ quyết định (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân các cấp quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(9) Tài khoản 9239 - Dự toán khác phân bổ cấp 0: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán khác phân bổ cấp 0 được Quốc hội quyết định (với dự toán NSTW) và Hội đồng nhân dân quyết định (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

2. Tài khoản 9240 - Dự toán tăng thu

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán đã giao từ nguồn tăng thu được cơ quan tài chính các cấp xác định theo phương án sử dụng số tăng thu được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật NSNN (Chính Phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất).

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này chỉ hạch toán đối ứng với tài khoản 9150 - Nguồn Dự toán tăng thu.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này số dự toán tăng thu đã giao và số tăng thu tại thời điểm cuối năm ngân sách khi cơ quan tài chính xác định.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

2.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán được giao từ nguồn tăng thu.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán NS cấp 0.

Bên có:

- Rút dự toán tăng thu để chi.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán NS cấp 0.

Số dư Nợ: Dự toán tăng thu còn lại được chuyển năm sau.

Tài khoản 9240 - Dự toán tăng thu có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9241 - Dự toán tăng thu.

3. Tài khoản 9250 - Dự toán phân bổ cấp 1

3.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được phân bổ từ dự toán NS cấp 0 (bao gồm dự toán giao trong năm và dự toán ứng trước, chi tiết theo nhiệm vụ chi (dự toán chi thường xuyên theo lĩnh vực, dự toán chi ĐTXDCB theo lĩnh vực, dự toán chi đầu tư phát triển khác, dự toán chi viện trợ được Thủ tướng Chính phủ giao (với dự toán NSTW) hoặc Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã) cho đơn vị dự toán cấp 1.

3.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được phê duyệt cấp 1 của Thủ tướng Chính phủ giao (với dự toán NSTW) hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

3.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí cấp 1 được giao.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán dự toán NS cấp 1.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán dự toán NS cấp 1.

- Dự toán kinh phí đã phân bổ.

Số dư Nợ:

Dự toán NS cấp 1 còn lại chưa được phân bổ.

Tài khoản 9250 - Dự toán phân bổ cho đơn vị cấp 1 có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9253 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 1: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên theo lĩnh vực phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng Chính phủ giao (với dự toán NSTW) hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(2) Tài khoản 9254 - Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 1: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) mua hàng dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

(3) Tài khoản 9256 - Dự toán chi đầu tư XDCCB phân bổ cấp 1: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCCB theo lĩnh vực phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(4) Tài khoản 9259 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện, xã).

(5) Tài khoản 9263 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 1: Dự toán chi viện trợ phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng Chính phủ giao (với dự toán NSTW).

(6) Tài khoản 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ghi thu, ghi chi được giao trong năm phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng Chính phủ giao (với dự toán TW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã) cho đơn vị dự toán cấp 1.

(7) Tài khoản 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCCB phân bổ cho đơn vị cấp 1; Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư XDCCB ghi thu, ghi chi được giao trong năm phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán TW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã) cho đơn vị dự toán cấp 1.

(8) Tài khoản 9273 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 1 ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 ứng trước được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện) để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002

(9) Tài khoản 9276 - Dự toán chi đầu tư XDCCB phân bổ cấp 1 ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCCB phân bổ cho đơn vị dự

toán cấp 1 ứng trước được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện).

(10) Tài khoản 9279 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1 ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 ứng trước được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán NS cấp tỉnh, huyện).

(11) Tài khoản 9283 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 1 ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 ứng trước được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán NSTW) để chi đầu tư phát triển (nếu có).

III. NHÓM 93 - DỰ TOÁN CHI PHÂN BỐ CẤP 2

1. Tài khoản 9310 - Dự toán chi thường xuyên

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán; kinh phí giao tự chủ, giao khoán).

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được phê duyệt cấp 2 của cấp có thẩm quyền

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 2 được giao.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán NS cấp 2.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí thường xuyên dự toán NS cấp 2.
- Dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 2 đã phân bổ.

Số dư Nợ:

Dự toán kinh phí thường xuyên cấp 2 còn lại chưa được phân bổ.

Tài khoản 9310 - Dự toán chi thường xuyên có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9321 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán và kinh phí giao tự chủ, giao khoán).

Tài khoản 9321 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9322 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2.

Tài khoản 9322 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán có 1 tài khoản cấp 4 như sau:

• Tài khoản 9323 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2.

+ Tài khoản 9326 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2.

Tài khoản 9326 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ không giao khoán có 1 tài khoản cấp 4 như sau:

• Tài khoản 9327 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ,

không giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2.

(2) Tài khoản 9331 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán và kinh phí giao tự chủ, giao khoán), để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002

Tài khoản 9331 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9332 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002

Tài khoản 9332 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán có 1 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9333 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

+ Tài khoản 9336 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002

Tài khoản 9336 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán có 1 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9337 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 2, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002

IV. NHÓM 94 - DỰ TOÁN CHI PHÂN BỐ CẤP 3

1. Tài khoản 9410 - Dự toán chi thường xuyên

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán; kinh phí giao tự chủ, giao khoán).

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được phê duyệt cấp 3 của cấp có thẩm quyền.

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 3 được giao.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí thường xuyên dự toán NS cấp 3.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí thường xuyên dự toán NS cấp 3.

- Dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 3 đã phân bổ.

Số dư Nợ:

Dự toán kinh phí thường xuyên cấp 3 còn lại chưa được phân bổ.

Tài khoản 9410 - Dự toán chi thường xuyên có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9421 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm phân bổ từ dự

toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

Tài khoản 9421 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9422 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3.

Tài khoản 9422 có 1 tài khoản cấp 4 chi tiết như sau:

• Tài khoản 9423 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3.

+ Tài khoản 9426 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3.

Tài khoản 9426 có 1 tài khoản cấp 4 chi tiết như sau:

• Tài khoản 9427 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3.

(2) Tài khoản 9431- Dự toán chi thường xuyên ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền), để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

Tài khoản 9431 có 2 tài khoản cấp 3 chi tiết như sau:

+ Tài khoản 9432 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự

toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

Tài khoản 9432 có 1 tài khoản cấp 4 chi tiết như sau:

- **Tài khoản 9433:** Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

- + **Tài khoản 9436** - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

Tài khoản 9436 có 1 tài khoản cấp 4 chi tiết như sau:

- **Tài khoản 9437** - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 3.

V. NHÓM 95 - DỰ TOÁN CHI PHÂN BỐ CẤP 4

1. Tài khoản 9510 - Dự toán chi thường xuyên

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp trên cho đơn vị dự toán cấp 4 (bao gồm dự toán chi thường xuyên tạm cấp, dự toán giao trong năm bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền), chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán; kinh phí giao tự chủ, giao khoán).

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán được phê duyệt cấp 4 của cấp có thẩm quyền.

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ

- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 4 được phân bổ.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí thường xuyên dự toán NS cấp 4

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 4.

Số dư Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí thường xuyên của đơn vị dự toán cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9510 - Dự toán chi thường xuyên có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9511 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do KBNN hoặc cơ quan tài chính tạm cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách trong trường hợp đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

Tài khoản 9511 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

- + Tài khoản 9512 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do

KBNN hoặc cơ quan tài chính tạm cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán theo quy định của Luật Ngân sách.

Tài khoản 9512 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9513 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do KBNN tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách.

- Tài khoản 9514 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do cơ quan tài chính tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền cho đơn vị sử dụng ngân sách.

+ Tài khoản 9516 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do KBNN và cơ quan tài chính tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán cho đơn vị sử dụng ngân sách.

Tài khoản 9516 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán có 2 tài khoản cấp 4 chi tiết như sau:

- Tài khoản 9517 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do KBNN tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách.

- Tài khoản 9518 - Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên do cơ quan tài chính tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền cho đơn vị sử dụng ngân sách.

(2) Tài khoản 9521 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm phân bổ từ đơn vị dự toán cấp trên cho đơn vị dự toán cấp dưới (từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4, từ dự toán đơn vị dự toán cấp 2 cho đơn vị dự toán cấp 4, từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4) chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

Tài khoản 9521 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9522 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4.

Tài khoản 9522 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9523 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4.

- Tài khoản 9524 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền, phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4.

+ Tài khoản 9526 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4.

Tài khoản 9526 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9527 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán, phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4.

- Tài khoản 9528 - Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền, phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4.

(3) Tài khoản 9531- Dự toán chi thường xuyên ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 4, chi tiết theo loại hình đơn vị thực hiện cơ chế giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính (bao gồm kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền), để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

Tài khoản 9531 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9532 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 4, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

Tài khoản 9532 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9533 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

- Tài khoản 9534 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

+ Tài khoản 9536 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

Tài khoản 9536 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán có 2 tài khoản cấp 4 như sau:

- Tài khoản 9537 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

- Tài khoản 9538 - Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền, phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4, để hạch toán số liệu chi NSNN từ năm 2016 trở về trước theo Luật NSNN năm 2002.

2. Tài khoản 9540 - Dự toán chi dự trữ quốc gia

Tài khoản 9540 - Dự toán chi dự trữ quốc gia là tài khoản cấp 1 của Nhóm 95 - Dự toán chi đơn vị cấp 4

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 (bao gồm dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán chi dự trữ quốc gia được phê duyệt của cấp có thẩm quyền

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

2.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí chi dự trữ quốc gia của đơn vị dự toán cấp 4 được phân bổ.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí chi dự trữ quốc gia dự toán cấp 4.

Bên Có:

- Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí chi dự trữ quốc gia của đơn vị dự toán cấp 4.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí chi dự trữ quốc gia dự toán cấp 4.

Số dư Nợ:

Phản ánh dự toán kinh phí chi dự trữ quốc gia của đơn vị dự toán cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9540 - Dự toán chi dự trữ quốc gia có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 9541 - Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3, bao gồm:

- Tài khoản 9542 - Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng dự toán.

- Tài khoản 9543 - Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng lệnh chi tiền.

3. Tài khoản 9550 - Dự toán chi ĐTXDCB

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCB phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 (bao gồm dự toán chi ĐTXDCBgiao trong năm bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; dự toán chi ĐTXDCBứng trước bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán chi ĐTXDCB được phê duyệt cấp 4 của cấp có thẩm quyền

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

2.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí ĐTXDCB của đơn vị dự toán cấp 4 được phân bổ.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí ĐTXDCB dự toán NS cấp 4.

Bên Có:

- Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí ĐTXDCB của đơn vị dự toán cấp 4.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí ĐTXDCB dự toán NS cấp 4.

Số dư Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí ĐTXDCB của đơn vị dự toán cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9550 - Dự toán chi ĐTXDCB có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9551 - Dự toán chi ĐTXDCB giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCB giao trong năm phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 bằng dự toán, và bằng lệnh chi tiền.

Tài khoản 9551 - Dự toán chi ĐTXDCB giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9552 - Dự toán chi ĐTXDCB giao trong năm bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCB giao trong năm bằng dự toán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4.

+ Tài khoản 9553 - Dự toán chi ĐTXDCB giao trong năm bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí ĐTXDCB giao trong năm bằng lệnh chi tiền phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4.

(2) Tài khoản 9556 - Dự toán chi ĐTXDCB ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCB ứng trước phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền.

Tài khoản 9556 - Dự toán chi ĐTXDCB ứng trước có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9557 - Dự toán chi ĐTXDCB ứng trước bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCB ứng trước bằng dự toán phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4.

+ Tài khoản 9458 - Dự toán chi ĐTXDCB ứng trước bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ĐTXDCB ứng trước bằng lệnh chi tiền phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 3 cho đơn vị dự toán cấp 4.

4. Tài khoản 9560 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác

4.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 (bao gồm dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; dự

toán chi chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

4.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán chi đầu tư phát triển khác được phê duyệt cấp 4 của cấp có thẩm quyền

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

4.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác của đơn vị dự toán cấp 4 được phân bổ.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác dự toán NS cấp 4.

Bên Có:

- Điều chỉnh giảm kinh phí đầu tư phát triển khác của đơn vị dự toán cấp 4.

Số dư Nợ:

- Phản ánh dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác của đơn vị dự toán cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9560 – Dự toán chi đầu tư phát triển khác có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9561 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4 bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền.

Tài khoản 9561 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3 chi tiết như sau:

+ Tài khoản 9562 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí phát triển khác giao trong năm bằng dự toán phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4.

+ Tài khoản 9563 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng lệnh chi tiền phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4.

(2) Tài khoản 9566 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác ứng trước phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 3 cho dự toán phân bổ cấp 4 bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền.

Tài khoản 9566 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9567 - Dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí đầu tư phát triển khác bằng dự toán phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4.

+ Tài khoản 9568 - Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng lệnh chi tiền: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí phát triển khác ứng trước bằng lệnh chi tiền phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4.

5. Tài khoản 9580 - Dự toán chi viện trợ

5.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ của dự toán phân bổ cấp 4 được phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 của cấp có thẩm quyền cho dự toán phân bổ cấp 4 (bao gồm dự toán chi viện trợ tạm cấp, giao trong năm, ứng trước bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền; dự toán chi viện trợ ứng trước bằng dự toán và bằng lệnh chi tiền).

5.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ:

+ Dự toán chi viện trợ được phê duyệt của dự toán phân bổ cấp 4 được phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 của cấp có thẩm quyền.

+ Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN.

5.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán chi viện trợ của dự toán phân bổ cấp 4 được phân bổ.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán chi viện trợ của dự toán phân bổ cấp 4.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán chi viện trợ của dự toán phân bổ cấp 4.

Số dư Nợ:

- Phản ánh dự toán chi viện trợ dự toán phân bổ cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9580 - Dự toán chi viện trợ có 3 tài khoản cấp 2 chi tiết như sau:

(1) Tài khoản 9581 - Dự toán chi viện trợ tạm cấp: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ tạm cấp trong năm của dự toán phân bổ cấp 4 (bao gồm dự toán chi viện trợ tạm cấp trong năm bằng dự toán, bằng lệnh chi).

Tài khoản 9581 - Dự toán chi viện trợ tạm cấp có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9582 - Dự toán chi viện trợ bằng dự toán tạm cấp: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ bằng dự toán tạm cấp trong năm ngân sách của dự toán phân bổ cấp 4.

+ Tài khoản 9583 - Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền tạm cấp: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền tạm cấp trong năm ngân sách của dự toán phân bổ cấp 4.

(2) Tài khoản 9586 - Dự toán chi viện trợ giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ giao trong năm của dự toán phân bổ cấp 4 được phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 3 của cấp có thẩm quyền (bao gồm dự toán chi viện trợ giao trong năm bằng dự toán, bằng lệnh chi).

Tài khoản 9586 - Dự toán chi viện trợ giao trong năm có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9587 - Dự toán chi viện trợ bằng dự toán giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ bằng dự toán giao trong năm phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4.

+ Tài khoản 9588 - Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền giao trong năm: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền giao trong năm phân bổ từ dự toán phân bổ cấp 1 cho dự toán phân bổ cấp 4.

(3) Tài khoản 9591 - Dự toán chi viện trợ ứng trước: Tài khoản này dùng để phản ánh dự toán chi viện trợ ứng trước ngân sách năm sau trong phạm vi cho phép của quỹ ngân sách theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, như: các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách được xác định thuộc dự toán năm sau nhưng phải thực hiện ngay trong năm, chưa được bố trí trong dự toán và nguồn dự phòng không đáp ứng được.

Tài khoản 9591 - Dự toán chi viện trợ ứng trước có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

- Tài khoản 9592 - Dự toán chi viện trợ bằng dự toán ứng trước: Tài khoản này dùng để phản ánh dự toán chi viện trợ ứng trước ngân sách năm sau trong phạm vi cho phép của quỹ ngân sách theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng dự toán.

- Tài khoản 9593 - Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền ứng trước: Tài khoản này dùng để phản ánh dự toán chi viện trợ ứng trước ngân sách năm sau trong phạm vi cho phép của quỹ ngân sách theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng lệnh chi tiền.

6. Tài khoản 9594 - Dự toán ghi thu, ghi chi

6.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ghi thu ghi chi được phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 (bao gồm dự toán chi thường xuyên và dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản được giao trong năm).

6.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán ghi thu ghi chi thường xuyên, ghi thu ghi chi ĐTXDCB được phê duyệt cấp 1 của cấp có thẩm quyền.

- Phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.
- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:
 - + Mã quỹ
 - + Mã cấp ngân sách
 - + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
 - + Mã chương
 - + Mã ngành kinh tế
 - + Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).
 - + Mã KBNN
 - + Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

6.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB của đơn vị dự toán cấp 4 được phân bổ.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB cấp 4.

Bên Có:

- Điều chỉnh giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB của đơn vị dự toán cấp 4.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB dự toán cấp 4.

Số dư Nợ:

- Phản ánh dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB của đơn vị dự toán cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9594 - Dự toán ghi thu, ghi chi có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9595 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 bằng dự toán.

(2) Tài khoản 9597 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB trong năm phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 bằng dự toán.

VI. NHÓM 96 – DỰ TOÁN KHÁC

1. Tài khoản 9610 – Điều chỉnh dự toán

1.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để điều chỉnh dự toán trong trường hợp cần thiết do thực hiện sai phương án phân bổ dự toán hoặc cần phải điều chỉnh theo yêu cầu của cơ quan tài chính.

1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ sử dụng tài khoản này trong các trường hợp điều chỉnh dự toán, không sử dụng tài khoản này để phân bổ dự toán.

- Việc thực hiện các bút toán điều chỉnh liên quan thực hiện theo quy trình của hệ thống.

1.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh số dự toán được kết chuyển từ các tài khoản dự toán cần điều chỉnh đi.

Bên Có:

- Phản ánh số dự toán được kết chuyển đến các tài khoản dự toán cần được điều chỉnh đến.

Tài khoản này không có số dư.

Tài khoản 9610 – Điều chuyển dự toán có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

Tài khoản 9611 - Điều chuyển dự toán.

2. Tài khoản 9620 – Dự toán chi chuyển giao

2.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách, giữa ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh; giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; giữa ngân sách huyện và ngân sách xã nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách cấp mình để thực hiện nhiệm vụ được giao và để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể (bao gồm: dự toán chi chuyển giao trong năm, dự toán chi chuyển giao bằng dự toán ứng trước, dự toán chi chuyển giao bằng dự toán tạm ứng, dự toán chi chuyển giao thường xuyên GTGC từ vốn vay ngoài nước, dự toán chi chuyển giao đầu tư GTGC từ vốn vay ngoài nước, dự toán chi chuyển giao GTGC từ nguồn viện trợ...) được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật NSNN.

2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).
- Kế toán căn cứ vào nội dung của văn bản giao dự toán của cấp có thẩm quyền để hạch toán vào tài khoản chi tiết và nhiệm vụ chi phù hợp.
- Tài khoản này kết hợp với mã tổ chức ngân sách tương ứng.

2.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán chi chuyển giao được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.
- Dự toán chi chuyển giao được điều chỉnh tăng.

Bên Có:

- Dự toán chi chuyển giao đã phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng được điều chỉnh giảm.

Số dư Nợ:

- Dự toán chi chuyển giao được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

Tài khoản 9620 - Dự toán chi chuyển giao có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm: Tài khoản này phản ánh số dự toán chi chuyển giao được giao trong năm.

Tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm có 2 tài khoản cấp 5 như sau:

- + Tài khoản 9622 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán giao trong năm.
- + Tài khoản 9623 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng lệnh chi tiền giao trong năm.
- + Tài khoản 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm.

+ Tài khoản 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm.

+ Tài khoản 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm.

(2) Tài khoản 9626 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách ứng trước: Tài khoản này phản ánh số dự toán chi chuyển giao ứng trước cho các năm sau.

Tài khoản 9626 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách ứng trước có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 9627 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán ứng trước.

+ Tài khoản 9628 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng lệnh chi tiền ứng trước.

3. Tài khoản 9630 - Dự toán đối chiếu và hủy

Tài khoản 9630 - Dự toán đối chiếu và hủy có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9631 – Dự toán bị hủy

Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh dự toán bị hủy theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này sử dụng trong trường hợp hủy dự toán đã được phân bổ cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

Kết cấu và nội dung tài khoản

Số dự toán bị hủy được kết chuyển từ các tài khoản dự toán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào bên Nợ của tài khoản này. Trong quá trình vận hành, đội xử lý trung tâm sẽ thực hiện quy trình xử lý số dư của tài khoản này.

(2) Tài khoản 9632 - Dự toán đối chiếu với KBNN

Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh dự toán do CQTC nhập để đối chiếu dự toán do KBNN đã nhập theo quy trình nghiệp vụ quy định (áp dụng trong trường hợp CQTC chưa thực hiện việc nhập dự toán vào hệ thống).

Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này CQTC sử dụng nhập dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách, để đối chiếu với số liệu của KBNN đã nhập đảm bảo khớp đúng.

Kết cấu và nội dung tài khoản

Số dư toán của đơn vị sử dụng ngân sách để đối chiếu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào bên Nợ của Tài khoản này. Trong quá trình vận hành, đội xử lý trung tâm sẽ thực hiện quy trình xử lý số dư của tài khoản này.

4. Tài khoản 9660 - Dự toán khác phân bổ cấp 1

4.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi từ Quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ theo quy định của cơ chế tài chính của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán cấp 1.

4.2. Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này sử dụng trong trường hợp cấp dự toán để bổ sung Quỹ dự trữ tài chính và chi trả nợ trong trường hợp có dự toán.

4.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán NS cấp để bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.
- Dự toán bố trí để chi trả nợ.
- Dự toán được điều chỉnh tăng để bổ sung Quỹ dự trữ tài chính và chi trả nợ.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm bổ sung Quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ.

Tài khoản này không có số dư.

Tài khoản 9660 - Dự toán khác phân bổ cấp 1 có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

- + Tài khoản 9667 - Dự toán khác phân bổ cấp 1.

Tài khoản 9667 - Dự toán khác phân bổ cấp 1 có 1 tài khoản cấp 3 như sau:

Tài khoản 9669 - Dự toán khác bằng lệnh chi tiền phân bổ cấp 1.

5. Tài khoản 9690 - Dự toán khác phân bổ cấp 4

5.1. Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi từ Quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ theo quy định của cơ chế tài chính của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán cấp 4.

5.2. Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này sử dụng trong trường hợp cấp dự toán để bổ sung Quỹ dự trữ tài chính và chi trả nợ trong trường hợp có dự toán.

5.3. Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán NS cấp để bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.
- Dự toán bố trí để chi trả nợ.
- Dự toán được điều chỉnh tăng để bổ sung Quỹ dự trữ tài chính và chi trả nợ.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm bổ sung Quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ.

Tài khoản này không có số dư.

Tài khoản 9690 - Dự toán khác phân bổ cấp 4 có 1 tài khoản cấp 2 như sau:

- + Tài khoản 9697 - Dự toán khác phân bổ cấp 4

Tài khoản 9697 - Dự toán khác phân bổ cấp 4 có 2 tài khoản cấp 3 như sau:

Tài khoản 9698 - Dự toán khác bằng dự toán phân bổ cấp 4 giao trong năm.

Tài khoản 9699 - Dự toán khác bằng lệnh chi tiền phân bổ cấp 4.

Phụ lục IV
TÀI KHOẢN TỔNG HỢP
(Kèm theo công văn số 560/BTC-KBNN ngày 11/11/2017 của Bộ Tài chính)

Tài khoản cha	Tài khoản dự toán 1	Tài khoản dự toán 2	Tài khoản tạm ứng 1	Tài khoản tạm ứng 2	Tài khoản chi	Tên tài khoản
Kiểm soát dự toán năm nay						
9723	9523	9513	1513		8113	Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán
9724	9524	9514	1516		8116	Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền
9727	9527	9517	1523		8123	Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán
9728	9528	9518	1526		8126	Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi
9754	9542		1473		8921	Tổng hợp Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng dự toán
9755	9543		1474		8922	Tổng hợp Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng lệnh chi tiền
9752	9552		1713		8211	Tổng hợp Dự toán chi đầu tư XDCB giao trong năm bằng dự toán
9753	9553		1716		8221	Tổng hợp Dự toán chi đầu tư XDCB giao trong năm bằng lệnh chi tiền
9762	9562		1753		8251	Tổng hợp Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng dự toán
9763	9563		1756		8261	Tổng hợp Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng lệnh chi tiền
9787	9587	9582	1952		8933	Tổng hợp Dự toán chi viện trợ bằng dự toán giao trong năm
9788	9588	9583	1953		8936	Tổng hợp Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền giao trong năm
9791	9597		1416		8956	Tổng hợp Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB bằng dự toán
9795	9595		1414		8954	Tổng hợp Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên bằng dự toán
9796	9622				8311	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán giao trong năm
9797	9623				8312	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng lệnh chi tiền giao trong năm
9814	9699		1983		8992	Tổng hợp Dự toán khác bằng lệnh chi tiền giao trong năm đơn vị cấp 4
9824	9624				8314	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm
9825	9625				8315	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao đầu tư XDCB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm
9826	9629				8316	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm

Kiểm soát dự toán ứng trước						
9733	9533		1557	1554		Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán
9734	9534		1563			Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi
9737	9537		1577	1574		Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán
9738	9538		1583			Tổng hợp Dự toán chi thường xuyên ứng trước kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi
9757	9557		1727	1724		Tổng hợp Dự toán chi đầu tư XD CB ứng trước bằng dự toán
9758	9558		1733			Tổng hợp Dự toán chi đầu tư XD CB ứng trước bằng lệnh chi tiền
9767	9567		1767	1764		Tổng hợp Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán
9768	9568		1773			Tổng hợp Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng lệnh chi tiền
9792	9592		1957	1958		Tổng hợp Dự toán chi viện trợ bằng dự toán ứng trước
9793	9593		1959			Tổng hợp Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền ứng trước
9811	9627				1971	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán ứng trước
9812	9628				1972	Tổng hợp Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng lệnh chi tiền ứng trước

Phụ lục V

PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Công văn số 15602/BTC-KBNN ngày 17/11/2017 của Bộ Tài chính)

1. Phương pháp điều chỉnh khi thực hiện nhập dự toán tại phân hệ BA – màn hình ngân sách

Áp dụng điều chỉnh khi nhập dự toán cấp 0, nhập dự toán ứng trước cho đơn vị dự toán cấp 1, dự toán ứng trước chi chuyển giao.

1.1. Phát hiện sai sau khi thực hiện bước kiểm tra bút toán, kiểm tra dự toán nhưng chưa đệ trình phê duyệt

Người nhập tìm lại bút toán sai của mình trên màn hình truy vấn bút toán, mở bút toán sửa trực tiếp các yếu tố sai, lưu và đệ trình phê duyệt.

1.2. Phát hiện sai sau khi kế toán viên đã đệ trình phê duyệt, người phê duyệt chưa phê duyệt bút toán

Người nhập trình người phê duyệt từ chối phê duyệt bút toán trên hệ thống; người phê duyệt từ chối phê duyệt, người nhập tìm lại bút toán trên màn hình truy vấn bút toán, mở bút toán sửa trực tiếp các yếu tố sai, lưu và đệ trình phê duyệt.

1.3. Phát hiện sai sau khi đã đệ trình phê duyệt bút toán, người phê duyệt đã phê duyệt bút toán nhưng chưa kết sổ bút toán.

Người nhập trình Người phê duyệt cho phép gỡ phê duyệt trên hệ thống. Người nhập tìm lại bút toán trên màn hình truy vấn bút toán, mở bút toán sửa trực tiếp các yếu tố sai, lưu và đệ trình phê duyệt.

1.4. Phát hiện sai sau khi đã đệ trình phê duyệt bút toán, người phê duyệt đã phê duyệt bút toán và kết sổ bút toán (trường hợp chưa thực hiện ĐBH)

1.4.1. Điều chỉnh sai lầm do người nhập sai

Người nhập lập Phiếu điều chỉnh dự toán, điều chỉnh trên màn hình Ngân sách tại Bộ sổ TW, ghi:

- Trường hợp sai các đoạn mã (COA), nếu sai 1 vé của bút toán phân bổ

+ Đối với dự toán cấp 0:

Đỏ Nợ TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0 (COA sai)

Đen Nợ TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0 (COA đúng)

+ Đối với dự toán ứng trước cho đơn vị dự toán cấp 1:

Đỏ Nợ TK 9273, 9276, 9279, 9283 (COA sai)

Đen Nợ TK 9273, 9276, 9279, 9283 (COA đúng)

- Trường hợp bút toán sai liên quan tới số tiền:

+ Đối với dự toán cấp 0:

Đỏ Nợ TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0 (số tiền sai)

Đỏ có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm (số tiền sai)

Đồng thời:

Đen Nợ TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0 (số tiền đúng)

Đen có TK 9111- Nguồn dự toán giao trong năm (số tiền đúng)

+ Đối với dự toán ứng trước cho đơn vị dự toán cấp 1:

Đỏ Nợ TK 9273, 9276, 9279, 9283 (số tiền sai)

Đỏ có TK 9131- Nguồn dự toán ứng trước (số tiền sai)

Đồng thời:

Đen Nợ TK 9273, 9276, 9279, 9283 (số tiền đúng)

Đen có TK 9131- Nguồn dự toán ứng trước (số tiền đúng)

1.4.2. Điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền

Người nhập căn cứ Quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền, lập Phiếu điều chỉnh dự toán, thực hiện:

- Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh tăng dự toán của đơn vị: thực hiện bổ sung dự toán cho đơn vị theo đúng quy trình phân bổ.

- Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giảm: thực hiện điều chỉnh bằng bút toán trên màn hình Ngân sách (hạch toán ngược về với quy trình phân bổ):

Nợ TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

Có TK 92xx - Dự toán phân bổ cấp 0

Hoặc:

Nợ TK 9131 - Nguồn dự toán ứng trước

Có TK 9273, 9276, 9279, 9283, 9627

2. Phương pháp điều chỉnh khi thực hiện nhập dự toán tại phân hệ BA – Màn hình phân bổ ngân sách Dossier

Áp dụng điều chỉnh khi phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1; phân bổ dự toán chi chuyên giao từ cấp 0 tới cấp 4, phân bổ dự toán từ cấp 1 tới cấp 4, thực hiện các bước như sau:

2.1. Điều chỉnh trong trường hợp người sử dụng nhập sai do chọn sai loại giao dịch (Dossier type), sai loại dự toán thông tin trường động

Người nhập xóa Dossier type, nhập lại Dossier type đúng đã được thiết lập khi xây dựng luồng phê duyệt

2.2. Phát hiện sai lầm khi chưa lưu bút toán

Người nhập có thể chỉnh sửa hoặc xóa bút toán để nhập lại bút toán đúng.

*2.3. Phát hiện sai sau khi thực hiện các bước: Lưu - Kiểm tra dự toán –
Dành dự toán của Dossier.*

Các thông tin của Dossier này không thể sửa, xóa. Người nhập đệ trình phê duyệt, người phê duyệt từ chối phê duyệt, người nhập truy vấn lại bút toán Dossier sửa trực tiếp các yếu tố sai, lưu và đệ trình phê duyệt

2.4. Phát hiện sai sau khi đã đệ trình phê duyệt bút toán, Người phê duyệt đã phê duyệt bút toán nhưng chưa kết sổ bút toán

Người nhập trình người phê duyệt cho phép gỡ phê duyệt trên hệ thống. Người nhập tìm lại bút toán trên màn hình truy vấn bút toán, mở bút toán sửa trực tiếp các yếu tố sai, lưu và đệ trình phê duyệt.

2.5. Phát hiện sai sau khi người phê duyệt đã phê duyệt bút toán và kết sổ bút toán

2.5.1. Trường hợp sai số tiền, sai COA:

+ Trường hợp phân bổ tài khoản nguồn và tài khoản đích cùng mã KB thực hiện điều chỉnh bút toán màn hình ngân sách:

Đỏ Nợ TK đích

Đỏ Có TK nguồn

Hoặc chỉ điều chỉnh đối với 1 vé của tổ hợp tài khoản sai:

Đỏ Nợ TK đích (sai)

Đen Nợ TK đích (đúng)

+ Trường hợp phân bổ tài khoản nguồn và tài khoản đích khác mã KB thực hiện chọn loại Dossier type rút dự toán về, theo nguyên tắc sai bước nào rút về bước đó:

Nợ TK nguồn

Có TK đích

Thực hiện phân bổ lại.

2.5.2. Điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

Người nhập căn cứ Quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền, lập Phiếu điều chỉnh dự toán, thực hiện:

- Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh tăng dự toán của đơn vị: thực hiện bổ sung dự toán cho đơn vị theo đúng quy trình phân bổ.

- Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giảm:

+ Trường hợp phân bổ tài khoản nguồn và tài khoản đích cùng mã KBNN thực hiện điều chỉnh bằng bút toán trên màn hình Ngân sách (hạch toán ngược về với quy trình phân bổ)

Nợ TK nguồn

Có TK đích

+ Trường hợp phân bổ tài khoản nguồn và tài khoản đích khác mã KBNN, thực hiện rút dự toán về tài khoản nguồn:

Nợ TK nguồn

Có TK đích

Thực hiện phân bổ lại theo đúng mã Kho bạc Nhà nước.

2.6. Điều chỉnh phát hiện sai số tiền, sai COA sau khi KBNN đã thực hiện chi trả cho đơn vị sử dụng ngân sách, dự án đầu tư

Căn cứ Công văn của cấp có thẩm quyền (về việc thu hồi dự toán; điều chỉnh dự toán), Giấy nộp trả kinh phí của đơn vị sử dụng ngân sách, dự án đầu tư gửi KBNN đồng cấp, kế toán KBNN, ghi:

1) Thu hồi giảm chi

- Trong năm ngân sách, kế toán ghi (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 1112, 1132, 1133, 3856, 3866...

Có TK 15xx, 8xxx ...

- Trong thời gian chỉnh lý

+ Kế toán ghi (GL, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 1112, 1132, 1133, 3856, 3866...

Có TK 3398 – Phải trả trung gian để điều chỉnh số liệu

Đồng thời, ghi (GL, ngày hiệu lực 31/12 năm trước)

Nợ TK 3398 – Phải trả trung gian để điều chỉnh số liệu

Có TK 15xx, 8xxx ...

(2) Dự toán chi phân bổ cho đơn vị đơn vị sử dụng ngân sách, dự án đầu tư được phục hồi, điều chỉnh như các bước nêu trên.